

# **BÁO CÁO VĨ MÔ & THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN**



Biến cơ hội thành giá trị

**Tháng 09 năm 2023**

## Mục Lục

|   |              |
|---|--------------|
| <b>Tóm tắt.....</b>                           | <b>tr.3</b>  |
| <b>Kinh tế Vĩ mô tháng 8.....</b>             | <b>tr.4</b>  |
| <b>Tổng quan TTCK tháng 8.....</b>            | <b>tr.17</b> |
| <b>Triển vọng TTCK tháng 9 .....</b>          | <b>tr.35</b> |
| <b>Lịch sự kiện tháng 9 .....</b>             | <b>tr.39</b> |
| <b>Danh sách mã khuyến nghị năm 2023.....</b> | <b>tr.40</b> |
| <b>Tuyên bố miễn trừ.....</b>                 | <b>tr.60</b> |



# TÓM TẮT

- **VN-Index biến động mạnh trong tháng 8** khi có phiên giảm mạnh nhất kể từ tháng 5/2022 trước khi phục hồi trở lại và kết thúc tháng 08/2023 tại 1.224,05 điểm, tăng nhẹ 0,09% duy trì tăng điểm 04 tháng liên tiếp.
- **Thanh khoản tăng tháng thứ 5 liên tiếp, kỷ lục mới về khối lượng giao dịch trong 1 phiên được xác lập trên sàn HOSE ngày 18/8/2023 với 1,645 tỷ cổ phiếu (gần 35.000 tỷ đồng).** Dòng tiền tháng 8 có xu hướng tập trung mạnh tại nhóm VN30 và ngành Bất động sản, ngân hàng, dịch vụ tài chính. Xét về mức tăng trưởng thanh khoản, đột biến nhất ở nhóm công nghệ thông tin (+68,7% MoM) khi cổ phiếu đầu ngành FPT vượt đỉnh lịch sử.
- Trái ngược với tháng 7/2023, trong tháng 8/2023 các nhà đầu tư cá nhân đã mua ròng mạnh trở lại, cân đối với hoạt động bán ròng của các nhà đầu tư tổ chức. Số lượng tài khoản của nhà đầu tư mở mới tiếp tục ghi nhận tín hiệu tích cực với trên 150.000 tài khoản trong tháng 8, đưa tổng số tài khoản chứng khoán lên đạt mức 7,6% dân số Việt Nam.
- **Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng trong tháng 8 với tổng cộng 2.985 tỷ đồng** trong đó các quỹ ETF rút ròng 179 triệu USD. Lũy kế 8 tháng đầu năm 2023, nhà đầu tư nước ngoài bán ròng 2.927 tỷ tại thị trường chứng khoán Việt Nam..
- **Kinh tế tiếp tục có những dấu hiệu khởi sắc** trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, tiêu dùng nội địa, thu hút FDI, XNK trong tháng 8. Tuy nhiên lạm phát có xu hướng tăng nhẹ do chịu ảnh hưởng bởi các lần tăng giá xăng dầu và giá gạo trong nước tăng trước các quyết định cấm xuất khẩu gạo của Ấn Độ, Nga, UAE. Tín dụng tăng trưởng chậm chỉ đạt 5,33% so với 9,87% cùng kỳ năm 2022 và được kỳ vọng sẽ cải thiện trong 4 tháng cuối năm, dự báo tăng trưởng tín dụng năm 2023 khoảng 10%-12%.
- **Xu hướng thị trường trong tháng 9 được dự báo sẽ tiếp tục tích cực** sau khi hình thành Uptrend trung hạn với các nhịp tăng và điều chỉnh/ tích lũy đi ngang ngắn hạn xen kẽ. Mục tiêu của VN-Index trong kịch bản tích cực có khả năng sát ngưỡng cản 1.300 điểm.
- Danh mục cổ phiếu khuyến nghị có tổng cộng 19 mã cổ phiếu trong đó mã CSV đã đạt mục tiêu. Cổ phiếu diễn biến tích cực nhất Danh mục tháng 8 là FPT (+14,3%), STB (+12,8%), cổ phiếu kém tích cực nhất tháng là PLC (-9,87%).

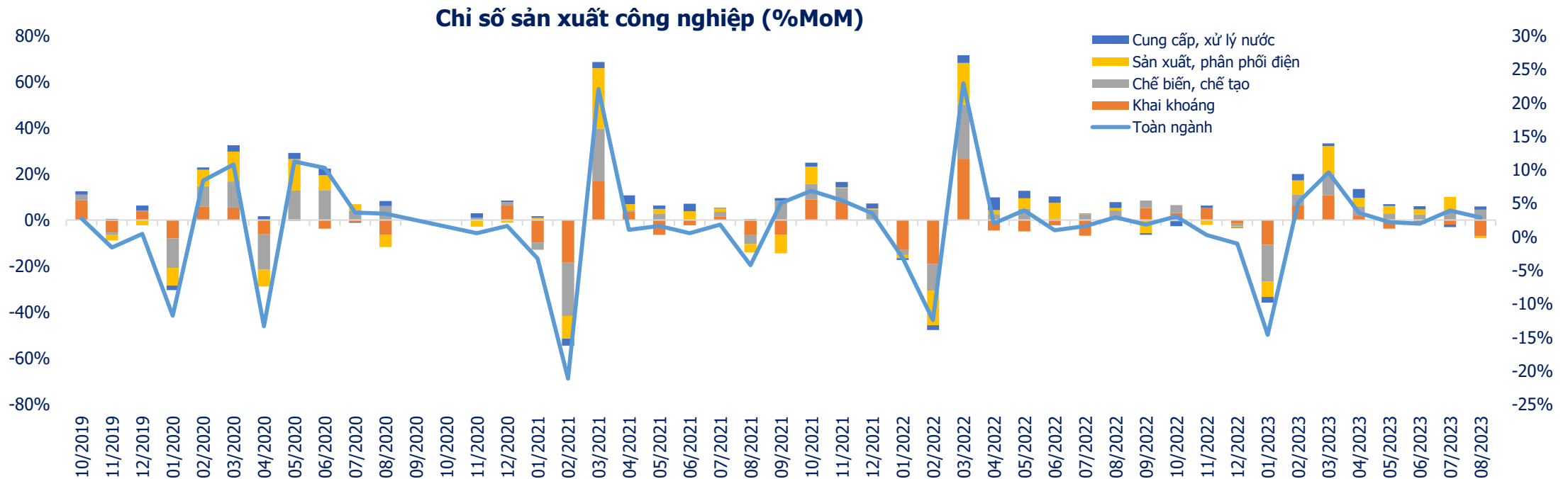
The image features a blue-toned view of Earth from space, showing the continents of Asia and Australia. A white rectangular frame is positioned on the right side of the image. Overlaid on the globe is a network of white lines connecting various points, with some points glowing as bright blue stars. The text 'KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 8' is centered in the image in a bold, white, sans-serif font.

**KINH TẾ VĨ MÔ  
THÁNG 8**

# KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 8

**Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) chưa phục hồi hoàn toàn so với cùng kỳ.** Theo đó IIP tháng 08 tăng 2,6% so với tháng trước, và tăng 2,9% so với cùng kỳ 2022.

- Mức tăng trưởng so với cùng kỳ chậm hơn tháng 7 do sự sụt giảm của lĩnh vực khai khoáng (-6,2% tháng này so với mức +4,0% tháng trước).
- Ngành Chế biến chế tạo duy trì được đà tăng so với tháng trước (+3,5% yoy so với mức +3,6% yoy trong tháng 7). Mức tăng được đóng góp lớn bởi các lĩnh vực chế biến thực phẩm tăng 11,4%; sản xuất đồ uống tăng 8,5%; sản xuất hóa chất tăng 9,3%; sản xuất nhựa tăng 10,5%; sản xuất sắt thép tăng 24,8%. Trong khi đó, khối sản xuất phụ thuộc vào xuất khẩu khá khiêm tốn như may mặc (+1,7%); da giày (-1,4%); sản phẩm điện tử, máy vi tính, và các thiết bị quang học (-0,3%).

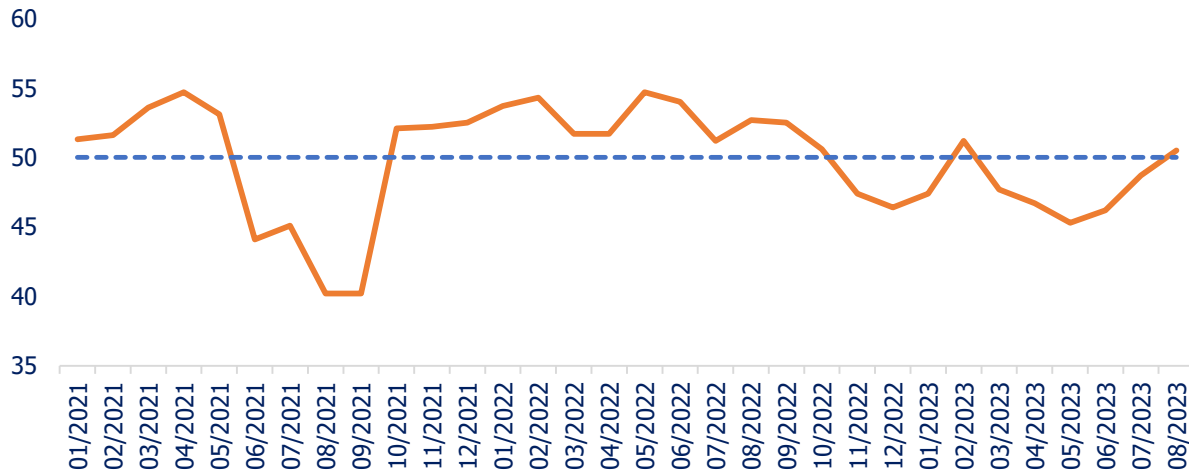


# KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 8

**PMI trở lại trên ngưỡng 50 điểm sau 6 tháng.** Theo S&P Global, PMI tháng 08 của Việt Nam tăng lên 50,5 điểm so với mức 48,7 điểm tháng trước. Điều này cho thấy các điều kiện kinh doanh trong ngành sản xuất đã cải thiện, một số dấu hiệu phục hồi của nhu cầu đã giúp sản lượng và số lượng các đơn đặt hàng mới tăng trở lại.

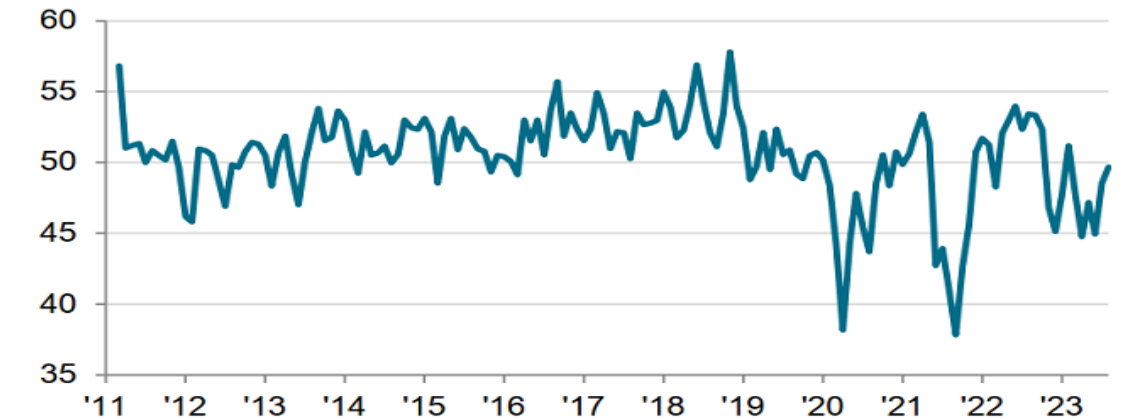
- Số lượng đơn đặt hàng mới tăng lần đầu trong vòng 6 tháng trở lại đây, số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới cũng tăng sau thời gian giảm kéo dài 5 tháng. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng vẫn khiêm tốn khi nhu cầu vẫn còn yếu.
- Các công ty đã tăng mạnh hoạt động mua hàng và mức tăng này đáng kể nhất kể từ tháng 9/2022. Theo đó, tồn kho hàng mua cũng tăng tháng thứ hai liên tiếp.
- Tuy nhiên, tình hình việc làm vẫn chưa được cải thiện, số lượng việc làm đã giảm 6 tháng liên tiếp dù là mức giảm đã nhẹ hơn so với các tháng trước
- Tình trạng giá cả tăng trở lại cũng được ghi nhận vào giữa quý 3. Chi phí đầu vào tăng lần đầu trong vòng 4 tháng trở lại đây, trong khi giá bán hàng có dấu hiệu tăng lần đầu kể từ tháng 3.

**Chỉ số PMI**



**PMI Chỉ số việc làm**

Điều chỉnh theo mùa, >50 = tăng so với tháng trước



Nguồn: S&P Global PMI.

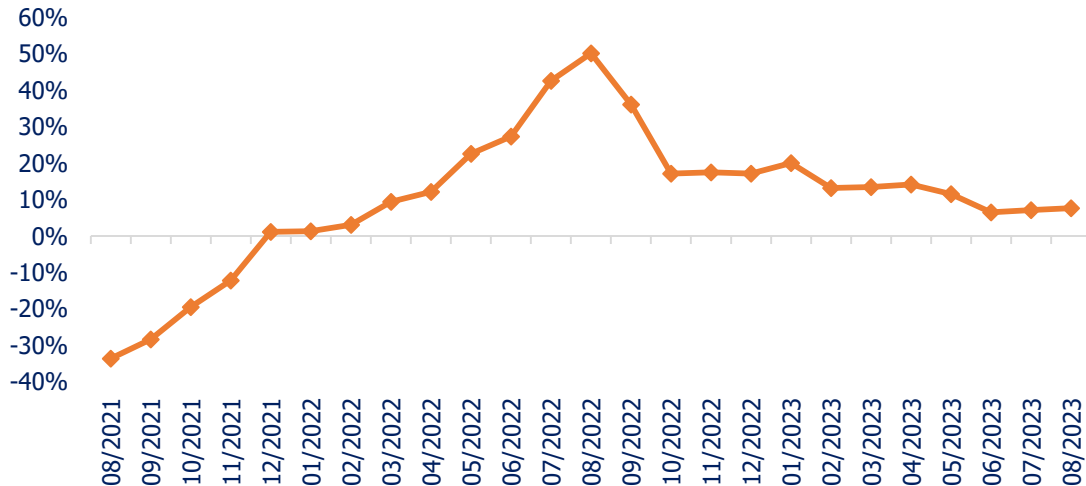


# KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 8

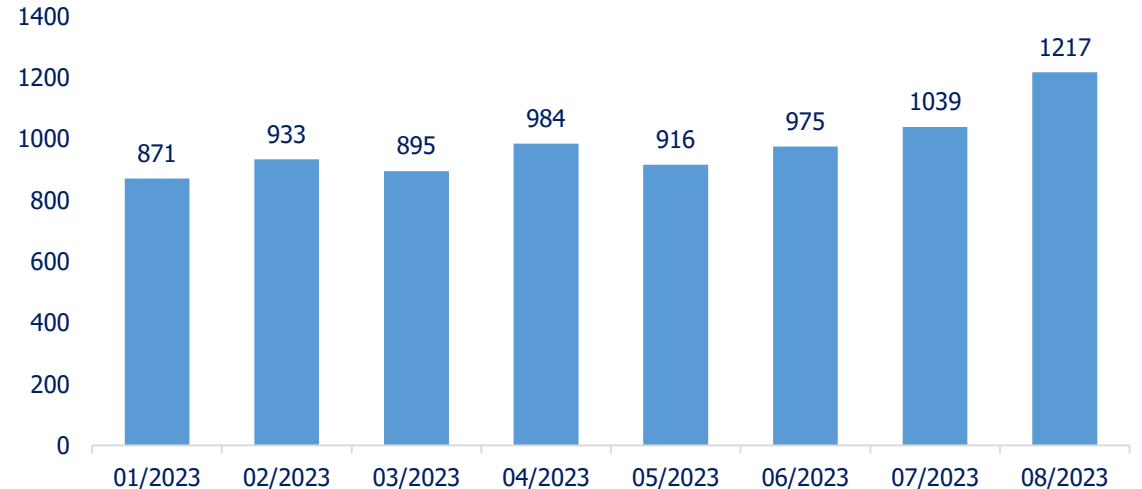
**Tổng mức bán lẻ hàng hóa (BLHH) và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (DVTĐ) tiếp tục tăng nhờ sự hồi phục của ngành du lịch.** Theo đó, tổng mức BLHH và doanh thu DVTĐ tháng 8/2023 ước đạt 515,4 nghìn tỷ đồng, tăng 0,9% so với tháng trước và tăng 7,6% so với cùng kỳ năm trước do nhu cầu tiêu dùng các mặt hàng thiết yếu (nhu cầu mặt hàng phục vụ năm học mới tăng cao và tháng 8 là tháng nghỉ hè cuối cùng của học sinh nên các hoạt động du lịch diễn ra nhộn nhịp hơn).

Tháng 8, khách du lịch nước ngoài đến Việt Nam ước tính khoảng trên 1,21 triệu lượt , tăng 17,2% so với tháng 7 và bằng khoảng 80% tháng 08/2019 (thời điểm trước khi xảy ra dịch Covid-19). Đây cũng là tháng đón lượng khách quốc tế cao nhất kể từ đầu năm. Hai thị trường khách khách quốc tế lớn nhất là Hàn Quốc và Trung Quốc. Lượng khách Hàn Quốc trong tháng 8 tăng mạnh so với tháng trước và đạt 96% mức trước dịch Covid-19, trong khi đó lượng khách Trung Quốc mới chỉ đạt khoảng 44% mức trước dịch. Tính chung trong 8T2023, khách quốc tế đến Việt Nam đạt hơn 7,8 triệu lượt, gấp 5,4 lần so với cùng kỳ và bằng gần 70% so với thời điểm trước dịch, gần hoàn thành mục tiêu cả năm (8 triệu lượt). Dự báo lượng khách quốc tế đến Việt Nam sẽ tiếp tục tăng mạnh do cuối năm là mùa cao điểm khách quốc tế và tác động tích cực từ chính sách nới thời hạn e-visa từ 30 lên 90 ngày có hiệu lực từ ngày 15/8.

### Tăng trưởng bán lẻ



### Khách du lịch quốc tế (nghìn lượt)



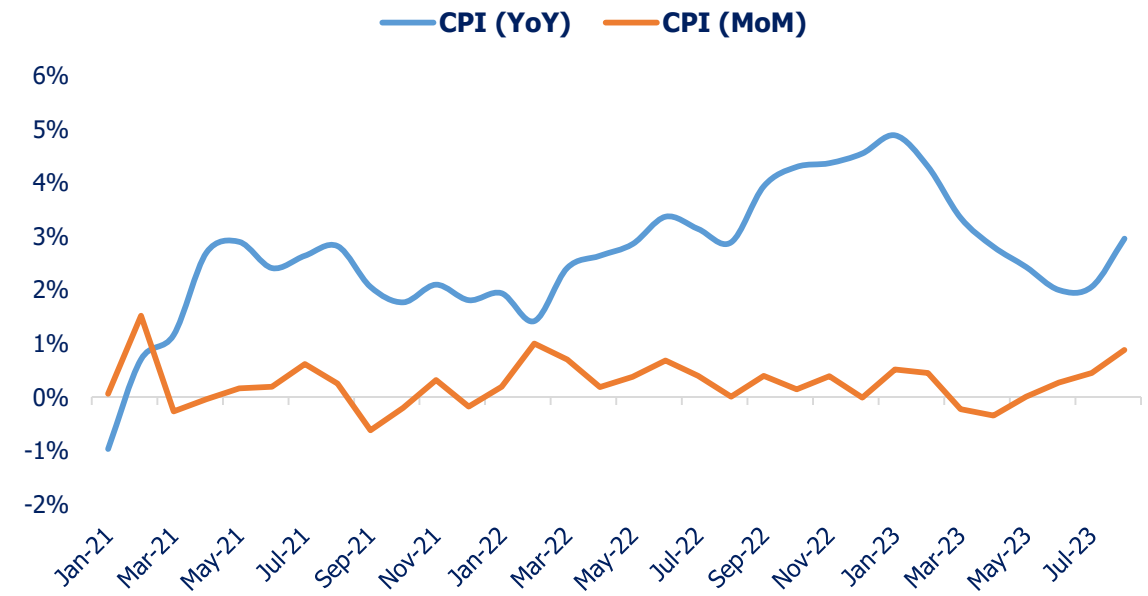
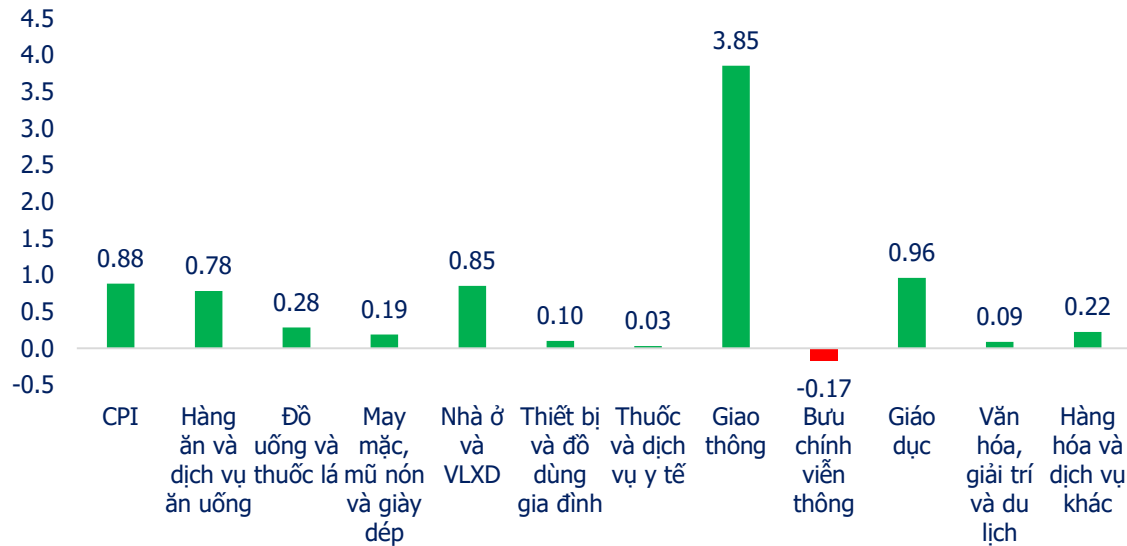
Nguồn: GSO, Bloomberg, SHS tổng hợp

# KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 8

**Xăng dầu và gạo kéo CPI tháng 8 tăng.** Theo đó, CPI tháng 8 đã tăng 0,88% so với tháng trước. Trong 11 nhóm hàng hóa thì có 10 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng. Nhóm giao thông tăng cao nhất với 3,85% (làm CPI chung tăng 0,37 điểm phần trăm) chủ yếu do giá xăng tăng 9,85%; giá dầu diesel tăng 15,9% do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá trong nước. Nhóm giáo dục tăng 0,96% do học sinh vào năm học bắt đầu học chương trình sách giáo khoa mới. Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,78% (làm CPI chung tăng 0,26 điểm phần trăm), trong đó nhóm lương thực tăng 3,28%. Thời gian gần đây, giá gạo trong nước tăng cao theo giá gạo xuất khẩu do lệnh cấm xuất khẩu gạo của Ấn Độ, Nga, UAE. Bên cạnh đó, ảnh hưởng của hiện tượng El Nino đã khiến thị trường gạo toàn cầu diễn biến phức tạp hơn. Trong tháng 8, duy nhất có một nhóm hàng giảm là nhóm bưu chính viễn thông (-0,17%)

Bình quân 8 tháng năm 2023, CPI tăng 3,1% so với cùng kỳ, lạm phát cơ bản tăng 4,57% so với cùng kỳ năm 2022.

Tốc độ tăng/giảm CPI tháng 8 so với tháng trước (%)

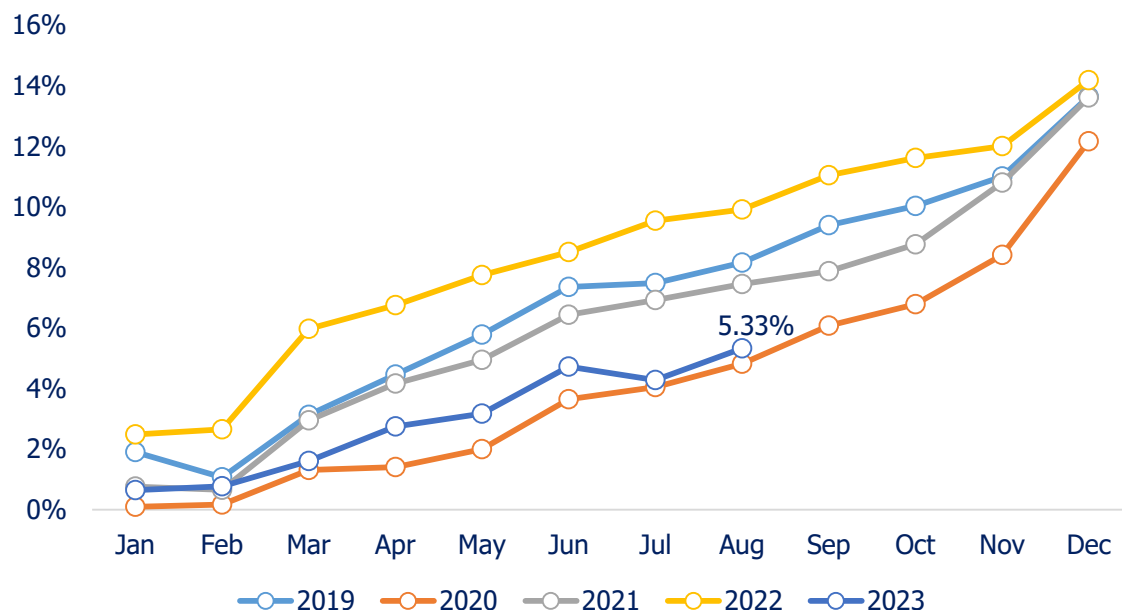


Nguồn: GSO, Bloomberg, SHS tổng hợp



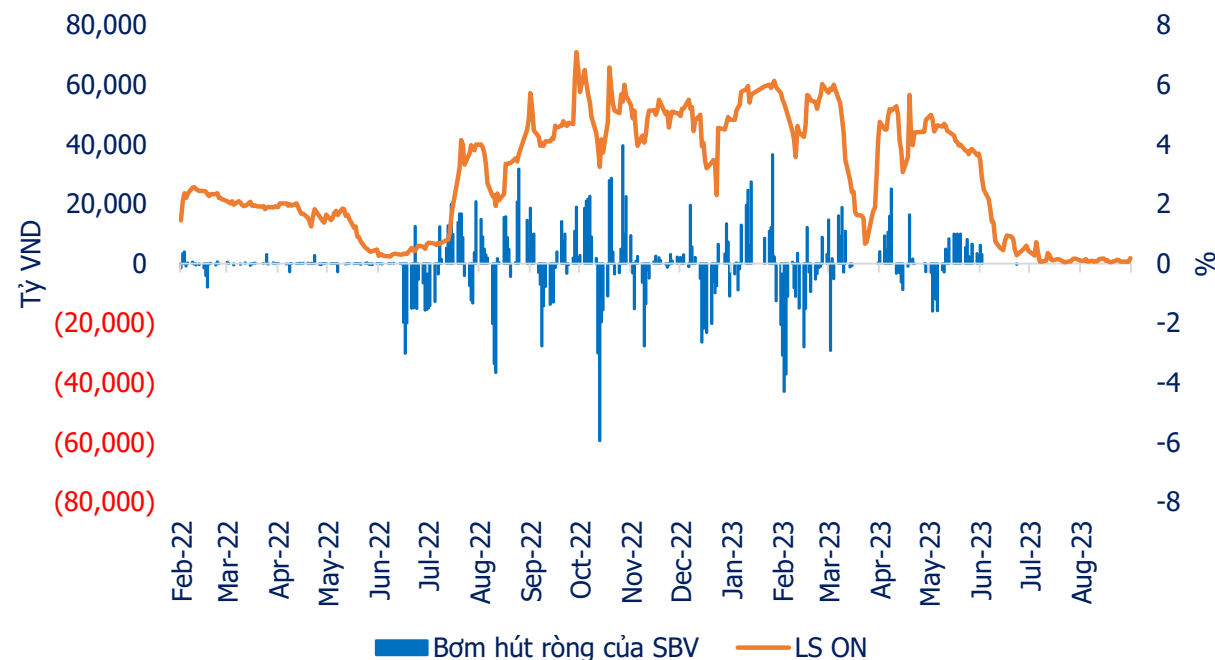
Biến cơ hội thành giá trị

## Tăng trưởng tín dụng YTD giai đoạn 2019-2023



Nguồn: Bloomberg, SBV, GSO, SHS tổng hợp

## Lãi suất LNH kỳ hạn ON và bơm hút ròng của SBV



Thanh khoản hệ thống Ngân hàng tiếp tục dồi dào, lãi suất liên Ngân hàng kỳ hạn qua đêm thời điểm cuối tháng 8 là 0,07%. NHNN thực hiện chào mua kỳ hạn 7 ngày giấy tờ có giá với lãi suất 4%, tuy nhiên không có khối lượng trúng thầu nào được ghi nhận. NHNN cũng không phát hành tín phiếu hút tiền về, dù lãi suất liên ngân hàng xuống sát 0% và tỷ giá USD/VND tăng khá nóng trong tháng 8.

Lãi suất huy động tiếp tục giảm trong tháng 8, đi đầu bởi xu hướng giảm lãi suất của nhóm Ngân hàng Big4. Hiện lãi suất huy động kỳ hạn 6 tháng – 12 tháng của các NHTMCP trong khoảng 5,6% - 6,3%. Tuy nhiên tốc độ giảm lãi suất cho vay đối với khoản vay cũ khá chậm, lãi suất cơ sở để tính lãi suất cho vay của nhóm NHTMCP vẫn trong khoảng 8%-9%, với biên độ khoảng 3%-3,5%. Từ 01/09/2023, Thông tư 10 sửa đổi Thông tư 06 của NHNN chính thức có hiệu lực, việc các Ngân hàng được phép cho khách hàng vay để tất toán nợ vay tại TCTD khác được kỳ vọng sẽ góp phần đẩy nhanh hơn tốc độ giảm lãi suất cho vay đối với khoản vay cũ.

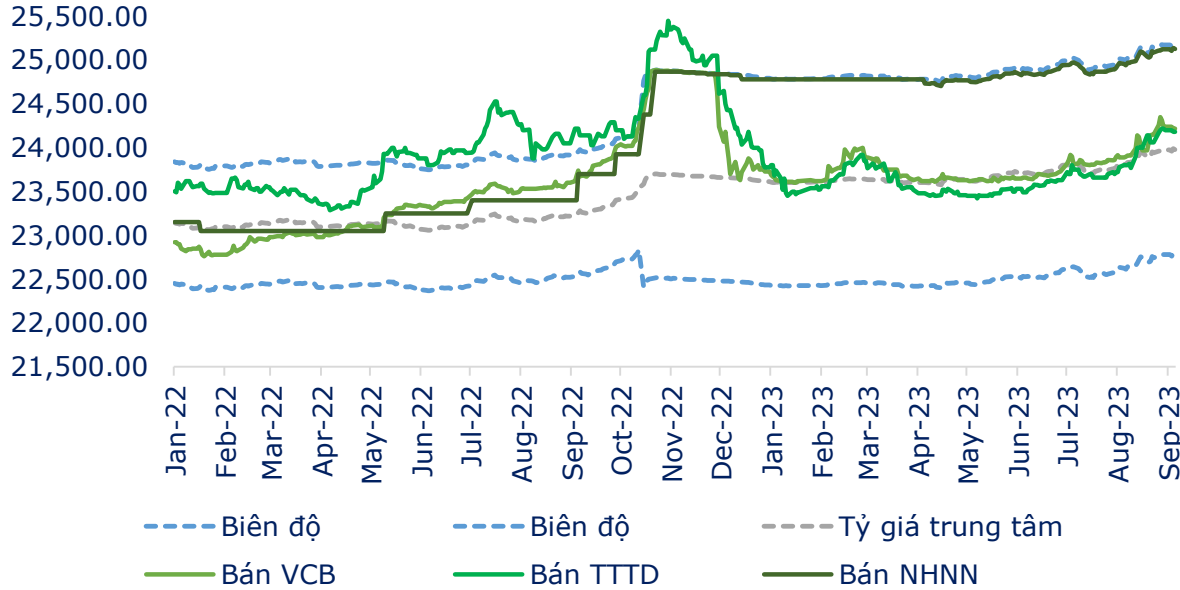
Tính đến ngày 29/8/2023, tín dụng tăng trưởng 5,33% YTD (12,56 triệu tỷ đồng), thấp hơn đáng kể so với mức 9,87% cùng kỳ năm 2022. Tốc độ tăng trưởng tín dụng được kỳ vọng tích cực hơn trong 4 tháng cuối năm khi xuất khẩu, sản xuất đang bước đầu có cải thiện. Dự báo tăng trưởng tín dụng năm 2023 khoảng 10%-12%.



# KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 8

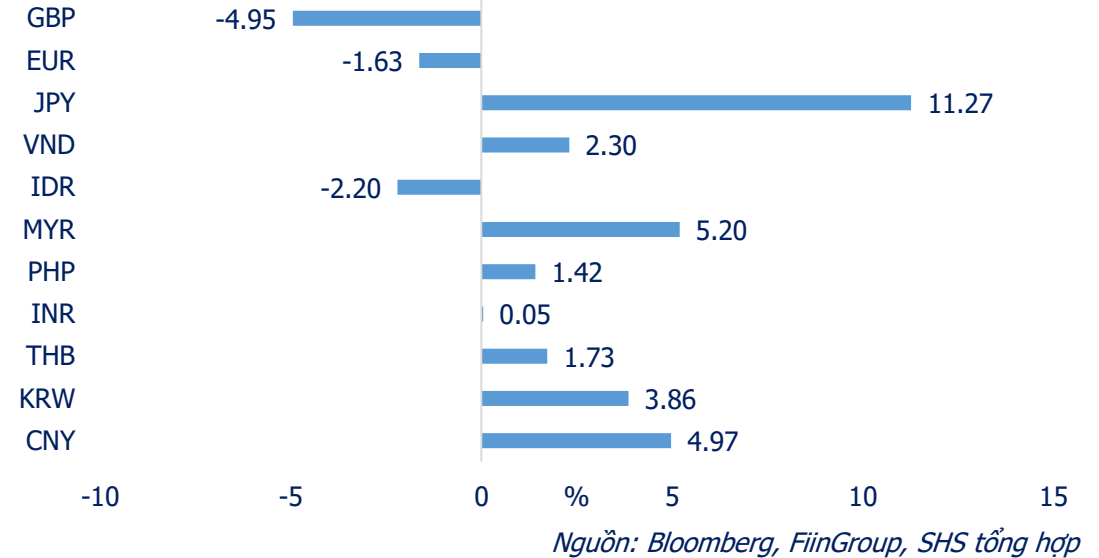
Biến cơ hội thành giá trị

### Diễn biến tỷ giá USD/VND



### Biến động giá một số đồng tiền so với USD

Số liệu YTD thời điểm cuối tháng 8



Tỷ giá USD/VND tăng mạnh trong tháng 8 khi nhu cầu USD tăng cao phục vụ hoạt động nhập khẩu hàng hóa, đặc biệt là nhập khẩu xăng dầu, bù đắp sản lượng của nhà máy lọc dầu Nghi Sơn (nghỉ bảo dưỡng từ ngày 25/08/2023, dự kiến kéo dài 55 ngày). Chênh lệch lãi suất giữa đồng VND và USD kỳ hạn qua đêm vẫn duy trì ở mức trên 5% cũng là yếu tố làm tăng sức ép lên tỷ giá. NHNN đã tăng tỷ giá trung tâm thêm 0,92% trong tháng 8, giá bán USD tại VCB lên mức cao nhất 24.350 VND tại ngày 29/08/2022, cao hơn trên thị trường tự do tuy nhiên có xu hướng hạ nhiệt nhẹ về cuối tháng. Tại thời điểm cuối tháng, giá USD tại VCB và thị trường tự do dao động quanh ngưỡng 24.200 VND, tăng hơn 2% so với đầu năm.

Nhìn chung biến động tỷ giá vẫn đang trong tầm kiểm soát, phần nhiều do yếu tố cung cầu mang tính mùa vụ. Nguồn cung ngoại tệ tương đối tích cực từ thặng dư thương mại, giải ngân FDI và FED được dự báo sẽ giữ nguyên lãi suất điều hành trong tháng 9 giúp NHNN có định hướng ưu tiên tăng trưởng, chưa có động thái tác động đến cung tiền VND. Các thị trường tài chính hiện đang đánh giá xác suất Fed giữ nguyên mức lãi suất mục tiêu 5,25%-5,5% trong cuộc họp ngày 19/9-20/9 là 93%. Goldman Sachs dự báo Fed sẽ giảm lãi suất từ giữa năm 2024, với tốc độ vừa phải theo từng quý.



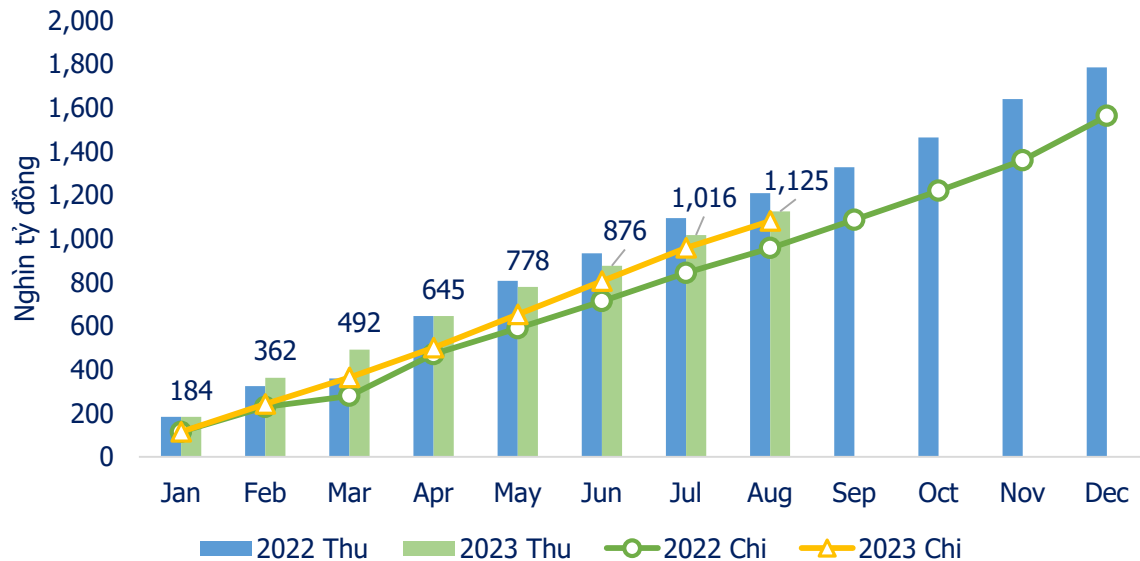
# KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 8

Thu NSNN tháng 8/2023 ước đạt 88,1 nghìn tỷ đồng, giảm mạnh 40,5% so với mức thu bình quân 7 tháng đầu năm. Tăng trưởng kinh tế yếu, hoạt động sản xuất - kinh doanh của một số ngành công nghiệp chủ lực suy giảm mạnh, thị trường bất động sản chậm phục hồi, thị trường xuất khẩu khó khăn, kết hợp với thực hiện các chính sách miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất mới ban hành đã làm giảm thu ngân sách. Lũy kế 8 tháng năm 2023, tổng thu NSNN ước đạt 1.124,5 nghìn tỷ đồng, bằng 69,4% dự toán năm, giảm 8,8% YoY, tổng chi NSNN ước đạt 1.081,2 nghìn tỷ đồng, bằng 52,1% dự toán năm, tăng 13% YoY. Thu NSNN giảm khiến Ngân sách có 4 tháng bội chi liên tiếp, 8 tháng đầu năm NSNN chỉ còn bội thu 43,3 nghìn tỷ đồng.

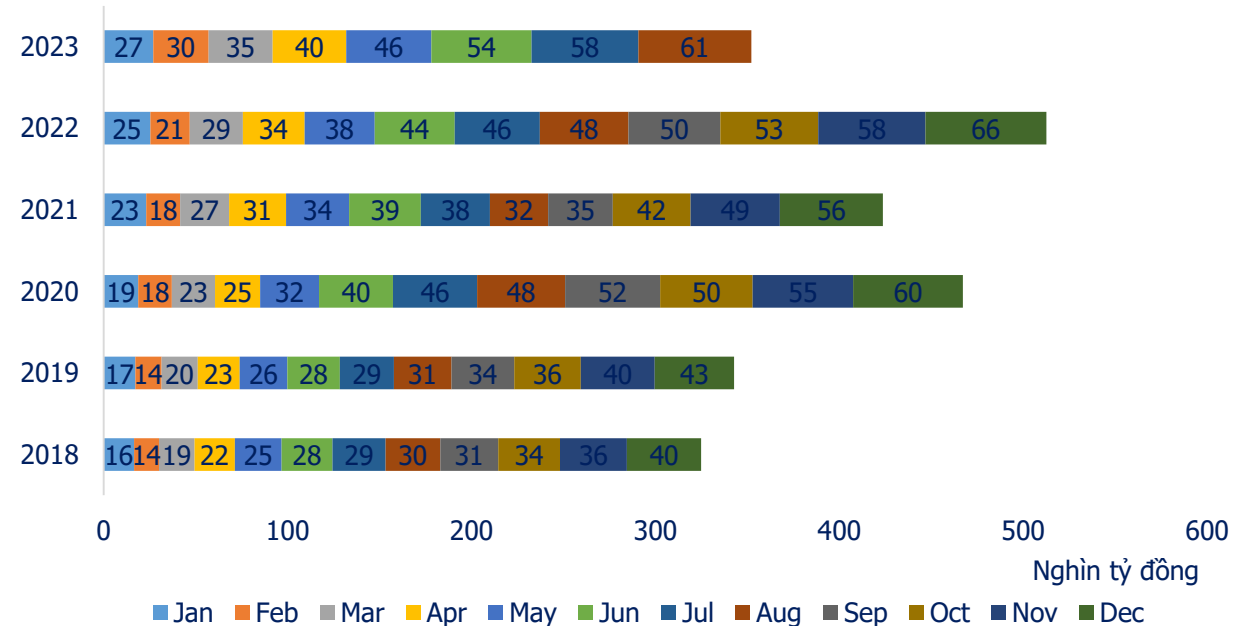
Chi đầu tư công vẫn là điểm sáng với vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN tháng 8/2023 ước đạt 61,3 nghìn tỷ đồng, tăng 29,1% YoY. Tính chung 8 tháng năm 2023, vốn đầu tư thực hiện từ NSNN ước đạt 352,1 nghìn tỷ đồng, bằng 49,4% kế hoạch năm và tăng 23,1% YoY. Chính phủ đã đặt mục tiêu hoàn thành tối thiểu 95% kế hoạch đầu tư công năm 2023 (713 nghìn tỷ đồng), tương đương 361 nghìn tỷ đồng vốn đầu tư công sẽ được bơm ra nền kinh tế trong 4 tháng cuối năm. Với các dự án giao thông lớn được đẩy mạnh triển khai, chúng tôi đánh giá tích cực về triển vọng giải ngân vốn đầu tư công trong thời gian tới.

### Tình hình thu chi NSNN năm 2022-2023

Số liệu YTD



### Đầu tư công từ NSNN hàng tháng



Nguồn: GSO, SHS tổng hợp

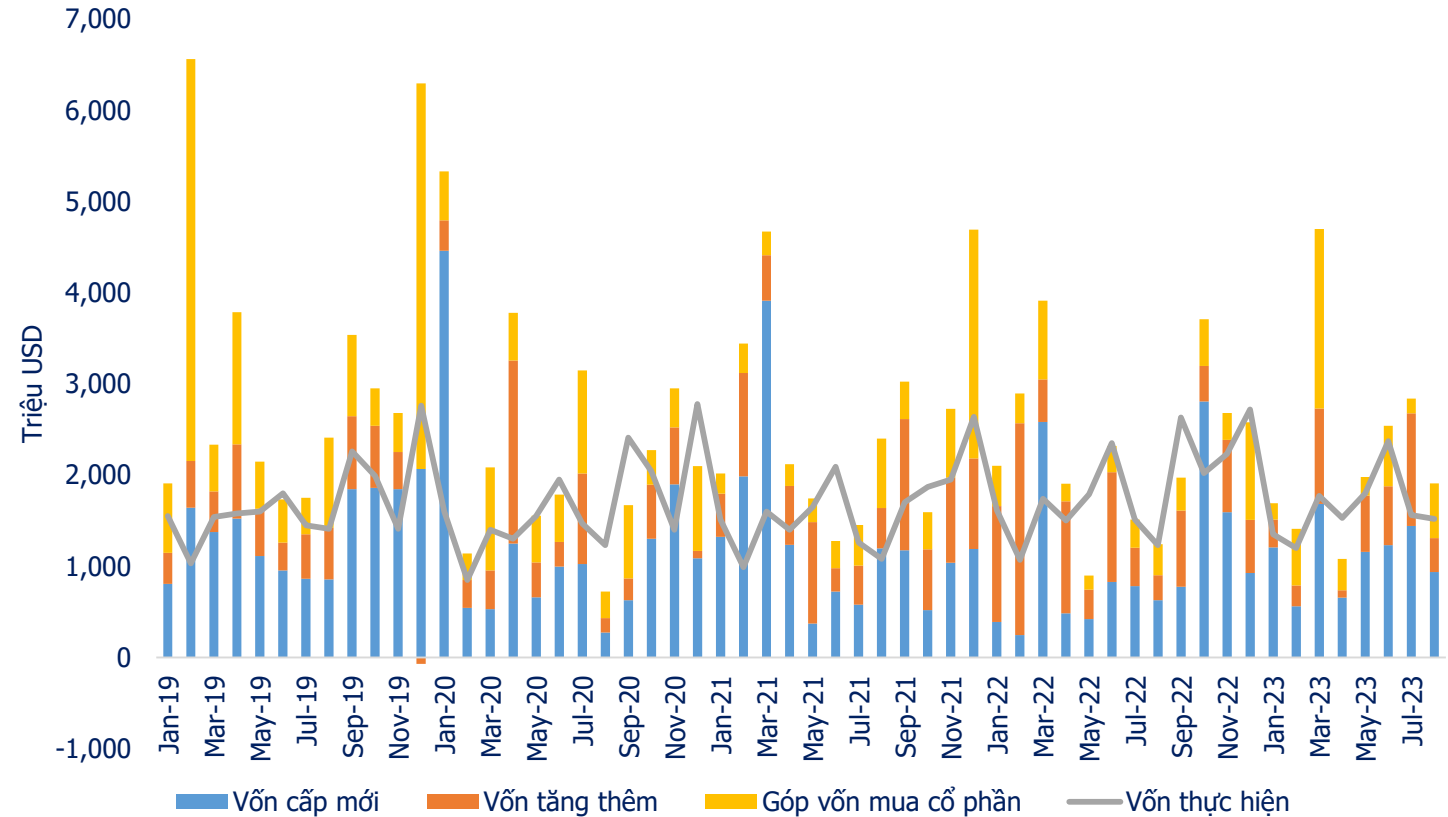
# KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 8

Tháng 8/2023, tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký đạt 1,91 tỷ USD, giảm so với 2 tháng tăng mạnh trước đó nhưng vẫn tăng 54% svck. Tính đến ngày 20/8/2023, tổng vốn FDI đăng ký cấp mới, điều chỉnh vào Việt Nam đạt 18,15 tỷ USD, tăng 8,2% YoY, trong đó, vốn cấp mới đạt 8,87 tỷ USD (+39,71% YoY), vốn tăng thêm đạt 4,53 tỷ USD (-39,67% YoY), góp vốn mua cổ phần đạt 4,74 tỷ USD (+62,66% YoY).

Vốn đầu tư thực hiện trong tháng 8 đạt 1,52 tỷ USD, 8 tháng đầu năm đạt 13,1 tỷ USD, tăng 2,34% svck. Vốn thực hiện vẫn là điểm sáng khi vốn thực hiện trong năm 2022 đã đạt mức cao nhất trong 5 năm, 2018 – 2022.

Về Thuế tối thiểu toàn cầu – luật thuế có tác động lớn đến dòng vốn đầu tư quốc tế - Bộ Tài chính đã đề nghị Quốc hội ban hành Nghị quyết về Luật Thuế tối thiểu toàn cầu và Thuế bổ sung tối thiểu nội địa ở Kỳ họp tháng 10.2023. Việc quy định Thuế bổ sung tối thiểu nội địa đối với doanh nghiệp hiện nộp thuế tại Việt Nam dưới mức 15% nhằm giữ phần thuế tại nước sở tại, tránh việc nộp thuế bổ sung về các nước có công ty mẹ đóng trụ sở chính. Đi kèm việc áp thuế bổ sung tối thiểu nội địa là các giải pháp hỗ trợ phù hợp để giữ chân các nhà đầu tư hiện hữu và thu hút nhà đầu tư mới.

**Vốn FDI đăng ký và giải ngân theo tháng**



Nguồn: GSO, OECD, SHS tổng hợp



# KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 8

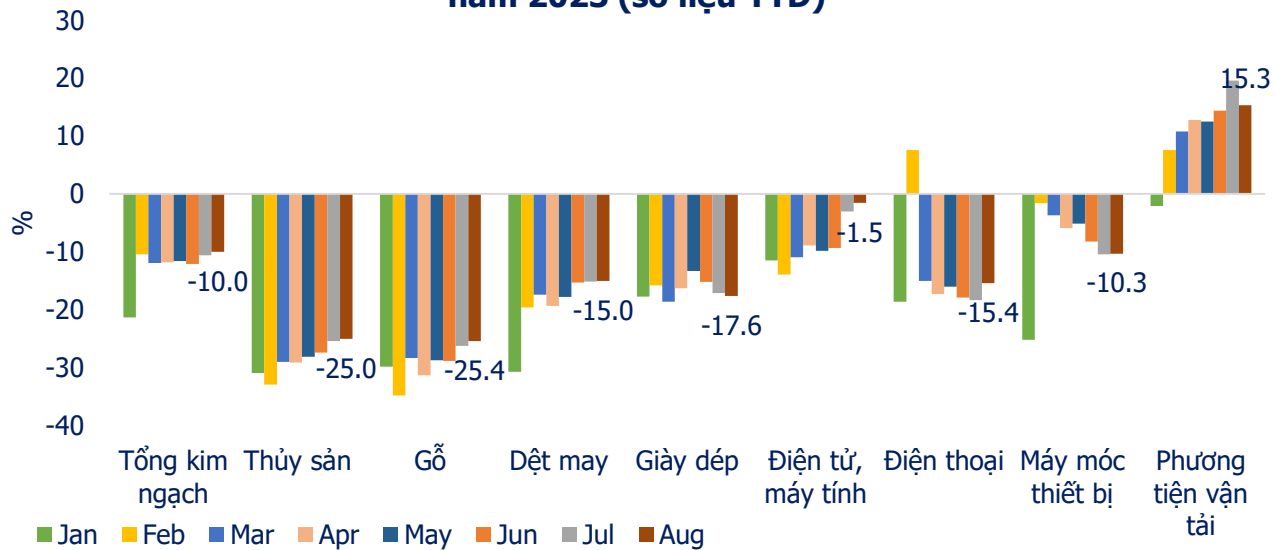
Biến cơ hội thành giá trị

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 8 năm 2023 ước đạt 32,37 tỷ USD, tăng 7,7% MoM, giảm 7,6% YoY, lũy kế 8 tháng ước đạt 227,71 tỷ USD, giảm 10% YoY. Mặt hàng điện tử máy tính tiếp tục là điểm sáng trong tháng 8 với kim ngạch XK tăng 10,8% YoY, 8 tháng chỉ còn giảm 1,5% YoY, giúp mức độ giảm tổng kim ngạch XK tiếp tục cải thiện theo tháng. Một số mặt hàng chủ lực như dệt may, thủy sản ghi nhận tốc độ giảm giảm dần qua từng tháng, phương tiện vận tải tăng trưởng khá tích cực.

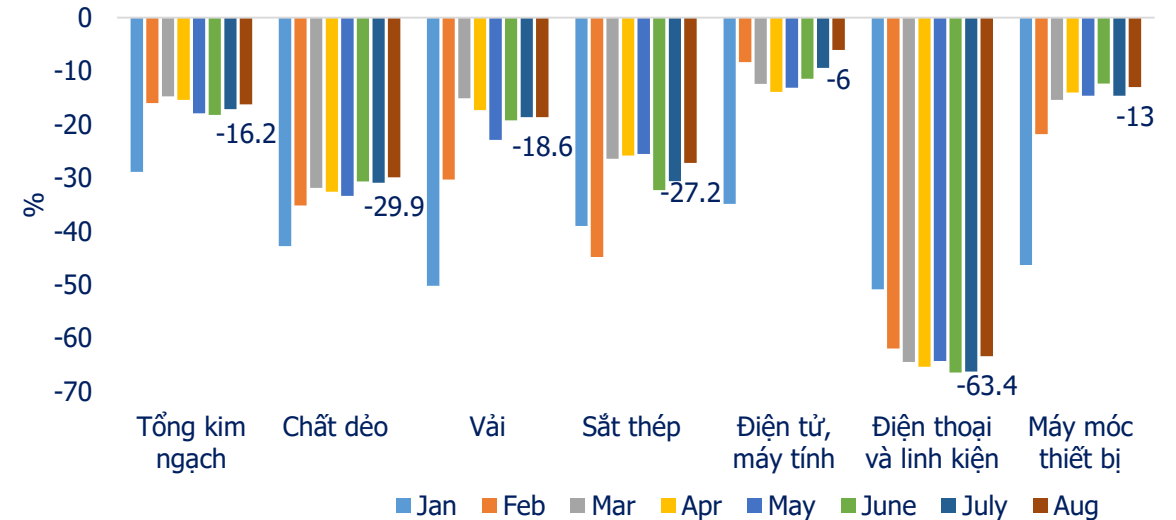
Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 8 năm 2023 ước đạt 28,55 tỷ USD, tăng 5,7% MoM, giảm 8,3% YoY, lũy kế 8 tháng ước đạt 207,52 tỷ USD, giảm 16,2% YoY. Kim ngạch NK có cải thiện ở sản phẩm máy móc thiết bị, điện tử máy tính và linh kiện với tốc độ giảm chậm lại qua từng tháng. Kim ngạch NK có xu hướng tăng theo tháng, tuy nhiên nhìn chung mức độ cải thiện còn hạn chế, đặc biệt khi thời điểm cuối năm thường là cao điểm nhập khẩu tư liệu sản xuất.

Cán cân thương mại hàng hóa tháng 8 ước tính xuất siêu 3,82 tỷ USD, tính chung 8 tháng ước tính xuất siêu 20,19 tỷ USD, tăng mạnh so với mức xuất siêu 5,26 tỷ USD cùng kỳ năm 2022, là yếu tố tích cực hỗ trợ cho tỷ giá.

### Kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng chủ lực so với cùng kỳ năm 2023 (số liệu YTD)



### Kim ngạch nhập khẩu một số mặt hàng chủ lực so với cùng kỳ (số liệu YTD)



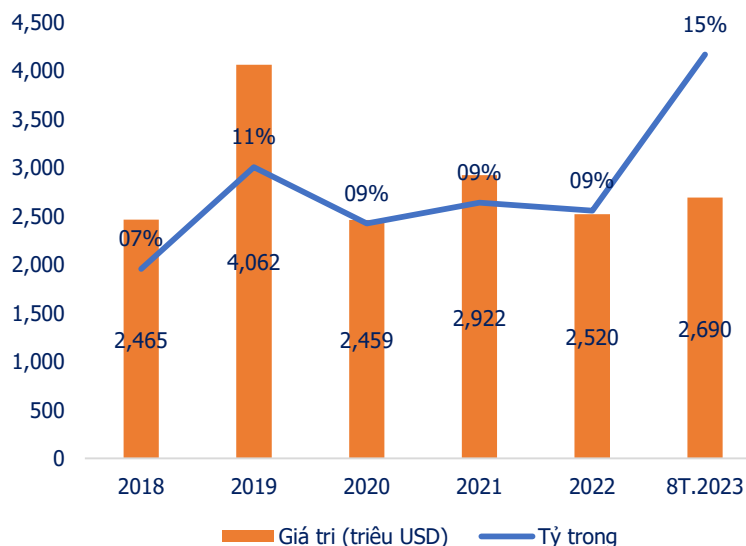
Nguồn: GSO, SHS tổng hợp



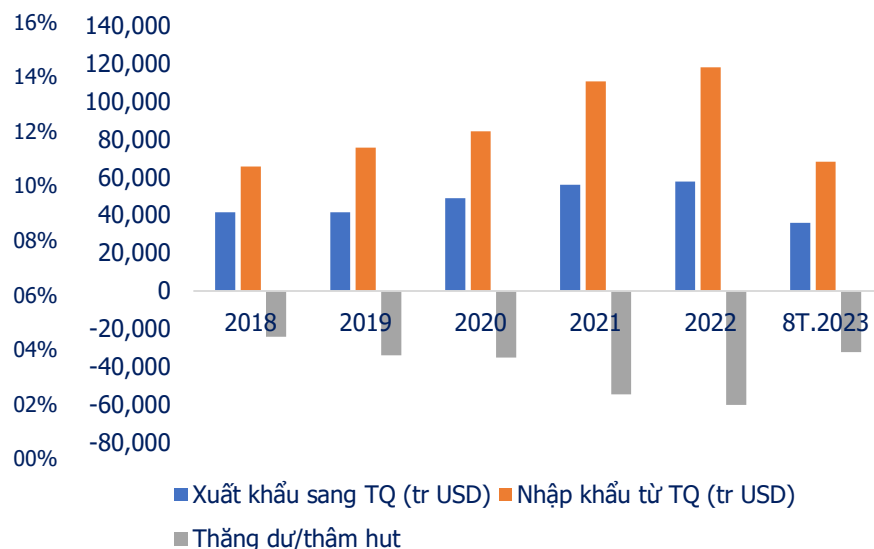
# KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 8

Thương mại hàng hóa giữa Việt Nam và Trung Quốc có sự chững lại trong tháng 8 qua đó kim ngạch xuất nhập khẩu 8 tháng đầu năm 2023 giữa 2 nước ước đạt 90,1 tỷ USD (-11,8% YoY trong đó xuất khẩu tăng 0,1% còn nhập khẩu giảm 17%). Lượng khách du lịch từ Trung Quốc tiếp tục gia tăng, đạt 212,3 nghìn lượt trong tháng 8 (+17,7% MoM) và lũy kế 8 tháng đạt 949,8 nghìn lượt, gấp hơn 13 lần của cả năm 2022 và tương ứng 87% tổng số lượng của 3 năm dịch 2020-2022. Vốn FDI từ Trung Quốc trong tháng 8 đạt 360 triệu USD qua đó 8 tháng đạt 2,69 tỷ USD, xếp thứ 2 sau Singapore trong số các nước đầu tư lớn nhất vào Việt Nam.

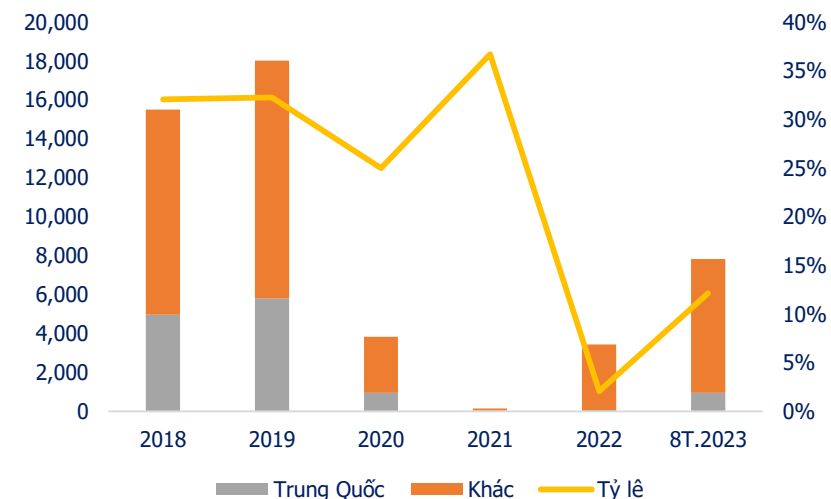
### FDI từ Trung Quốc



### XNK Việt Nam - Trung Quốc



### Số lượng khách du lịch quốc tế (nghìn lượt)



Nguồn: GSO, Bloomberg, SHS tổng hợp



# KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 8

Biến cơ hội thành giá trị

| Chỉ tiêu  | Sep-22  | Oct-22 | Nov-22 | Dec-22 | Jan-23  | Feb-23  | Mar-23  | Apr-23  | May-23  | Jun-23  | Jul-23  | Aug-23  |
|---|---------|--------|--------|--------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|
| <b>Chỉ số kinh tế</b>                           |         |        |        |        |         |         |         |         |         |         |         |         |
| Chỉ số sản xuất công nghiệp (hàng tháng, % YoY) | 13,0%   | 6,3%   | 3,5%   | 0,2%   | -8,0%   | 3,6%    | -1,6%   | 0,50%   | 0,10%   | 2,80%   | 3,70%   | 2,60%   |
| PMI (điểm)                                      | 52,5    | 50,6   | 47,4   | 46,4   | 47,4    | 51,2    | 47,7    | 46,7    | 45,3    | 46,2    | 48,7    | 50,5    |
| Tăng trưởng bán lẻ (lũy kế, %YoY)               | 21%     | 20,20% | 20,50% | 19,80% | 20%     | 13%     | 13,90%  | 12,80%  | 12,60%  | 10,90%  | 10,40%  | 10,00%  |
| FDI giải ngân (lũy kế, % YoY)                   | 16,30%  | 15,20% | 15,10% | 13,50% | -16,30% | -4,90%  | -2,30%  | -1,20%  | -0,80%  | 0,50%   | 0,80%   | 1,30%   |
| FDI đăng ký (lũy kế, % YoY)                     | -15,30% | -5,40% | -5,00% | -11%   | -19,80% | -38%    | 7,40%   | -17,90% | -7,30%  | -4,30%  | 4,50%   | 8,20%   |
| Tăng trưởng xuất khẩu (lũy kế, %YoY)            | 17,30%  | 15,90% | 13,40% | 10,60% | -21,30% | -10,40% | -11,90% | -11,80% | -11,60% | -12,10% | -10,60% | -10,00% |
| Tăng trưởng nhập khẩu (lũy kế, % YoY)           | 13%     | 12,20% | 10,10% | 8,40%  | -28,90% | -16%    | -14,70% | -15,40% | -17,90% | -18,20% | -17,10% | -16,20% |
| Cán cân thương mại (hàng tháng, tỷ USD)         | 1,14    | 2,27   | 0,78   | 0,5    | 0,52    | 2,30    | 0,65    | 1,51    | 2,24    | 2,59    | 2,15    | 3,82    |
| <b>Ổn định vĩ mô</b>                            |         |        |        |        |         |         |         |         |         |         |         |         |
| Lạm phát (% YoY)                                | 3,94%   | 4,30%  | 4,37%  | 4,55%  | 4,89%   | 4,31%   | 3,4%    | 2,81%   | 2,43%   | 2%      | 2,06%   | 2,96%   |
| Lạm phát cơ bản (BQ YTD % YoY)                  | 1,88%   | 2,14%  | 2,38%  | 2,59%  | 5,21%   | 5,08%   | 5,0%    | 4,90%   | 4,83%   | 4,74%   | 4,65%   | 4,57%   |
| Tăng trưởng tín dụng (% YTD)                    | 10,54%  | 11,38% | 11,50% | 14,50% | 0,65%   | 0,77%   | 1,6%    | 3,03%   | 3,27%   | 4,73%   | 4,28%   | 5,33%   |
| Tăng trưởng cung tiền M2 (% YTD)                | 3,21%   | 3,08%  | 3,55%  | 6,15%  | 0,79%   | 0,32%   | 1,32%   | 1,71%   | 2,05%   | 3,71%   |         |         |
| Lãi suất tái cấp vốn (%)                        | 5%      | 6%     | 6%     | 6%     | 6%      | 6%      | 5,5%    | 5,5%    | 5%      | 4,50%   | 4,50%   | 4,50%   |
| Lãi suất tái chiết khấu (%)                     | 3,50%   | 4,50%  | 4,50%  | 4,50%  | 4,50%   | 4,50%   | 3,5%    | 3,5%    | 3,50%   | 3,00%   | 3,00%   | 3,00%   |
| Lãi suất liên ngân hàng ON (%)                  | 4,73%   | 5,05%  | 4,57%  | 4,55%  | 5,90%   | 5,20%   | 1,0%    | 4,41%   | 3,68%   | 0,33%   | 0,08%   | 0,07%   |
| Lợi suất trái phiếu 10 năm (%)                  | 4,97%   | 5,10%  | 5,15%  | 4,95%  | 4,40%   | 4,40%   | 3,5%    | 3,33%   | 3,28%   | 2,70%   | 2,65%   | 2,71%   |
| CDS 5 năm                                       | 186,35  | 162,8  | 148,55 | 140,12 | 125,62  | 118,37  | 134,4   | 133,85  | 124,91  | 120,18  | 110,34  | 128,00  |
| USD/VND (% MoM)                                 | 1,73%   | 4,09%  | -0,60% | -4,30% | -0,80%  | 1,50%   | -1,35%  | -0,05%  | 0,10%   | 0,36%   | 0,45%   | 1,70%   |



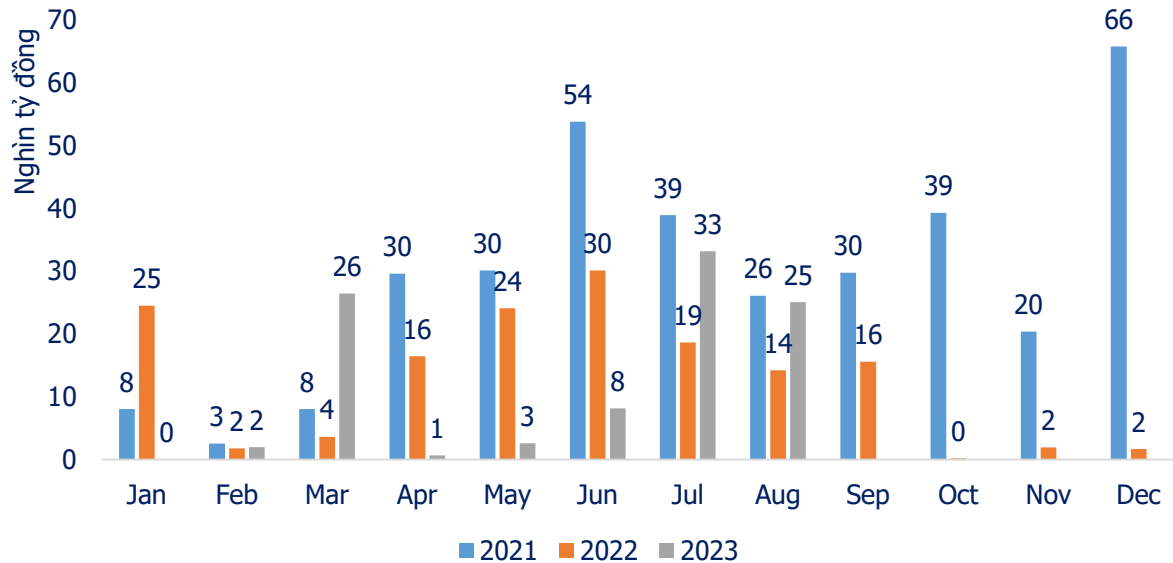
# TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP THÁNG 8

Biến cơ hội thành giá trị

Trong tháng 8, có 22 đợt phát hành trái phiếu riêng lẻ với tổng giá trị 25.055 tỷ đồng được thực hiện, lãi suất trung bình 9,25%/năm, kỳ hạn chủ yếu từ 2-5 năm. 8 tháng đầu năm, tổng giá trị phát hành TPDN được ghi nhận là 132.358 tỷ đồng, với 17 đợt phát hành ra công chúng trị giá 16.476 tỷ đồng và 101 đợt phát hành riêng lẻ trị giá 115.882 tỷ đồng.

Về hoạt động mua lại trái phiếu, các doanh nghiệp đã mua lại 17.489 tỷ đồng trái phiếu trong tháng 8. Tổng giá trị trái phiếu đã được các doanh nghiệp mua lại trước hạn 8 tháng đầu năm đạt 164.867 tỷ đồng (tăng 34% YoY). Ngân hàng là nhóm ngành dẫn đầu về giá trị mua lại, chiếm 46,7% tổng giá trị mua lại trước hạn (tương ứng 76.968 tỷ đồng). Trong 4 tháng cuối năm 2023, tổng giá trị trái phiếu sẽ đến hạn là 129.287 tỷ đồng, trong đó 57.400 tỷ đồng thuộc nhóm BĐS (chiếm 44,4%) và 31.861 tỷ đồng thuộc nhóm Ngân hàng (chiếm 24,6%).

### Giá trị phát hành TPDN trong nước giai đoạn 2021-2023



### Giá trị Trái phiếu doanh nghiệp đáo hạn 2023 - 2024







**TỔNG QUAN  
TTCK THÁNG 8**

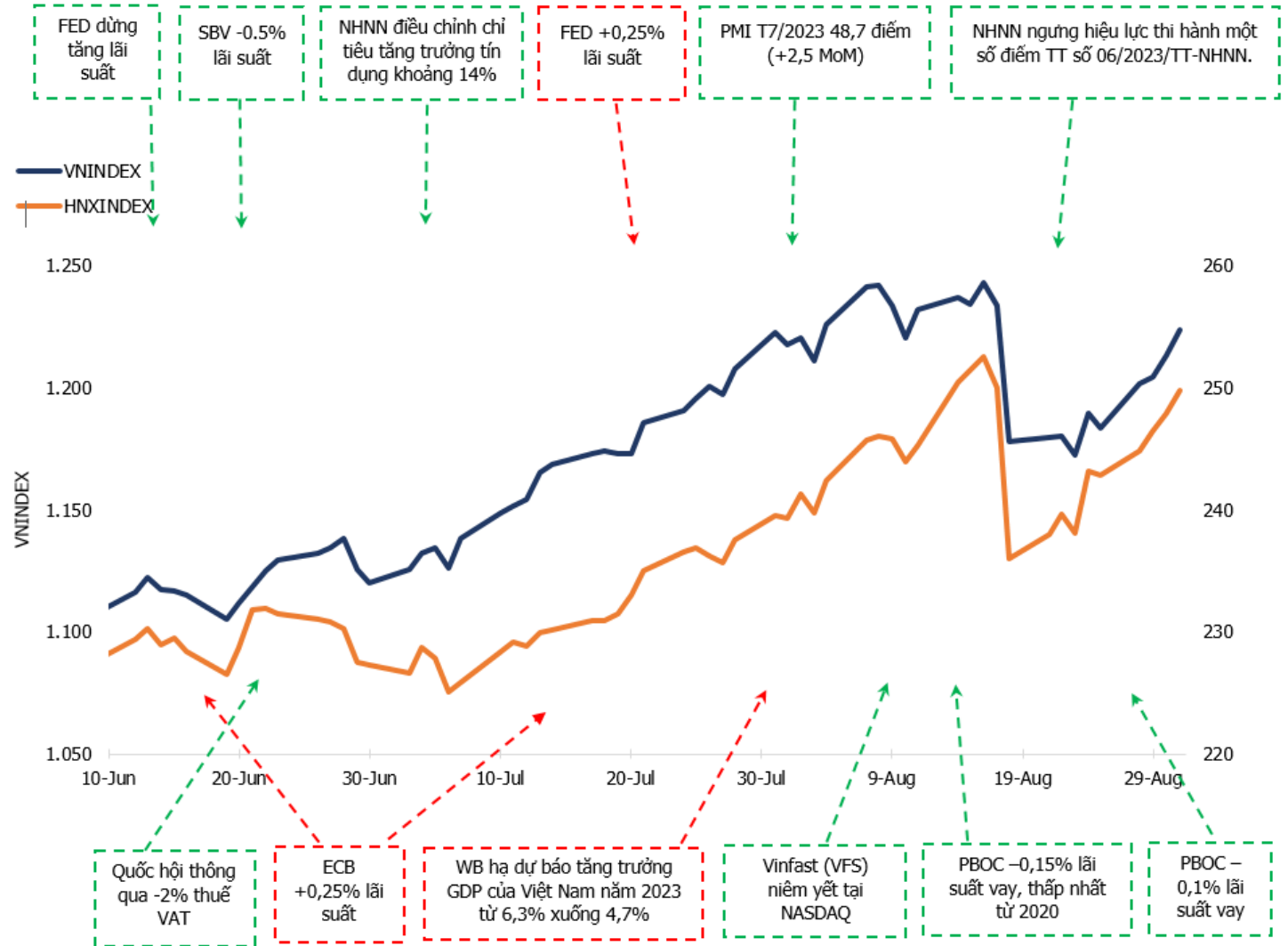
# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 8

## VN-INDEX biến động mạnh trong tháng 8, duy trì tăng điểm 04 tháng liên tiếp.

VN-INDEX kết thúc tháng 08/2023 tại 1.224,05 điểm, tăng nhẹ 0,09% với khối lượng giao dịch tăng mạnh 27,38% so với tháng 07/2023, duy trì 04 tháng liên tiếp tăng điểm từ tháng 05/2023.

Chỉ số có phiên giảm điểm mạnh nhất kể từ tháng 5/2022 với -55 điểm (-4,5%) ngày 18/08/2023, đồng thời xác lập kỷ lục khối lượng giao dịch với 1,645 tỷ cổ phiếu (gần 35.000 tỷ đồng) tuy nhiên sau đó đã phục hồi trở lại. Những biến động trong tháng của thị trường chịu tác động nhiều bởi diễn biến của cổ phiếu VIC khi giá bắt đầu tăng từ cuối tháng 7 và đạt đỉnh tại 76.600đ (+39% so với cuối tháng 7) trước khi đảo chiều giảm.

Bên cạnh đó, số liệu kinh tế vĩ mô của tháng 7 với những tín hiệu phục hồi sản xuất công nghiệp, xuất nhập khẩu hàng hóa tăng trưởng trở lại hay những động thái tháo gỡ khó khăn tiếp cận về nguồn vốn cho thị trường bất động sản thông qua việc Ngân hàng nhà nước ngưng hiệu lực thi hành một số điểm trong Thông tư 06 cũng tạo thêm kỳ vọng cho nhà đầu tư.



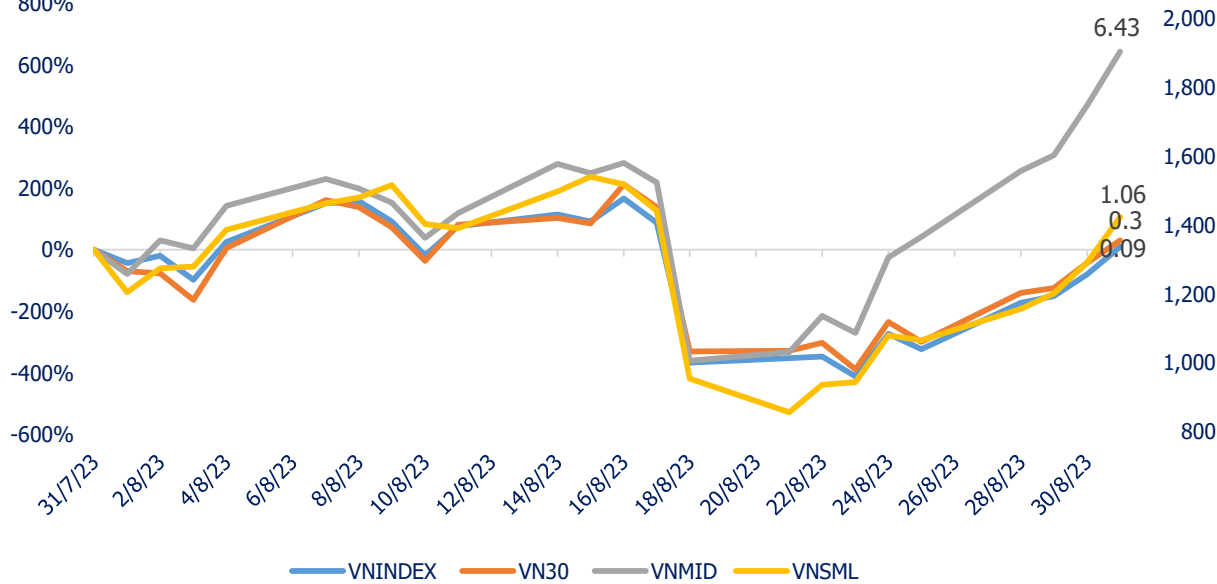


# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 8

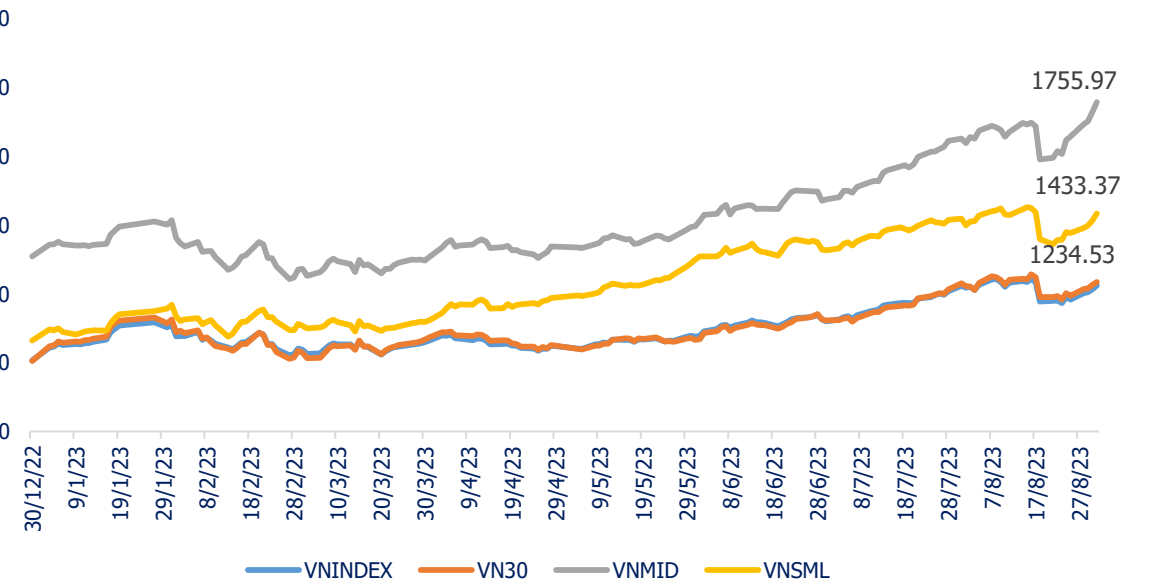
**Nhóm cổ phiếu vốn hóa trung bình VN MID tăng giá vượt trội trong cuối tháng 8.** Tiếp xu hướng tăng giá mạnh trong tháng 07 nhờ dòng tiền của nhà đầu tư cá nhân, nhóm cổ phiếu vốn hóa trung bình tiếp tục giao dịch sôi động, tích cực với mức tăng giá vượt trội so với thị trường chung, thể hiện qua chỉ số VN MID tiếp tục tăng 6,43% trong tháng 8, tập trung nhiều vào các cổ phiếu dịch vụ tài chính, hàng hóa, xuất nhập khẩu. Bên cạnh đó các cổ phiếu vốn hóa nhỏ VNSML (+1,09%) bắt đầu giao dịch tích cực, với thanh khoản gia tăng mạnh trở lại.

Kết thúc 8 tháng đầu năm 2023, chỉ số VN-INDEX duy trì lạc quan khi tiếp tục tăng tốt, tăng 21,54% so với vùng giá cuối năm 2022, vượt lên trên vùng giá cao nhất năm 2018 tương ứng 1.200 điểm - 1.211 điểm mở ra kỳ vọng xu hướng tăng trưởng mới.

### Tăng trưởng các chỉ số thị trường trong tháng 8/2023



### Diễn biến TTCK Việt Nam trong năm 2023



Nguồn: Bloomberg, SHS Research

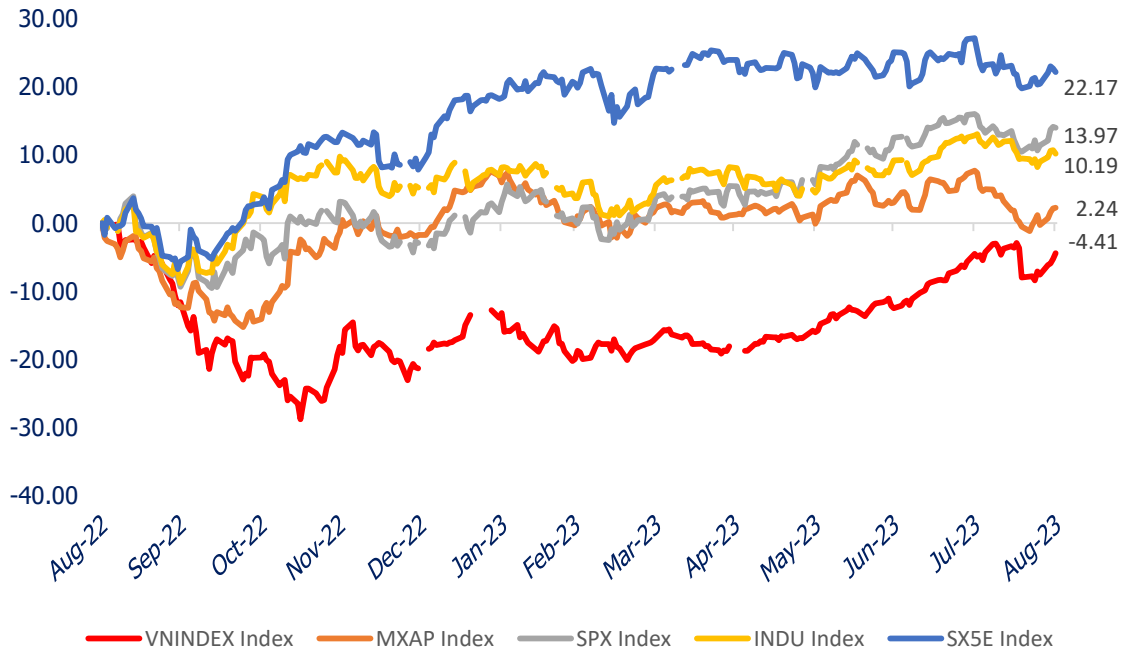


# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 8

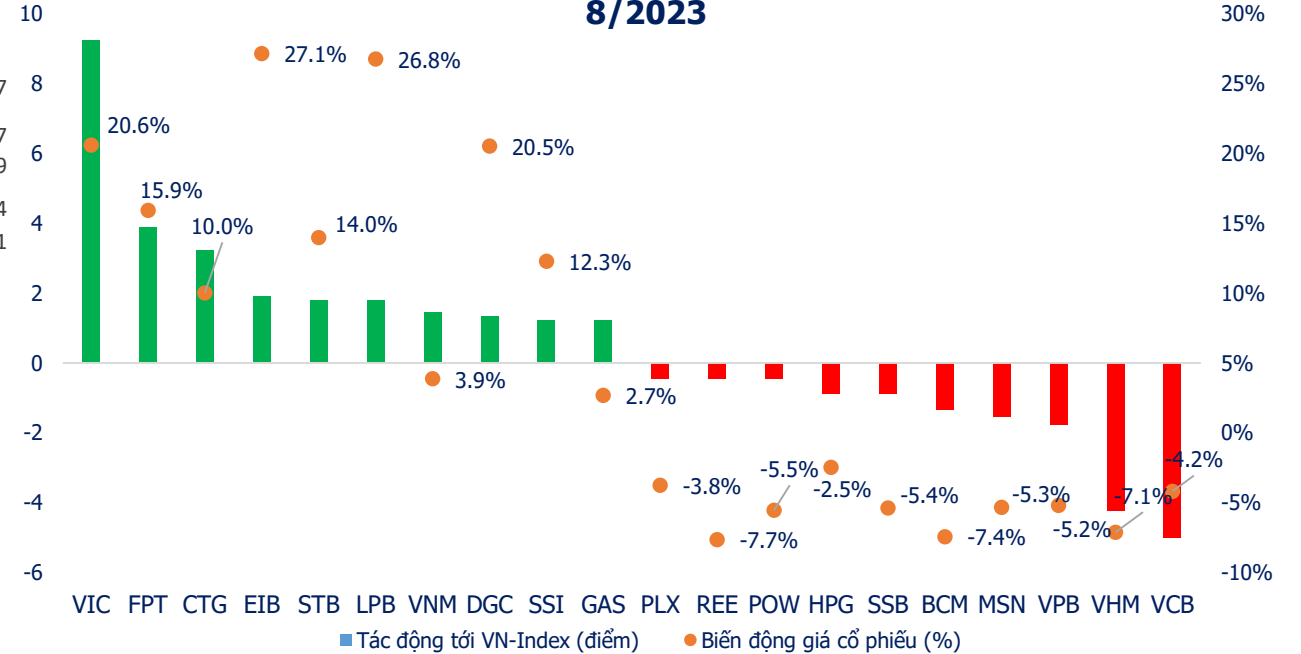
Trong tháng 8/2023, thị trường chứng khoán Việt Nam có diễn biến kém tích cực so với các chỉ số chứng khoán trong khu vực, khi giảm mạnh trong tuần đầu tiên với khối lượng khớp lệnh lịch sử sau đó phục hồi trở lại.

Thị trường phân hóa mạnh trong tháng 8 khi các cổ phiếu có ảnh hưởng tiêu cực chính là nhóm ngân hàng với VCB (-4,2%), VPB (-5,2%), SSB (-5,4%), bất động sản VHM (-7,1%).. Ở chiều ngược lại VIC (+20,6%) có ảnh hưởng tích cực nổi bật nhất với thông tin VinFast (VFS) niêm yết trên sàn giao dịch Nasdaq và FPT (+15,9%) tiếp tục vượt đỉnh lịch sử bên cạnh các mã ngân hàng khác như CTG (+10,0%), EIB (+27,1%), STB (+14,0%), LPB (+26,8%)...

### Tăng trưởng % chỉ số chứng khoán trong khu vực



### Top cổ phiếu ảnh hưởng nhất đến VN-Index trong tháng 8/2023



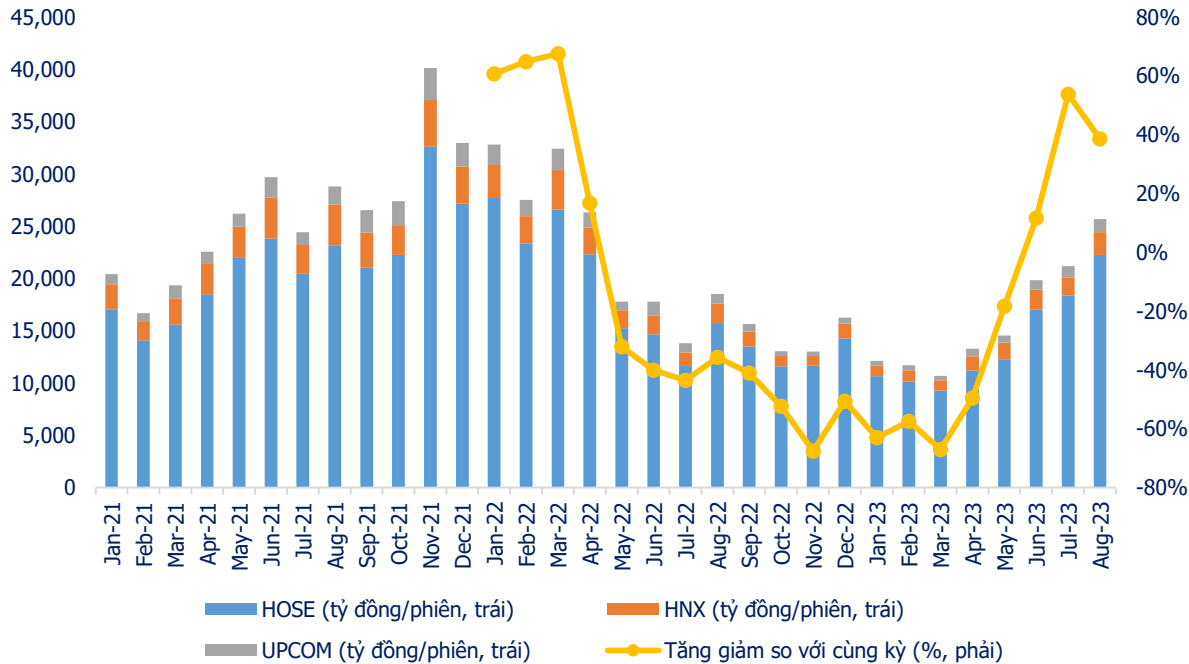
Nguồn: Fiiingroup, SHS Research



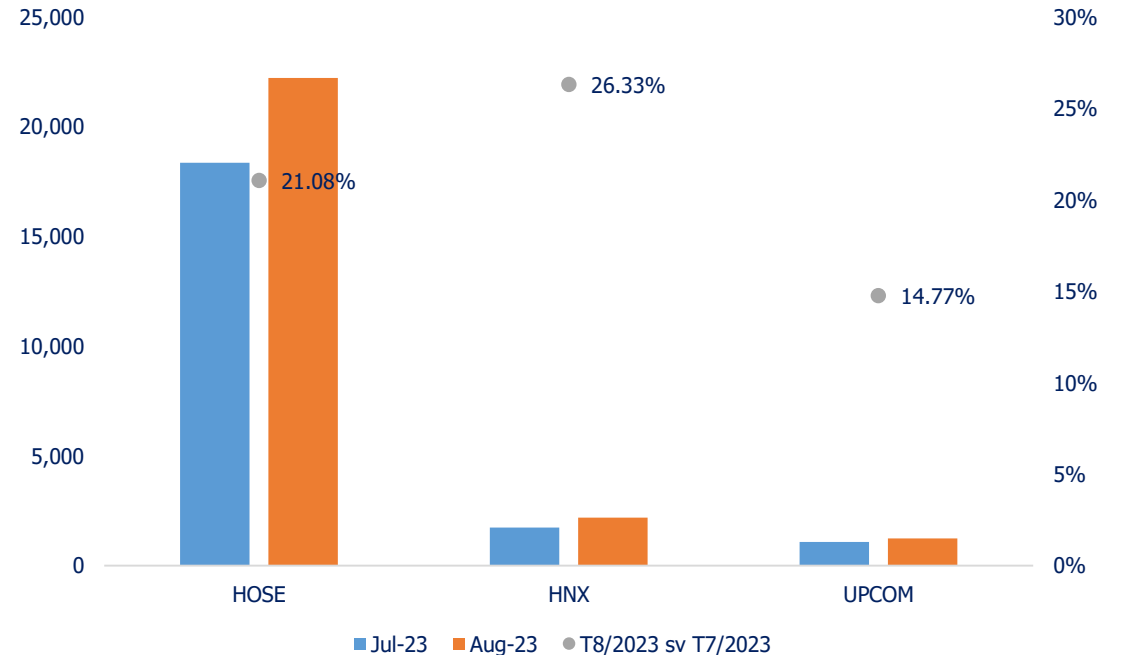
# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 8

**Thanh khoản tăng tháng thứ 5 liên tiếp, lập kỷ lục mới về khối lượng giao dịch phiên trên sàn HOSE.** Giá trị giao dịch trung bình 3 sàn tháng 8/2023 đạt 25.668,8 tỷ đồng/phiên (+21,18% MoM và +38,59% YoY). Trong đó tại HOSE đạt 22.230,86 tỷ đồng/phiên (+21,08% MoM), tại HNX là 2.191,57 tỷ đồng (+26,33% MoM), Upcom là 1.246,19 tỷ đồng/phiên (+14,77% MoM). Thanh khoản thị trường tháng 08/2023 cũng cao hơn thời điểm tháng 03/2021 khi VN-INDEX cũng ở vùng giá 1.200 điểm. Diễn biến này cho thấy dòng tiền đang tiếp tục quay trở lại kênh chứng khoán khi xu hướng lãi suất gửi tiết kiệm vẫn đang giảm. Khối lượng giao dịch tại HOSE đạt 22,4 tỷ cổ phiếu, chỉ thấp hơn khối lượng kỷ lục 23,1 tỷ cổ phiếu tháng 11/2021 khi VN-INDEX giao dịch trong vùng 1.440 điểm – 1.511 điểm, sau đó kéo dài phân phối trong 04 tháng và giảm mạnh. Điểm khác biệt ở khối lượng đột biến của tháng 08/2023 là vùng giá 1.200 điểm là thấp và vốn hóa thị trường/GDP hiện tại thấp hơn các thời điểm cùng điểm số tại năm 2018, 2021.

### GTGD trung bình (tỷ đồng/phiên)



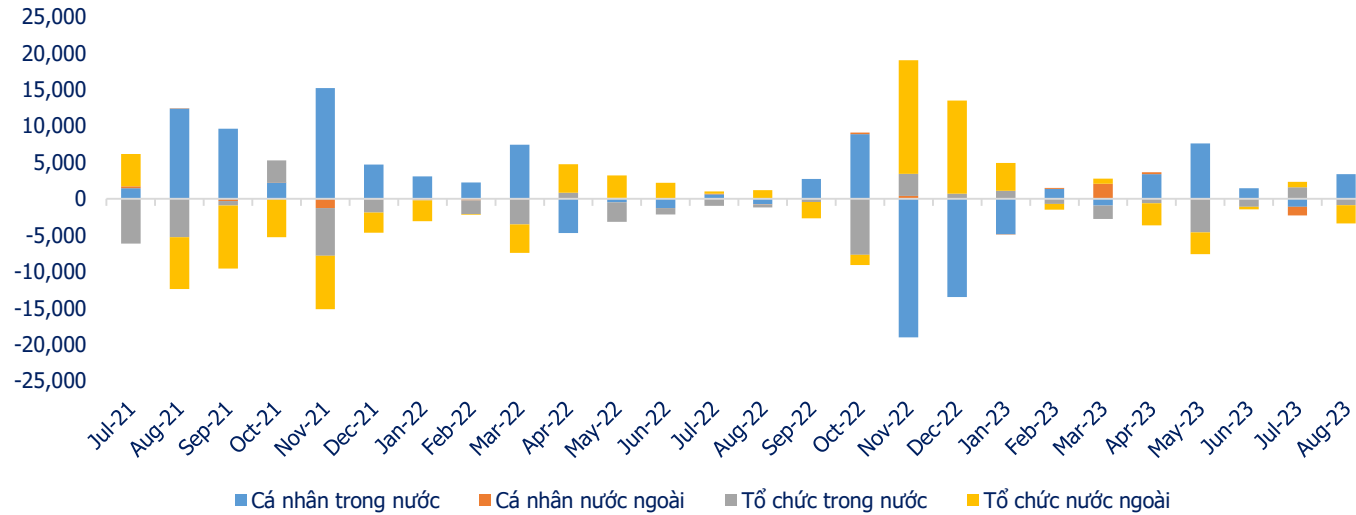
### GTGD trung bình (tỷ đồng/phiên)



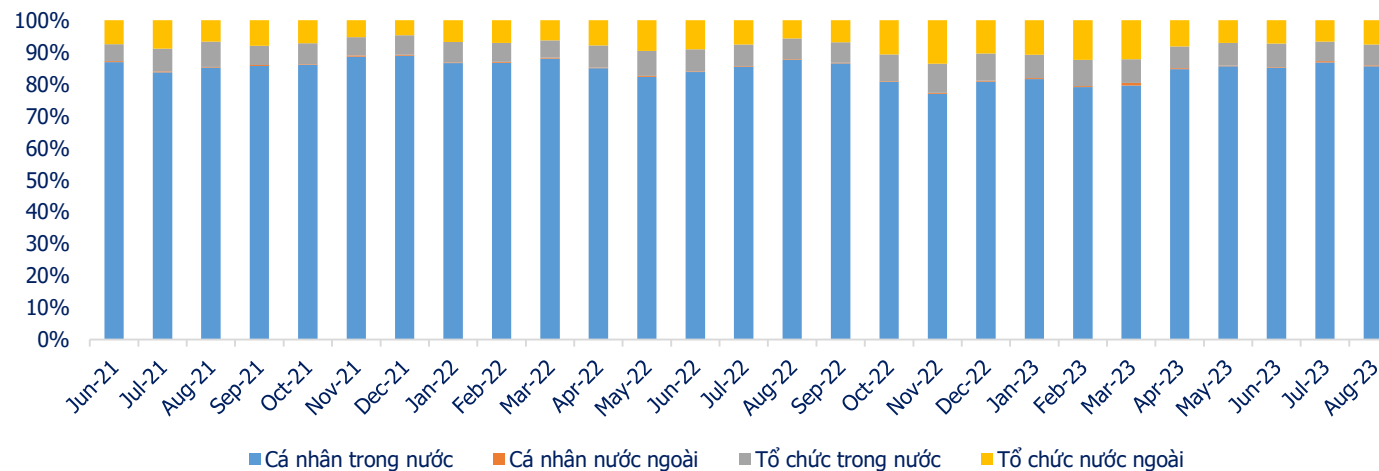


# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 8

### Giá trị giao dịch ròng theo loại nhà đầu tư (tỷ đồng)



### Tỷ trọng giao dịch theo loại nhà đầu tư theo tháng



Nhà đầu tổ chức trong nước và nước ngoài tăng cường giao dịch trong tháng 08 khi bán ròng mạnh. Trong đó nhóm tổ chức nước ngoài bán ròng 2.499,82 tỉ đồng, tỷ trọng giao dịch tăng từ 6,79% tháng 7 lên 7,62% trong tháng 8. Các nhà đầu tư tổ chức trong nước cũng bán ròng 828,33 tỉ đồng với tỷ trọng giao dịch tăng lên 6,60% từ mức 6,05%.

Nhà đầu tư cá nhân trong nước thu hẹp giao dịch trong tháng 8, tỷ trọng giao dịch chiếm 85,53%, giảm từ mức 86,76% tháng 6, vẫn trên mức trung bình. Xét về quy mô, sau khi bán ròng trong tháng 7, nhóm này đã chuyển sang mua ròng 3.378,18 tỷ đồng trong tháng 8.

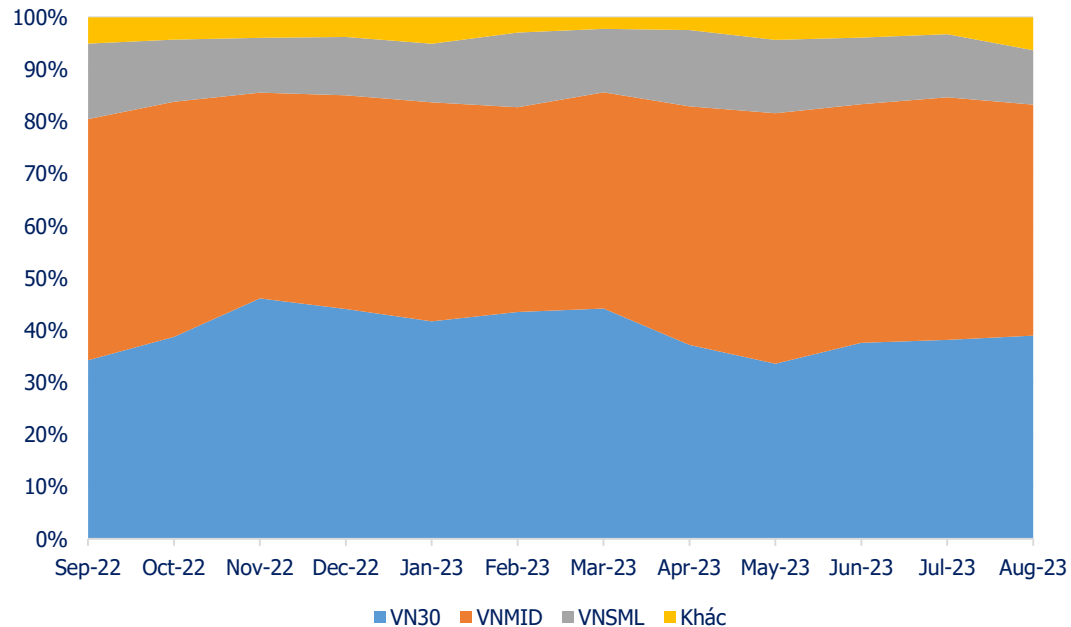
Như vậy trái ngược với tháng 7/2023, trong tháng 8/2023 các nhà đầu tư cá nhân đã mua ròng mạnh trở lại, cân đối với hoạt động bán ròng mạnh của các nhà đầu tư tổ chức khi VN-INDEX vượt lên vùng giá tâm lý 1.200 điểm.



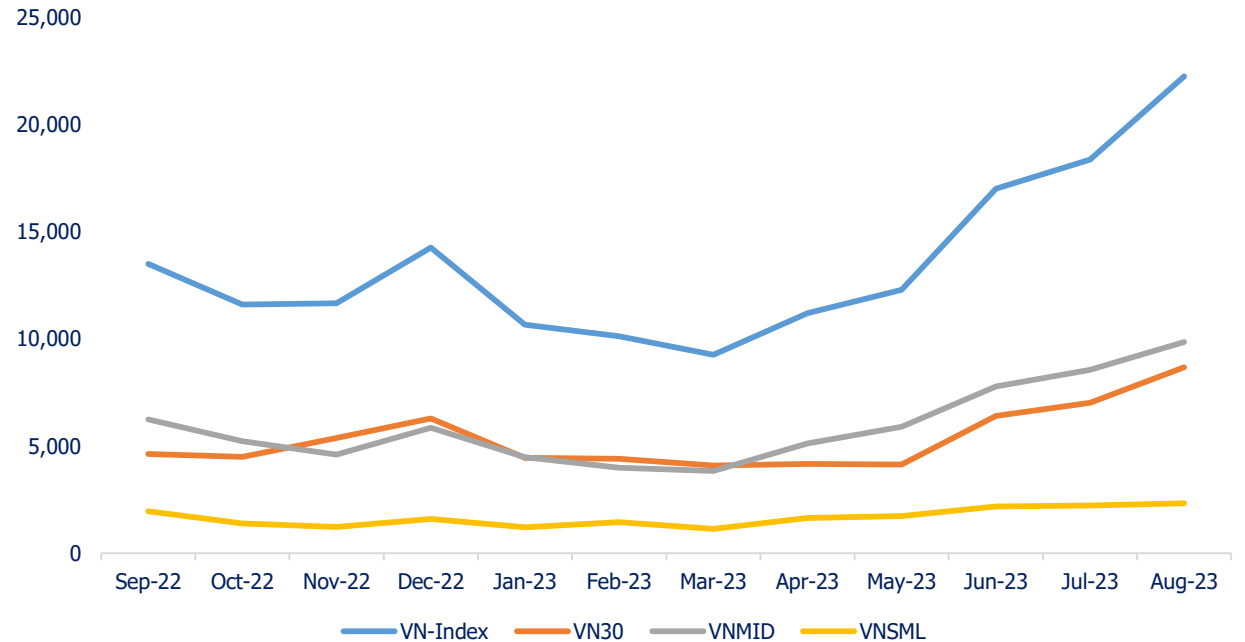
# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 8

Với tỷ trọng giao dịch của nhà đầu tư tổ chức gia tăng trở lại trong tháng 8, chủ yếu bán ròng thì tỷ trọng giao dịch của nhóm VN30 tiếp tục tăng lên 38,97% (mức trung bình 40%). Trong khi đó tỷ trọng giao dịch tại nhóm cổ phiếu vốn hóa trung bình VNMID giảm về mức 44,29%, vẫn trên mức trung bình 01 năm. Nhóm VNSML tiếp tục thu hẹp, giảm tháng thứ 5 liên tiếp còn chiếm 10,43% trong thị trường.

### Tỷ trọng giá trị giao dịch bình quân trên VN-Index



### Giá trị giao dịch bình quân phiên trong 12 tháng gần nhất (tỷ đồng)



Nguồn: Bloomberg, Fiingroup, SHS Research

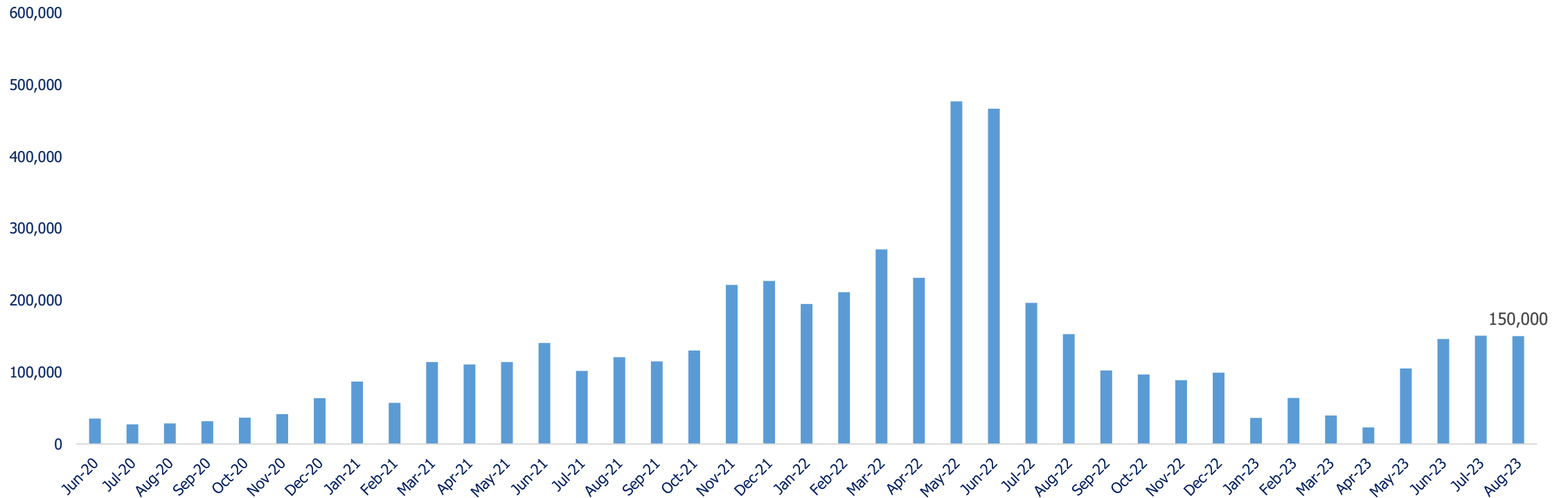


# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 8

Số lượng tài khoản của nhà đầu tư mở mới tiếp tục duy trì ở mức khá, đạt trên 150.000 tài khoản trong tháng 8 cho thấy xu hướng dòng tiền vẫn đang tích cực với thị trường chứng khoán trong bối cảnh lãi suất gửi tiết kiệm có xu hướng giảm liên tục thời gian qua. Tính chung 8 tháng đầu năm 2023 có 714.595 tài khoản chứng khoán mở mới, giảm 67,5% so với cùng kỳ năm 2022.

Tổng số tài khoản chứng khoán của nhà đầu tư tới cuối tháng 8/2023 đạt trên 7,6 triệu tài khoản, tương ứng với 7,6% dân số Việt Nam.

### Số lượng tài khoản chứng khoán mở mới theo tháng



Nguồn: Bloomberg, SHS Research



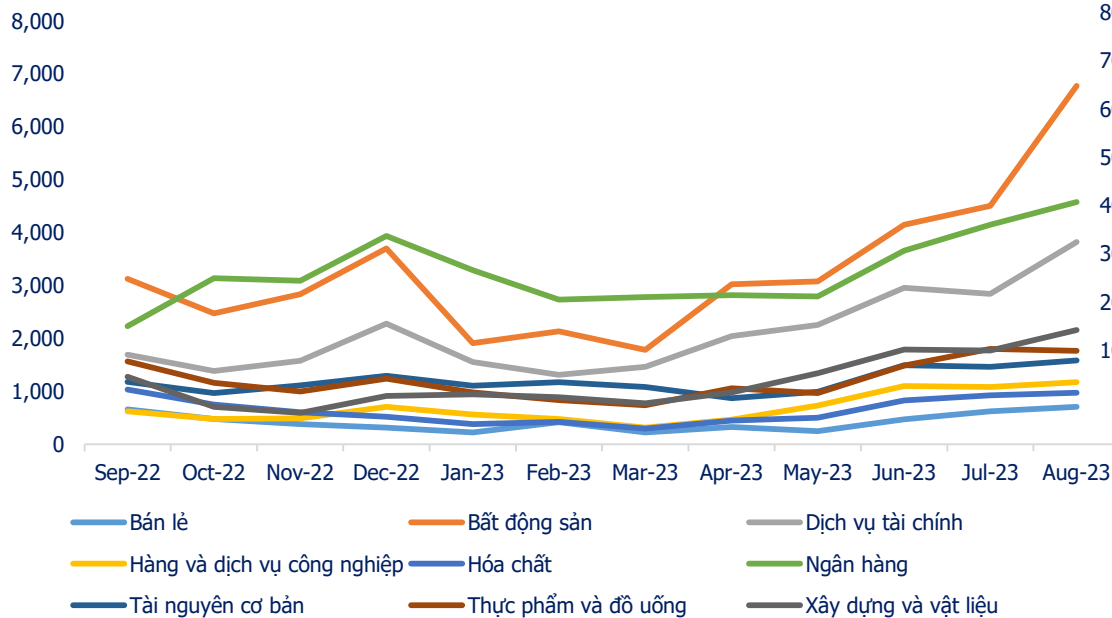


# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 8

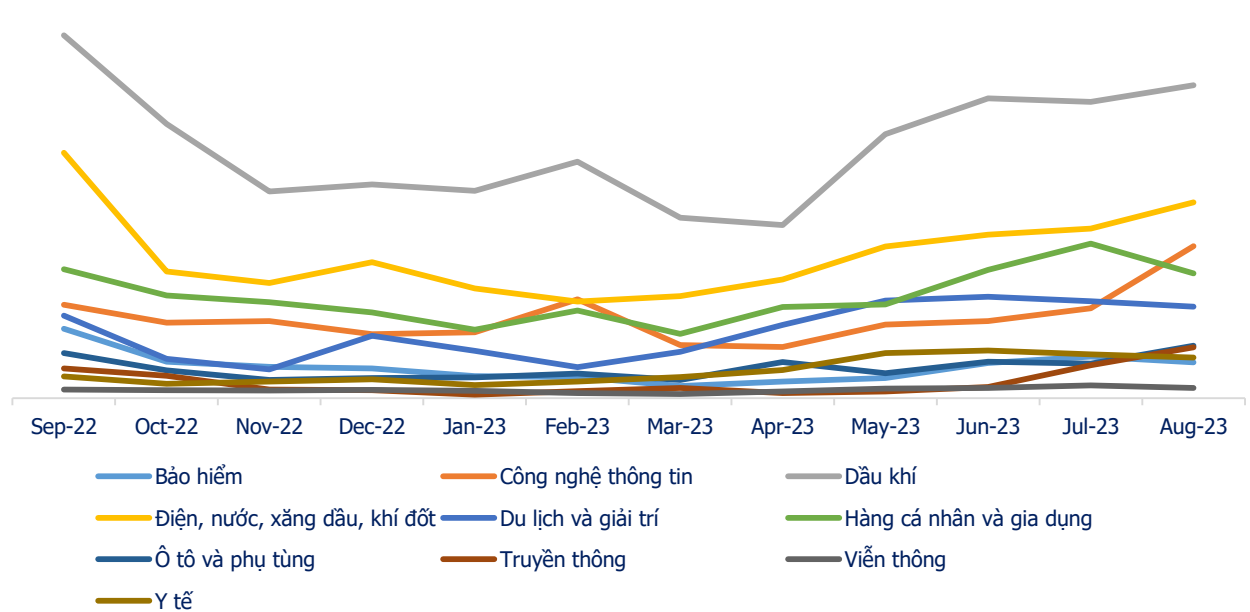
Bất động sản, ngân hàng, dịch vụ tài chính tiếp tục là 3 nhóm ngành thu hút dòng tiền trong tháng 8 khi có giá trị giao dịch bình quân gia tăng và cao nhất trên thị trường. Trong đó nhóm bất động sản giá trị giao dịch tăng mạnh 50,3%. Nhóm dịch vụ tài chính sau khi giảm trong tháng 07 đã tăng tốt trở lại 34,3% khi thanh khoản, khối lượng giao dịch của thị trường duy trì ở mức rất cao.

Xét về mức tăng trưởng thanh khoản, đột biến gia tăng mạnh nhất ở nhóm công nghệ thông tin (+68,7% MoM) khi cổ phiếu đầu ngành FPT vượt đỉnh lịch sử. Mức tăng tốt tiếp theo là nhóm truyền thông (55,0%), ô tô và phụ tùng (+51,9%), xây dựng và vật liệu (+21,8%). Trong khi đó hàng cá nhân và gia dụng giảm 19,4%, bảo hiểm (-13,5%), y tế (-7,6%) là những ngành có thanh khoản giảm, không thu hút dòng tiền trong tháng 08/2023.

### GTGD bình quân phiên theo ngành (tỷ đồng, biểu đồ 2)



### GTGD bình quân phiên theo ngành (tỷ đồng, biểu đồ 1)

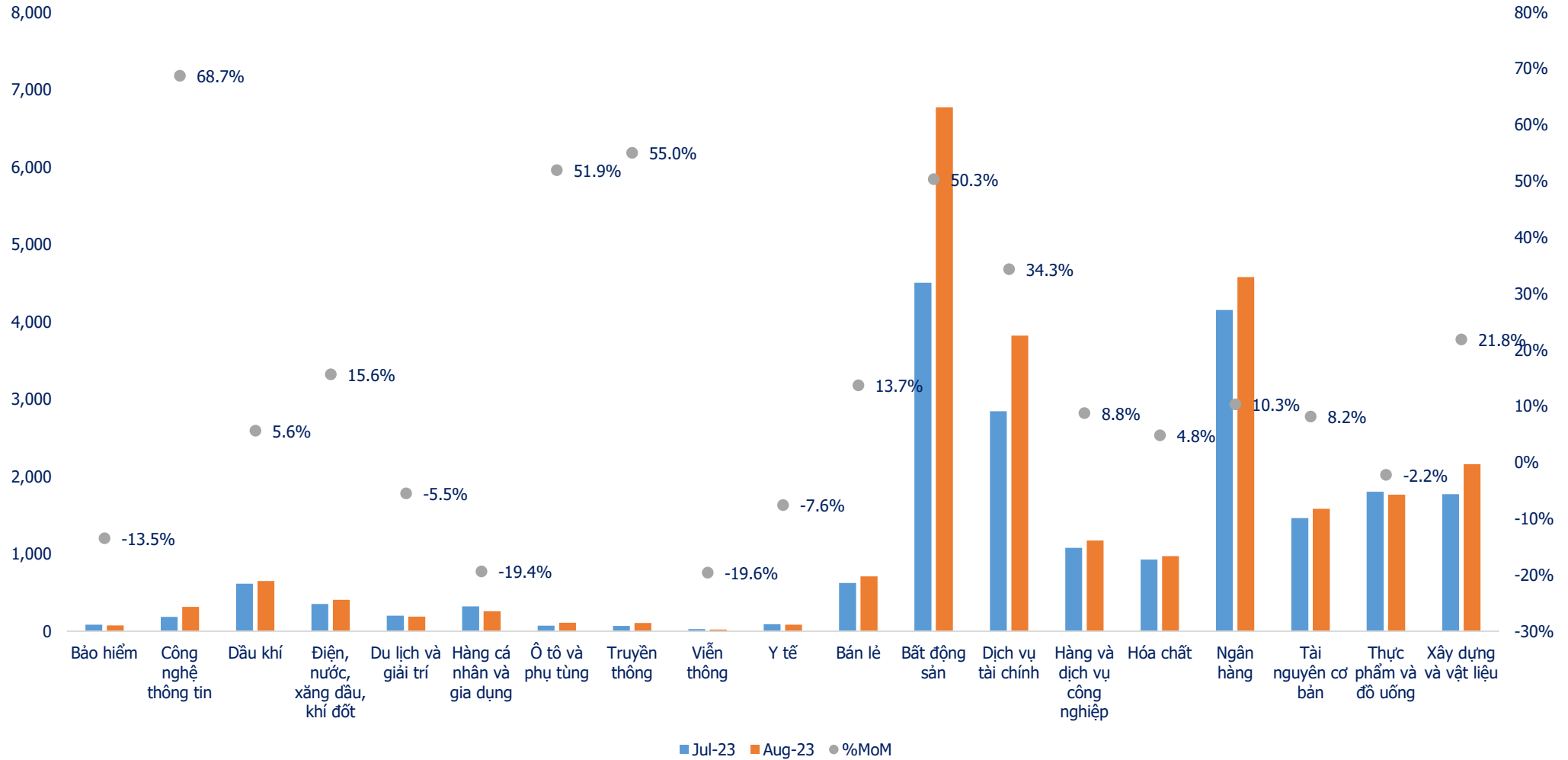


Nguồn: Bloomberg, Fingroup, SHS Research



# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 8

### Giá trị giao dịch bình quân phiên theo nhóm ngành

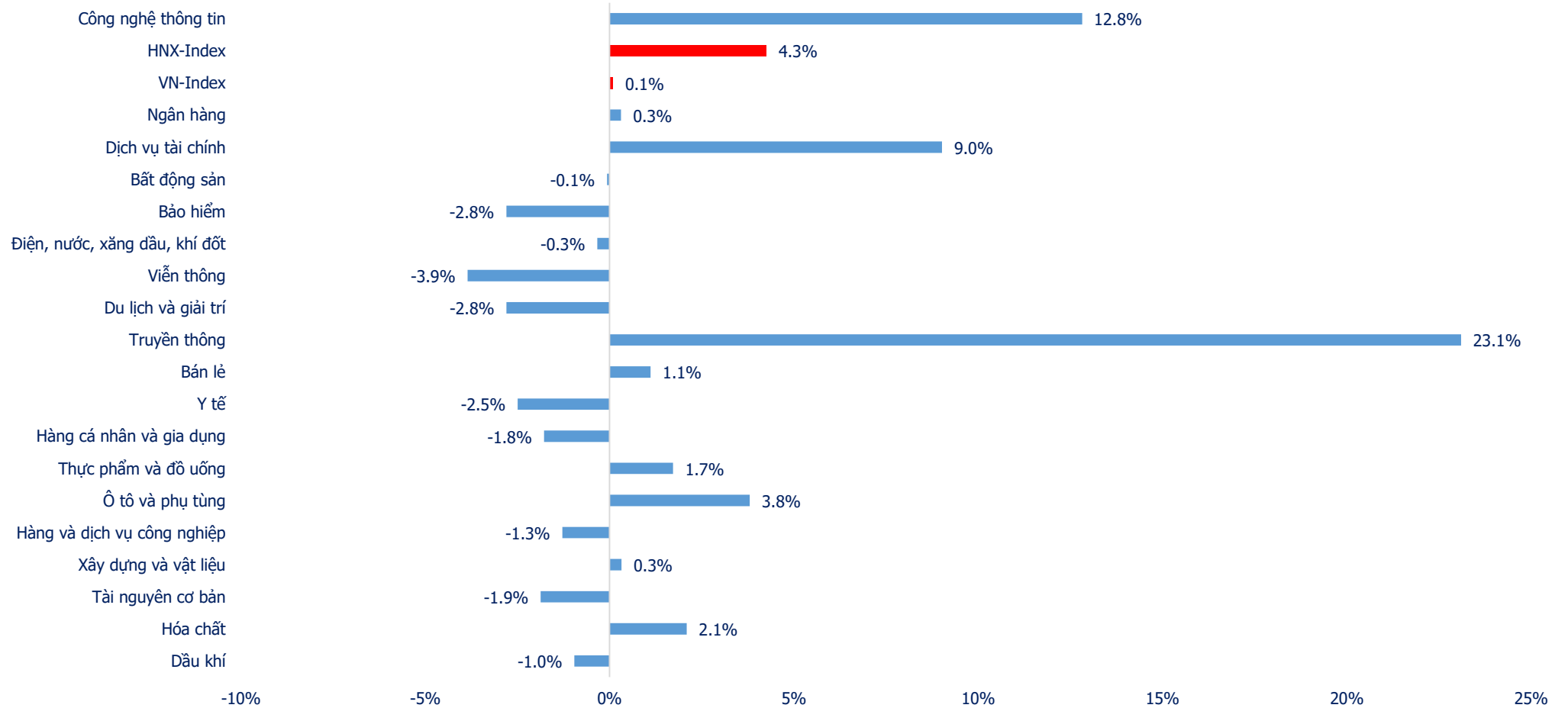


Nguồn: Bloomberg, SHS Research



# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 8

Tăng/giảm các nhóm ngành và chỉ số thị trường trong tháng 7/2023



Nguồn: Fiingroup, SHS Research

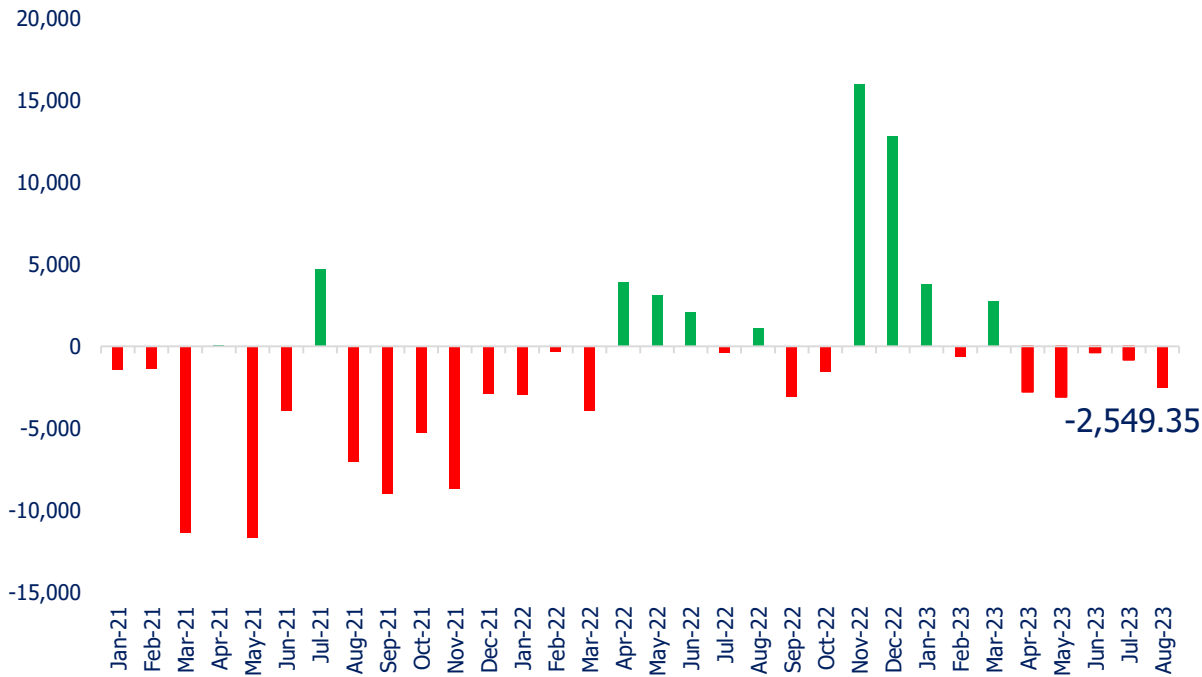


# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 8

**Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng trong tháng 8/2023 tổng cộng 2.985 tỷ đồng** trong đó bán ròng tháng thứ 5 liên tiếp trên sàn HOSE và mức độ bán ròng gia tăng với giá trị 2.549,35 tỷ đồng. Lũy kế 8 tháng đầu năm 2023, nhà đầu tư nước ngoài bán ròng 2.927 tỷ tại thị trường chứng khoán Việt Nam.

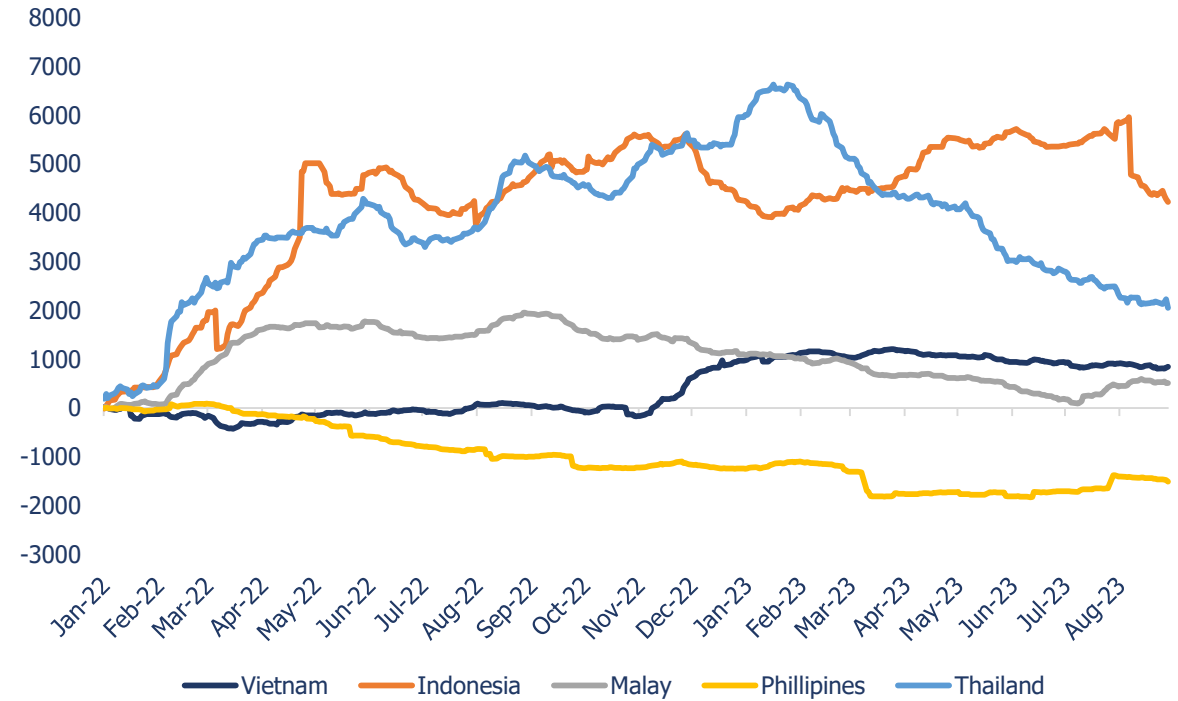
So với một số thị trường khác trong khu vực tính lũy kế từ đầu năm 2022 khối ngoại vẫn mua ròng trên thị trường Việt Nam, mua ròng mạnh ở thị trường Indonesia và bán ròng khá mạnh đối với thị trường Phillipines.

### Giá trị mua/bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài trên HOSE theo tháng từ 2021 đến nay (tỷ đồng)



Nguồn: Bloomberg, Fingroup, SHS Research

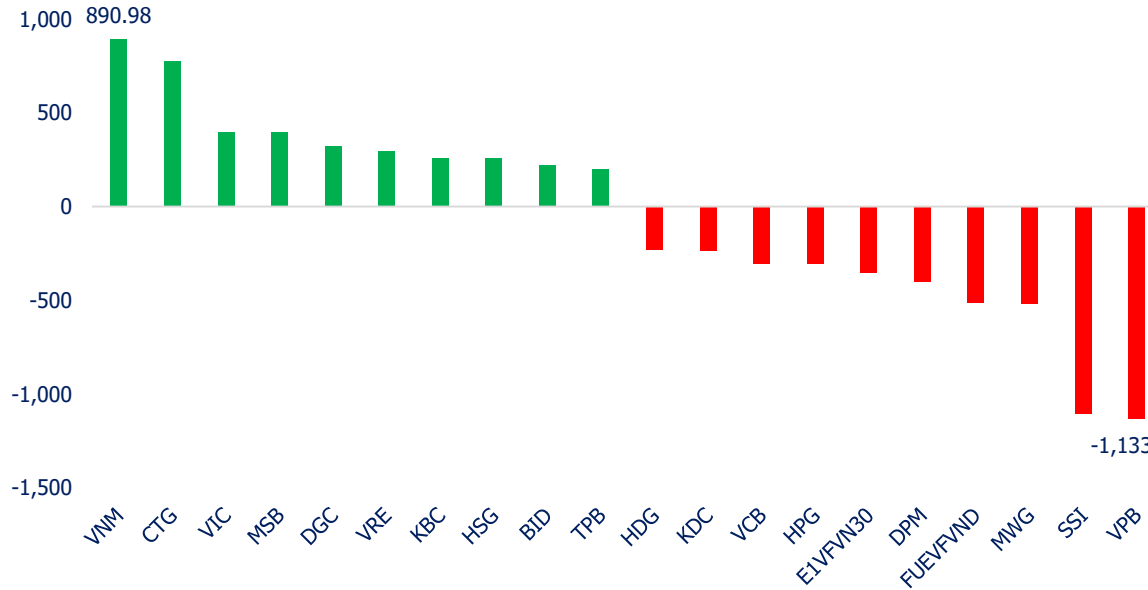
### Lũy kế giao dịch cổ phiếu khối ngoại (2022-2023)



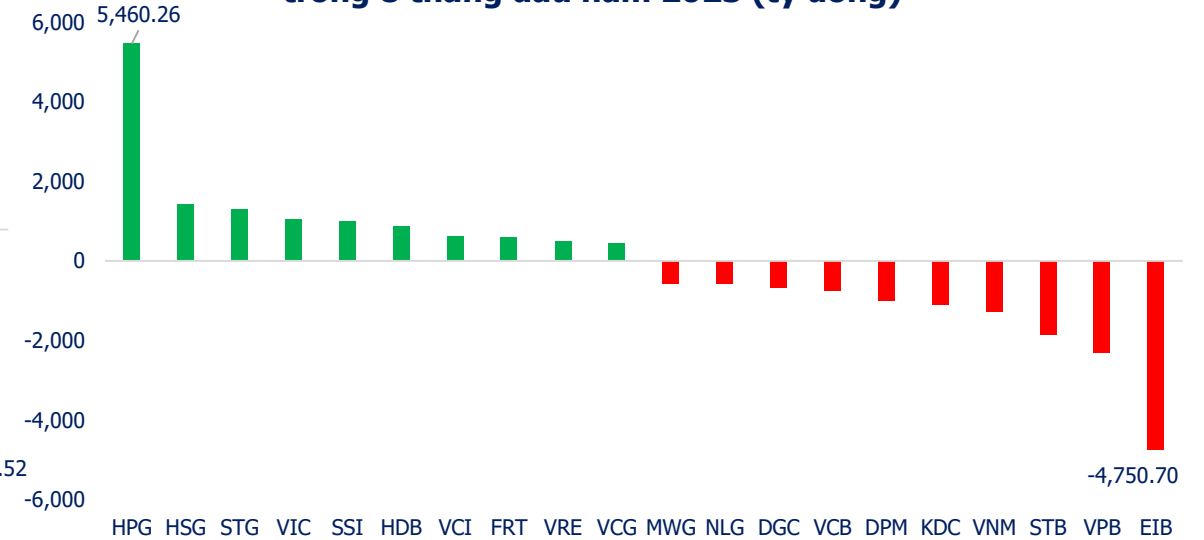


# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 8

### Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HOSE trong tháng 8/2023 (tỷ đồng)



### Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HOSE trong 8 tháng đầu năm 2023 (tỷ đồng)



Nguồn: Fiingroup, SHS Research

VNM (+890,98 tỷ đồng), CTG (+778,84 tỷ đồng), VIC (+398,75 tỷ đồng) là 03 cổ phiếu được khối ngoại mua ròng mạnh, nổi bật nhất trong tháng 8. Ngược lại VPB (-1.133,52 tỷ đồng), SSI (-1.104,81 tỷ đồng), MWG (-517,76 tỷ đồng) là 03 cổ phiếu chịu áp lực bán ròng mạnh đột biến, HPG (-306,61 tỷ đồng) cũng chịu áp lực bán ròng sau khi mua ròng liên tiếp trong nhiều tháng qua.

Lũy kế 08 tháng năm 2023, khối ngoại bán ròng tập trung bán mạnh với EIB (-4.750,70 tỷ đồng), VPB (-2.320,53 tỷ đồng), STB (-1.851,64 tỷ đồng), VNM (-1.266,85 tỷ đồng)... Ở chiều ngược lại nhóm thép vẫn được khối ngoại mua ròng với giá trị lớn như HPG (+5.460,26 tỷ đồng), HSG (+1.432,76 tỷ đồng) và STG (+1.284,78 tỷ đồng), VIC (+1.046,95 tỷ đồng)...



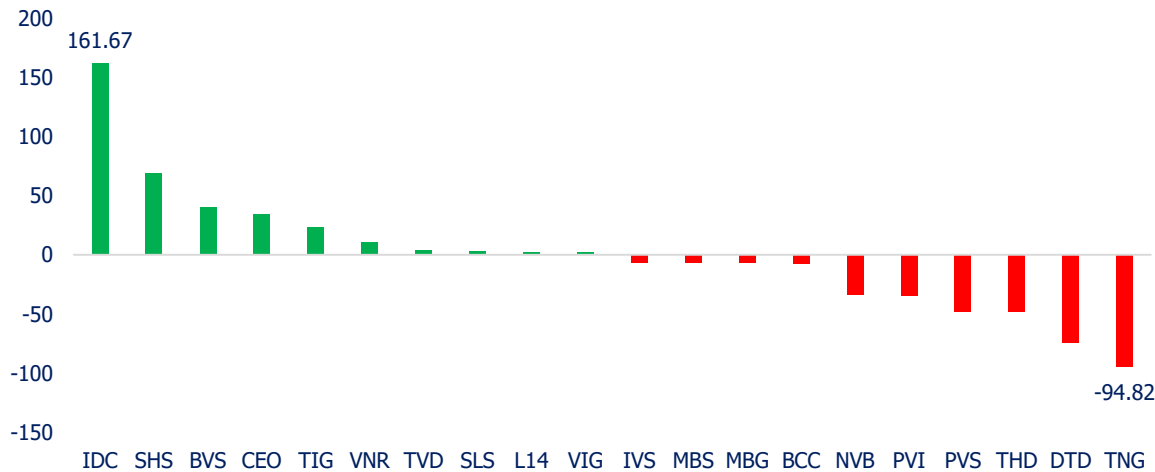
Biến cơ hội thành giá trị

# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 8

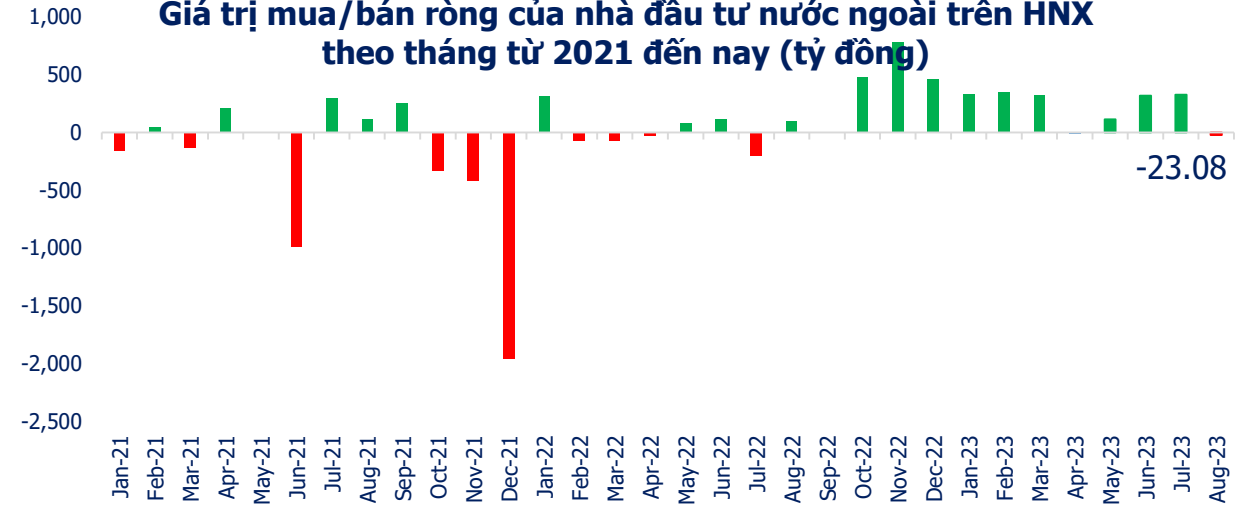
Tại HNX, sau nhiều tháng liên tiếp mua ròng khối ngoại đã bán ròng trong tháng 8 với giá trị 23,08 tỉ đồng. Trong đó tập trung bán ròng mạnh ở TNG (-94,82 tỷ đồng), DTD (-77,27 tỷ đồng), THD (-48,18 tỷ đồng)... Trong khi đó tiếp tục mua ròng IDC (+161,67 tỷ đồng), SHS (+68,78 tỷ đồng), CEO (+34,37 tỷ đồng)... Qua đó lũy kế 08 tháng 2023 khối ngoại duy trì mua ròng mạnh, nổi bật nhất là SHS (+645,11 tỷ đồng) nâng tỉ lệ sở hữu SHS lên gần 13%, IDC (+587,65 tỷ đồng), CEO (+252,04 tỷ đồng) và TNG (+208,27 tỷ đồng) ...

Nguồn: Fiingroup, SHS Research

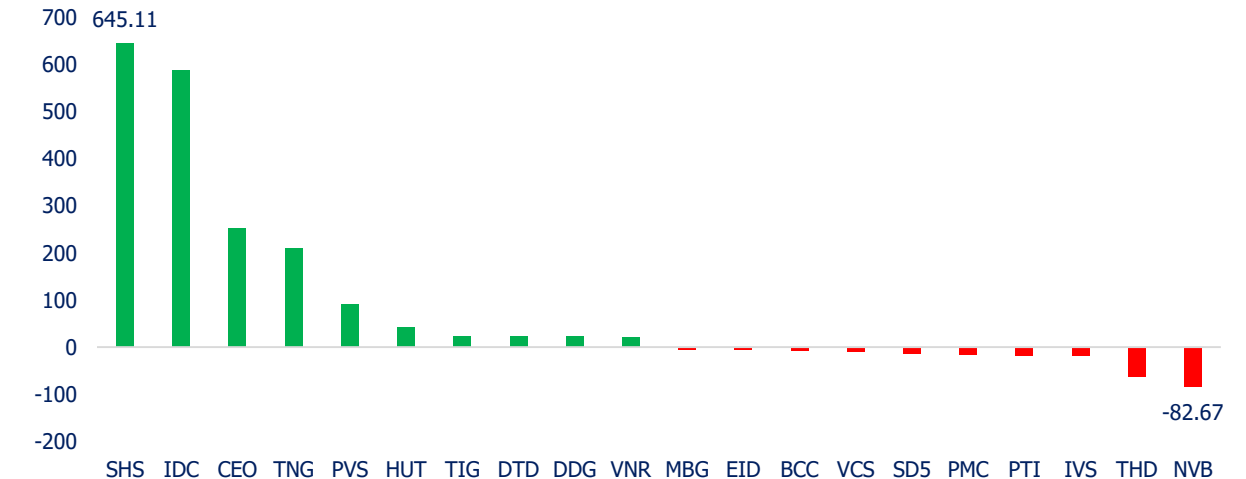
### Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HNX trong tháng 8/2023 (tỷ đồng)



### Giá trị mua/bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài trên HNX theo tháng từ 2021 đến nay (tỷ đồng)



### Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HNX trong 8 tháng đầu năm 2023 (tỷ đồng)



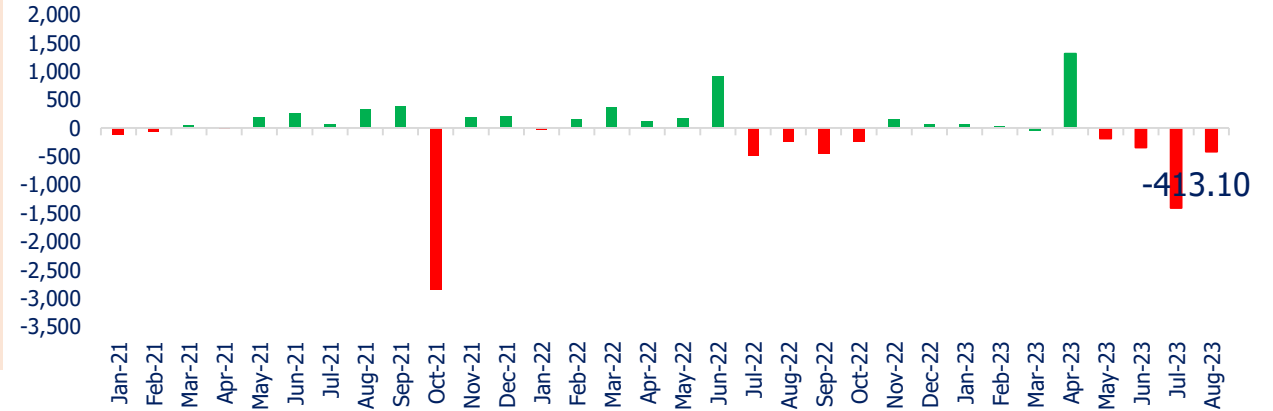


# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 8

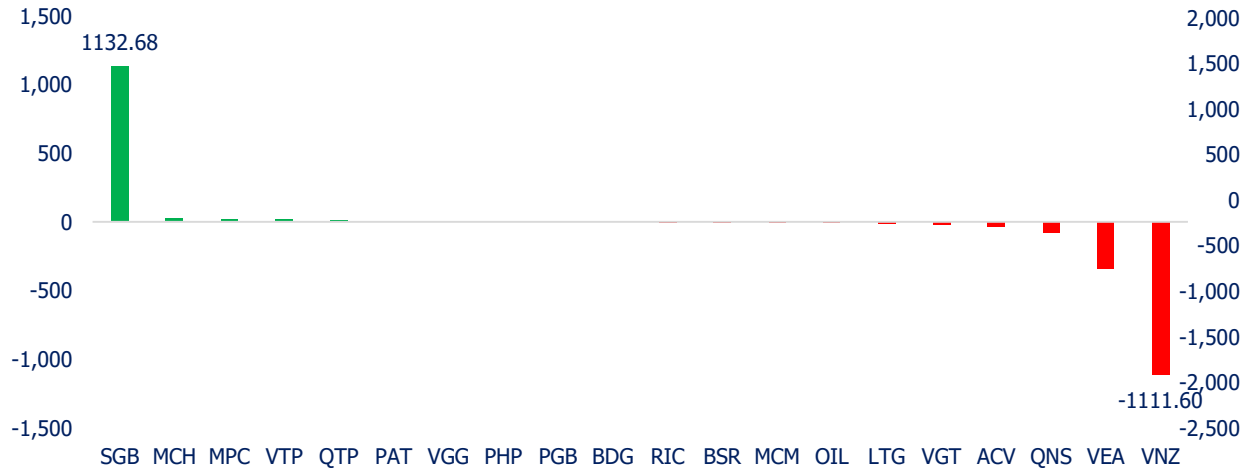
Trong khi đó trên sàn Upcom khối ngoại bán ròng tháng thứ tư liên tiếp, với giá trị bán ròng 413,10 tỷ đồng trong tháng 8. Gia tăng bán ròng mạnh đột biến ở VNZ (-1.111,60 tỷ đồng) sau khi bán mạnh trong tháng 7, tiếp tục bán VEA (-342,45 tỷ đồng), QNS (-81,22 tỷ đồng) ... trong khi mua mạnh ở SGB (+1.132,68 tỷ đồng)...

Lũy kế 08 tháng 2023, tổ chức nước ngoài gia tăng bán ròng với giá trị 993,366 tỷ đồng trên Upcom. Chủ yếu đến từ bán ròng mạnh với VNZ (-2.203,19 tỷ đồng), VEA (-564,55 tỷ đồng), QNS (-511,84 tỷ đồng)... Trong khi mua ròng mạnh ở IDP (+1.345,55 tỷ đồng), SGB (+1.132,68 tỷ đồng).

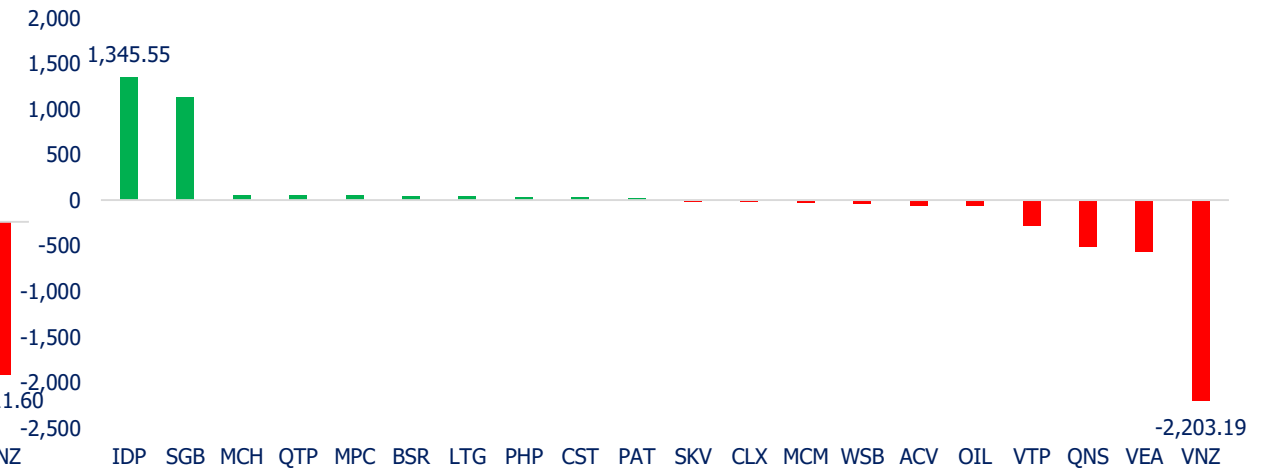
### Giá trị mua/bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài trên UPCOM theo tháng từ 2021 đến nay (tỷ đồng)



### Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên UPCOM trong tháng 8/2023 (tỷ đồng)



### Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên UPCOM trong 8 tháng đầu năm 2023 (tỷ đồng)

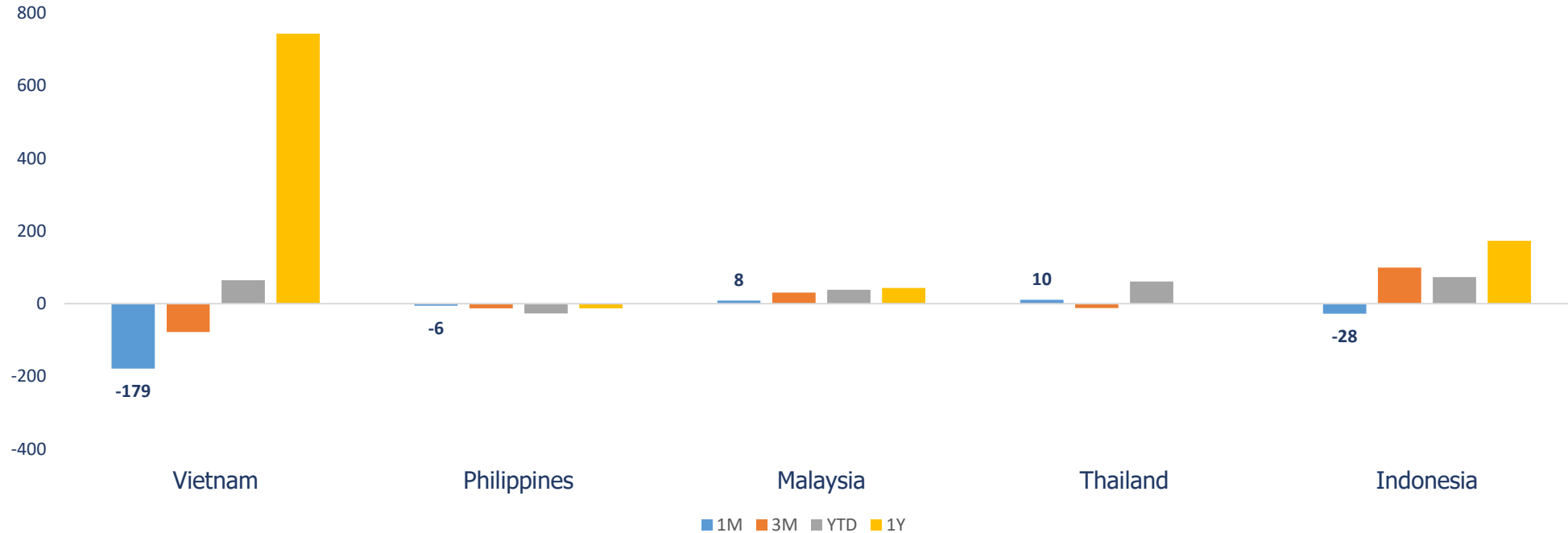




# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 8

Dòng tiền vào các quỹ ETF tại khu vực Đông Nam Á ghi nhận tiêu cực khi rút ròng trong tháng 8 với 195 triệu USD. Dẫn đầu chiều rút ròng là các quỹ ETF đầu tư vào thị trường Việt Nam (-179 triệu USD). Trong đó, Fubon ETF tiếp tục rút ròng tháng thứ 3 liên tiếp với giá trị 57 triệu USD, tương tự 2 ETF nội địa lớn nhất thị trường DCVFMVN Diamond (-36.9 triệu USD) và DCVFMVN30 (-38.6 triệu USD) đều bị rút vốn mạnh. Bên cạnh áp lực từ tỷ giá thì việc định giá thị trường không còn ở mức hấp dẫn như trước đã tác động phần nào đến việc lượng vốn ngoại bị rút ròng trong tháng qua.

### Dòng vốn ETF theo quốc gia (Triệu USD)



Nguồn: Bloomberg, SHS Research

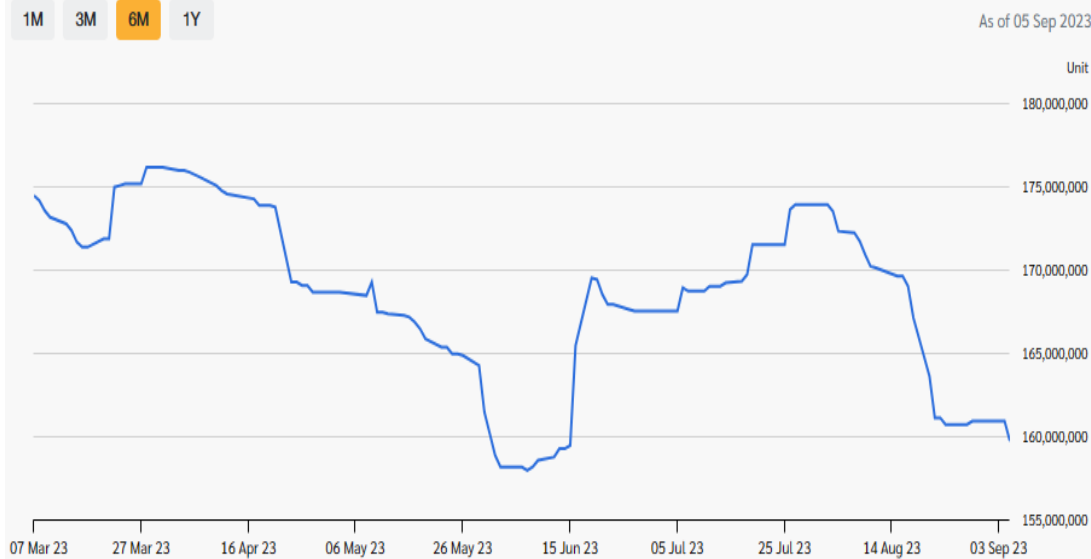




# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 8

Hai quỹ ETF DCVFM VNDiamond (FUEVFNVD) và DCVFM VN30 ETF (E1VFN30) bị rút vốn mạnh thời gian gần đây một phần đến từ việc nhà đầu tư Thái Lan giảm sở hữu qua chứng chỉ lưu ký (DR). Lượng chứng chỉ FUEVFNVD giảm khoảng 15 triệu đơn vị so với hồi tháng 3, xuống quanh mức thấp nhất trong vòng gần nửa năm. Tương tự nhà đầu tư Thái Lan đã bán ròng hơn 11 triệu chứng chỉ quỹ E1VFN30 chỉ trong tháng 8 và hiện đang ở mức thấp nhất trong vòng 10 tháng, kể từ giữa tháng 10 năm ngoái.

Volume of Outstanding DR



Lượng DR dựa theo DCVFM VNDiamond ETF

Volume of Outstanding DR



Lượng DR dựa theo DCVFM VN30 ETF

Nguồn: SET market, SHS Research



Biến cơ hội thành giá trị

# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 8

| Tên quỹ  | Loại hình | Tổng AUM    | NAV      | Số lượng CCQ  | Dòng vốn ròng (triệu USD) |       |       |       |
|--|-----------|-------------|----------|---------------|---------------------------|-------|-------|-------|
|  |           | (triệu USD) | (tỷ USD) |               | 1M                        | 3M    | YTD   | 1Y    |
| <b>DCVFMVN Diamond ETF (VND)</b>                           | ETF       | 880         | 1.1      | 763,000,000   | -36.9                     | -33.2 | -35.8 | 47.5  |
| <b>Fubon FTSE Vietnam ETF (TWD)</b>                        | ETF       | 943         | 0.5      | 2,048,738,000 | -57                       | -65.8 | 7.5   | 303.0 |
| <b>DCVFMVN30 ETF Fund (VND)</b>                            | ETF       | 347         | 0.9      | 383,100,000   | -38.6                     | -47.7 | -46.5 | -26.1 |
| <b>VanEck Vietnam ETF (USD)</b>                            | ETF       | 626         | 14.8     | 42,350,000    | 0.0                       | 28.1  | 92.5  | 213.7 |
| <b>Xtrackers FTSE Vietnam Swap UCITS ETF (EUR)</b>         | ETF       | 398         | 28.5     | 12,589,840    | -7.6                      | 0.7   | 57.1  | 125.6 |
| <b>SSIAM VNFIN LEAD ETF (VND)</b>                          | ETF       | 184         | 0.8      | 231,600,000   | -3.6                      | -4.1  | -5.6  | 24.5  |
| <b>KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF (KRW)</b>                   | ETF       | 224         | 15       | 12,200,000    | -42.6                     | 15.7  | -31.8 | 47.1  |
| <b>Premia MSCI Vietnam ETF (USD)</b>                       | ETF       | 18.3        | 8.8      | 1,980,000     | -0.9                      | -0.9  | -0.6  | -2.0  |
| <b>SSIAM VNX50 ETF (VND)</b>                               | ETF       | 6,7         | 0.8      | 8,900,000     | 0.1                       | 0.1   | -0.4  | -4.0  |
| <b>Asian Growth CUBS ETF (USD)</b>                         | ETF       | 10.1        | 21.5     | 520,000       | 0.0                       | 0.0   | 0.0   | 0.2   |
| <b>Global x MSCI Vietnam ETF (USD)</b>                     | ETF       | 7.8         | 19.5     | 560,000       | 2.3                       | 4.4   | 4.7   | 3.5   |
| <b>SSIAM VN30 ETF (VND)</b>                                | ETF       | 4.1         | 0.8      | 8,300,000     | 0.1                       | 0.4   | 1.0   | 1.0   |
| <b>KIM KINDEX Vietnam VN30 Fututres Leverage ETF (KRW)</b> | ETF       | 6.5         | 10.6     | 600,000       | -0.9                      | -1.7  | 4.7   | 2.1   |
| <b>KIM GROWTH VN30 ETF (VND)</b>                           | ETF       | 13.8        | 0.3      | 75,000,000    | 0.0                       | 10.4  | 5.4   | 14.6  |

Nguồn: Bloomberg, SHS Research



**TRÌNH VỌNG  
TTCK  
THÁNG 9**



# TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 9

Biến cơ hội thành giá trị

Sau khi chính thức xác nhận Uptrend trong tháng 7/2023 (Vn-Index vượt 1.150 điểm), thị trường đã chững lại gần như đi ngang trong tháng 8. Trong tháng 8 VN-Index chỉ tăng 6,49 điểm (+ 0,53%) nhưng lại là tháng có biến động mạnh khi VnIndex có nhịp điều chỉnh giảm gần 100 điểm và hồi phục mạnh cuối tháng. Nhịp điều chỉnh trong tháng 8 được đánh giá là cần thiết và tích cực để tạo tiền đề hình thành nền tảng tích lũy mới trước ngưỡng cản dài hạn 1.300 điểm.

Về góc độ kỹ thuật, VnIndex đã có nhịp điều chỉnh mạnh và quan trọng trong tháng 8 (chúng tôi đã dự báo vận động này trong bản tin tháng trước) và đang phục hồi trở lại vùng đỉnh ngắn hạn 1.250 điểm. Với trạng thái vận động hiện tại và nhiều thông tin vĩ mô đang dần tích cực hơn, trong kịch bản tích cực VN-Index có thể hướng tới sát ngưỡng cản 1.300 điểm trong tháng 9 và diễn biến tại đây sẽ quyết định xu hướng tiếp theo của thị trường. Trong trường hợp an toàn hơn rất có thể chỉ số sẽ tiếp vận động đi ngang bằng các phiên tăng giảm đan xen để hình thành nền tảng tích lũy kéo dài với ngưỡng hỗ trợ quanh 1.200 điểm hoặc ngưỡng hỗ trợ mạnh 1.150 điểm (xác suất thấp). Chúng tôi kỳ vọng mốc 1.300 điểm không phải là điểm đến cuối cùng của chỉ số trong năm nay.

Trong tháng 9, ngoài sự kiện 2 quỹ FTSE ETF và Van Eck ETF sẽ thực hiện tái cơ cấu danh mục thì cuộc họp của Fed bàn về lãi suất cũng như quyết định của FTSE Russel về phân loại thị trường Việt Nam sẽ là những thông tin mà nhà đầu tư cần quan tâm.



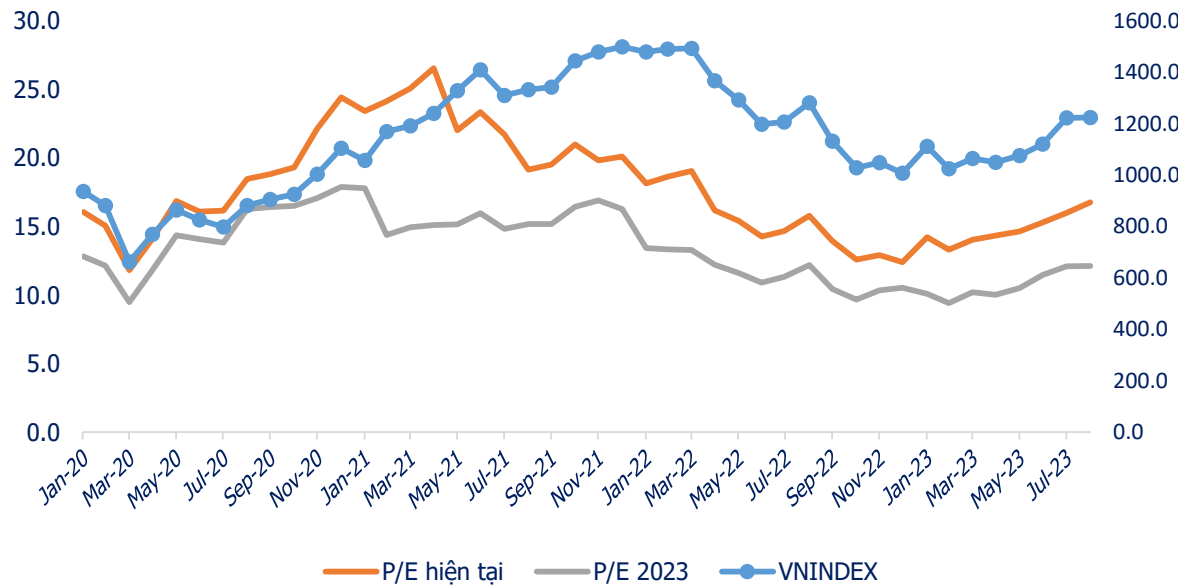


# TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 9

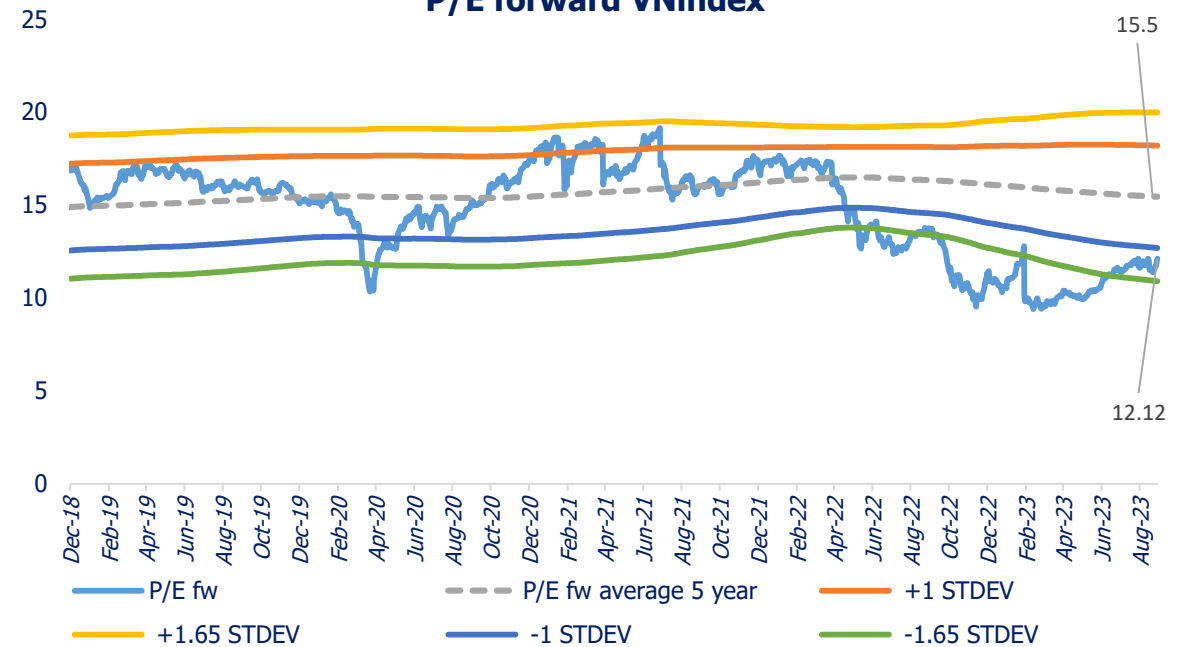
Biến cơ hội thành giá trị

Vào thời điểm kết thúc tháng 8/2023, định giá toàn thị trường đã tăng lên 16,8x so với mức 12,4x thời điểm cuối năm 2022, P/E hiện tại của VNINDEX tương đối cao so với nhiều thị trường khác trong khu vực như China (13,9x), Indonesia (15,9x), Philippines (12,5x) và được đẩy lên gần ngưỡng P/E trung bình 5 năm (17,7x).

### Định giá TTCK VN



### P/E forward VNindex



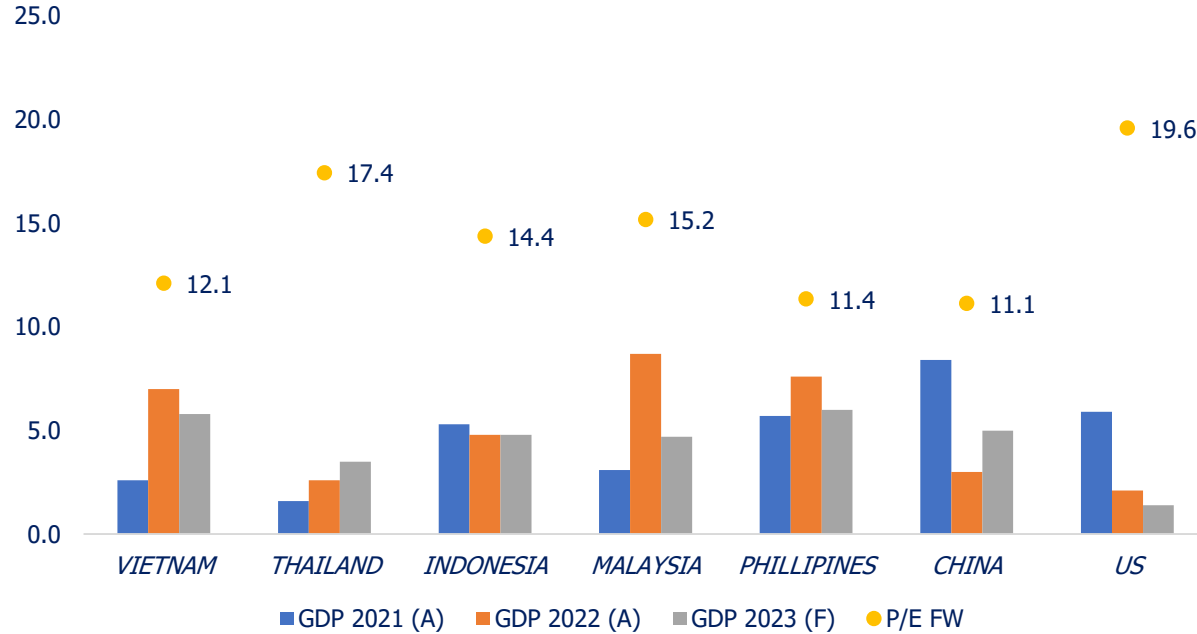
Nguồn: Bloomberg, SHS tổng hợp



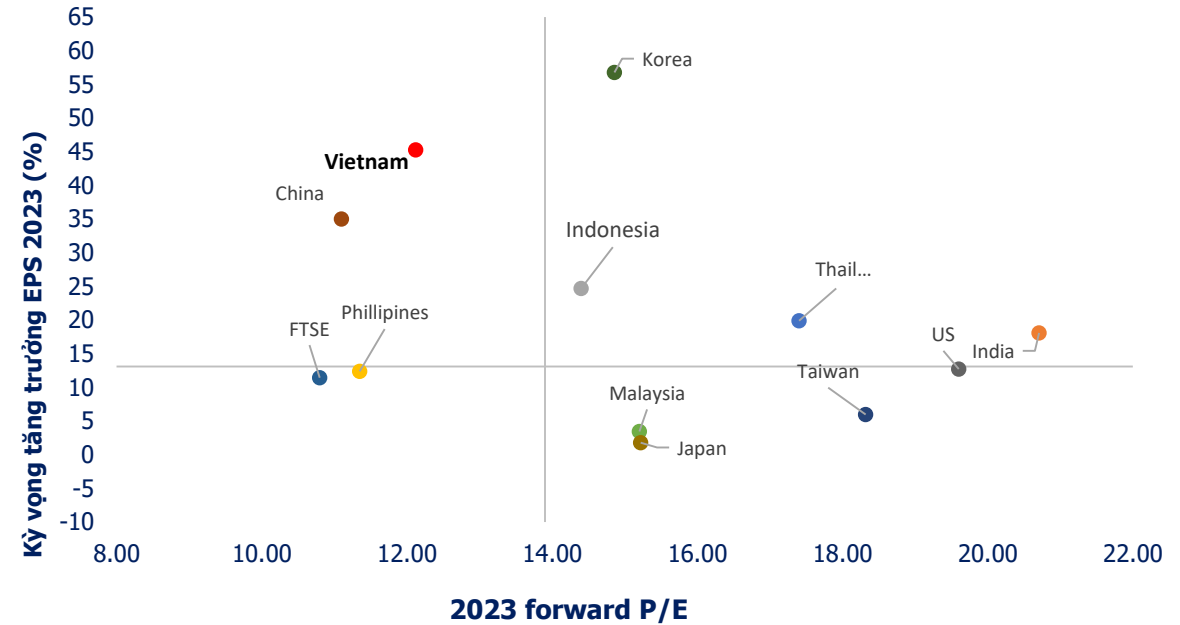
Biến cơ hội thành giá trị

# TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 9

### TTCK VN so với các nước trên thế giới



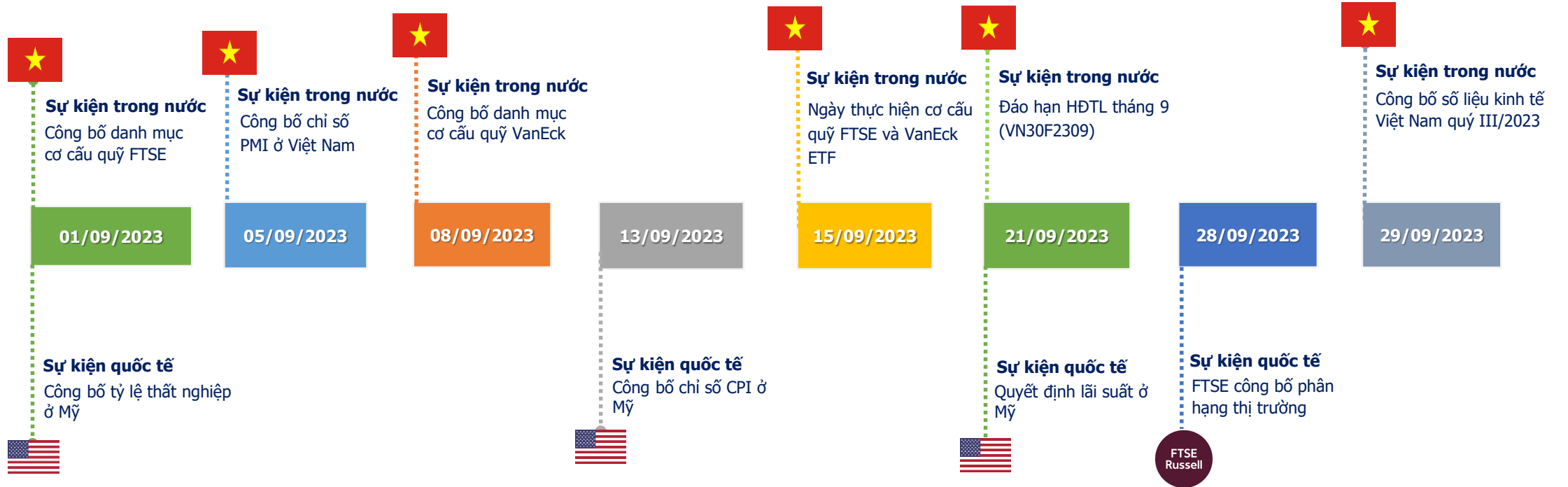
### Kỳ vọng tăng trưởng EPS, P/E Foward 2023



Nguồn: Bloomberg, SHS tổng hợp



# LỊCH SỰ KIỆN THÁNG 9





**DANH SÁCH  
MÃ KHUYẾN NGHỊ  
NĂM 2023**

Feb

Mar

Apr

May

Jun

Jul

Aug

Sep

Oct

Nov

Dec

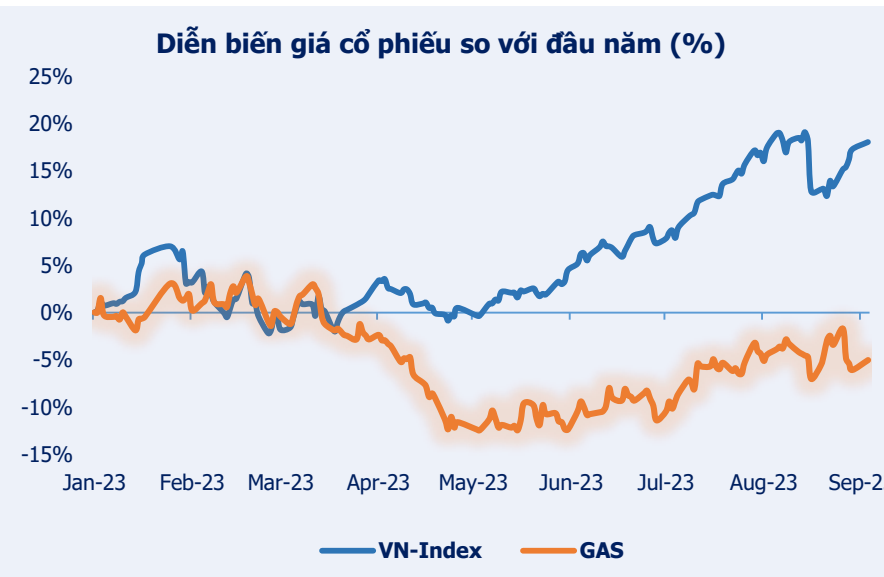




# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

## Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP (HOSE – GAS)

|                           |                         |                          |                |                |                |                |               |
|---------------------------|-------------------------|--------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|---------------|
| <b>Giá hiện tại</b>       | <b>98.600</b>           | <b>(tỷ đồng)</b>         | <b>Q3/2022</b> | <b>Q4/2022</b> | <b>Q1/2023</b> | <b>Q2/2023</b> | <b>KH2023</b> |
| <b>Giá mục tiêu PTKT</b>  | <b>110.000 -115.000</b> | <b>Doanh thu</b>         | 24.329,09      | 22.051,96      | 21.214,48      | 24.042,65      | 76.441,00     |
| <b>Giá cao nhất tháng</b> | <b>101.000</b>          | <b>% yoy</b>             | 31,20          | 9,29           | (20,51)        | (13,06)        | (24,11)       |
| <b>Vốn hóa (tỷ đồng)</b>  | <b>188.715</b>          | <b>Lãi sau thuế</b>      | 3.029,23       | 3.253,91       | 3.350,26       | 3.155,59       | 6.539,00      |
| <b>EPS ttm (đ)</b>        | <b>6.660</b>            | <b>% yoy</b>             | 25,31          | 65,69          | (2,29)         | (37,96)        | (56,59)       |
| <b>BV (đ)</b>             | <b>34.511</b>           | <b>Tổng tài sản</b>      | 85.224         | 82.663         | 84.128         | 88.247         |               |
| <b>PE trailing</b>        | <b>14,76</b>            | <b>Vốn chủ sở hữu</b>    | 58.013         | 61.174         | 64.570         | 67.451         |               |
| <b>PB trailing</b>        | <b>2,86</b>             | <b>ROA (%)</b>           | 17,05          | 18,33          | 17,39          | 14,47          |               |
|                           |                         | <b>ROE (%)</b>           | 25,54          | 26,68          | 25,00          | 20,39          |               |
|                           |                         | <b>Biên lãi gộp (%)</b>  | 18,07          | 22,08          | 22,83          | 18,06          |               |
|                           |                         | <b>Biên lãi ròng (%)</b> | 12,45          | 14,76          | 15,79          | 13,13          |               |



- Quý II/2023 Doanh thu thuần 24.042,6 tỷ đồng (-13,06% YoY), lãi sau thuế 3.196 tỷ đồng (-51,67% YoY). Lũy kế 6 tháng năm 2023, tổng doanh thu đạt 45.257 tỷ đồng (-16,72% YoY) = 59,2% KH năm, lãi trước thuế trên 8.265 tỷ đồng (-23,43% YoY) = 101% KH năm. Tiền mặt và tiền gửi NH đạt 40.767 tỷ đồng tại cuối tháng 6 (+19% Ytd), tương ứng 46% tổng tài sản và 1,96x nợ phải trả.
- Trong 6 tháng đầu năm, GAS đã cung cấp khoảng 4,14 tỷ m3 khí khô (52% KH), kinh doanh 1,09 triệu tấn LPG (62% KH). Hoàn thành kho LNG Thị Vải (1tr tấn/năm) và tiếp nhận tàu LNG từ 10/7/23 để vận hành thử, dự án mở rộng/nâng công suất kho lên 3 triệu tấn/năm dự kiến hoàn thành 2025-2026.
- 17/8/2023, HĐQT thông qua triển khai phương án phát hành cổ phiếu thưởng tỷ lệ 20%. Ngày GDKHQ 29/08/2023 trả cổ tức năm 2022 bằng tiền tỷ lệ 36%, thanh toán 02/11/2023.
- Tiềm năng tương lai: Dự án trạm LNG Thị Vải công suất 1 triệu tấn hoạt động từ cuối năm 2022. Giai đoạn 2024-2025 các dự án nâng công suất kho tại Thị Vải lên 3 triệu tấn/năm, dự án LNG Sơn Mỹ, dự án đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn và dự án đường ống dẫn khí mở Sư Tử Trắng.

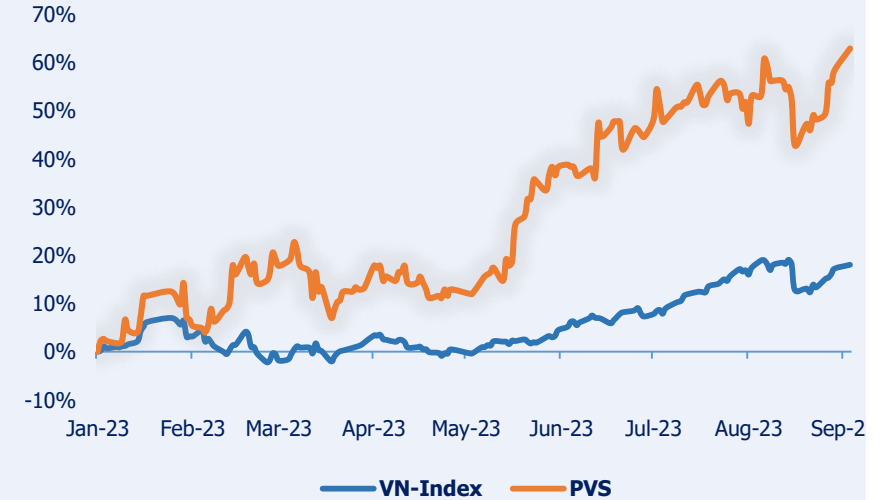


# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

## Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (HNX – PVS)

|                           |                      |                          |                |                |                |                |               |
|---------------------------|----------------------|--------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|---------------|
| <b>Giá hiện tại</b>       | <b>35.500</b>        | <b>(tỷ đồng)</b>         | <b>Q3/2022</b> | <b>Q4/2022</b> | <b>Q1/2023</b> | <b>Q2/2023</b> | <b>KH2023</b> |
| <b>Giá mục tiêu PTKT</b>  | <b>35.000-37.000</b> | <b>Doanh thu</b>         | 3.502,42       | 5.330,74       | 3.703,66       | 4.710,58       | 13.200,00     |
| <b>Giá cao nhất tháng</b> | <b>36.400</b>        | <b>% yoy</b>             | (12,01)        | 14,79          | (1,74)         | 23,67          | (19,57)       |
| <b>Vốn hóa (tỷ đồng)</b>  | <b>16.968</b>        | <b>Lãi sau thuế</b>      | 192,19         | 468,45         | 214,81         | 223,97         | 560,00        |
| <b>EPS ttm (đ)</b>        | <b>2.300</b>         | <b>% YoY</b>             | (13,09)        | 198,33         | (0,67)         | 3.218,25       | (28,13)       |
| <b>BV (đ)</b>             | <b>25.990</b>        | <b>Tổng tài sản</b>      | 25.177         | 25.828         | 25.635         | 27.057         |               |
| <b>PE trailing</b>        | <b>15,46</b>         | <b>Vốn chủ sở hữu</b>    | 12.894         | 12.949         | 13.140         | 13.133         |               |
| <b>PB trailing</b>        | <b>1,37</b>          | <b>ROA (%)</b>           | 2,29           | 3,49           | 3,51           | 4,22           |               |
|                           |                      | <b>ROE (%)</b>           | 4,66           | 7,33           | 7,23           | 9,04           |               |
|                           |                      | <b>Biên lãi gộp (%)</b>  | 5,75           | 7,11           | 5,50           | 3,98           |               |
|                           |                      | <b>Biên lãi ròng (%)</b> | 5,49           | 8,85           | 5,80           | 4,75           |               |

### Diễn biến giá cổ phiếu so với đầu năm (%)



- Quý II/2023 Doanh thu thuần 4.710 tỷ đồng (+23,6% YoY), lãi sau thuế 236,7 tỷ đồng (+219% YoY). Lũy kế 6 tháng năm 2023, doanh thu đạt 8.414 tỷ đồng (+11% YoY) = 63,7% KH năm, lãi sau thuế 464 tỷ đồng (+78,5% YoY) = 82,8% KH năm. Tiền mặt và tiền gửi NH đạt 10.746 tỷ đồng tại cuối tháng 6 (+6,8% Ytd), tương ứng 39,7% tổng tài sản và 77% nợ phải trả.
- Ngày 19/5/2023, PVS ký hợp đồng (ước 300tr USD) với Orsted (Đan Mạch) chế tạo 33 kết cấu móng chân đế cho trang trại điện gió ngoài khơi Đài Loan vào cuối năm 2025. PVS đã nộp hồ sơ và đang chờ kết quả đấu thầu dự án Lô B Ô Môn, ước giá trị hợp đồng 1 tỷ USD bắt đầu ghi nhận từ 2023.
- Tập đoàn PGE (Ba Lan) và Orsted (Đan Mạch) đã ký kết thỏa thuận với liên danh của Semco Maritime (Đan Mạch) và PTSC Mechanical & Construction (công ty con của PVS) cho dự án thiết kế, chế tạo và chạy thử 4 trạm biển áp ngoài khơi từ năm 2023 đến năm 2026 cho trang trại điện gió ngoài khơi Baltica 2 ở Ba Lan.
- 29/8/2023, PVS đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường trao giấy phép khảo sát phục vụ dự án điện gió ngoài khơi (ĐGNK) tại khu vực biển Bà Rịa - Vũng Tàu để xuất khẩu điện sang Singapore.
- Kết quả kinh doanh sơ bộ 7 tháng đầu năm 2023 với doanh thu hợp nhất 9.709 tỷ đồng, đạt 74% kế hoạch cả năm và tăng 11% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận hợp nhất trước thuế thực hiện 7 tháng là 591 tỷ đồng, đạt 76% kế hoạch năm và tăng 36% so với cùng kỳ năm trước.

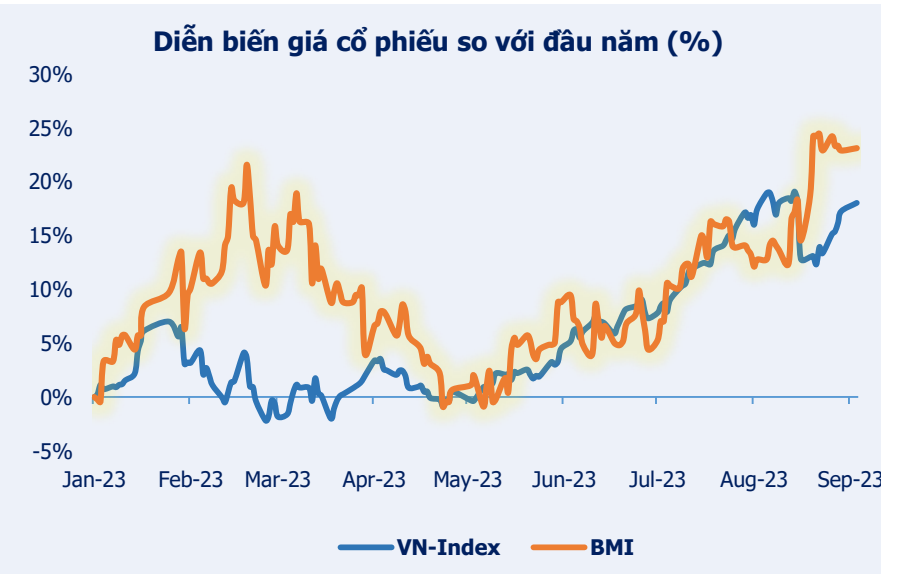


Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

## Tổng CTCP Bảo Minh (HOSE – BMI)

|                           |                      |                         |                |                |                |                |               |
|---------------------------|----------------------|-------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|---------------|
| <b>Giá hiện tại</b>       | <b>27.900</b>        | <b>(tỷ đồng)</b>        | <b>Q3/2022</b> | <b>Q4/2022</b> | <b>Q1/2023</b> | <b>Q2/2023</b> | <b>KH2023</b> |
| <b>Giá mục tiêu PTKT</b>  | <b>29.000-30.000</b> | <b>Doanh thu</b>        | 1,172.61       | 1,254.41       | 1,125.47       | 1,191.33       | 6,750.00      |
| <b>Giá cao nhất tháng</b> | <b>28.600</b>        | <b>% yoy</b>            | 39.98          | 11.58          | 19.19          | 7.13           | 57.83         |
| <b>Vốn hóa (tỷ đồng)</b>  | <b>3.059</b>         | <b>Lãi sau thuế</b>     | 83.74          | 67.44          | 73.49          | 74.43          | 300.00        |
| <b>EPS ttm (đ)</b>        | <b>2.452</b>         | <b>% Yoy</b>            | 60.48          | 1.23           | 3.25           | 8.64           | 2.63          |
| <b>BV (đ)</b>             | <b>22.678</b>        | <b>Tổng tài sản</b>     | 7,194          | 7,037          | 7,402          | 6,896          |               |
| <b>PE trailing</b>        | <b>11,38</b>         | <b>Vốn chủ sở hữu</b>   | 2,363          | 2,411          | 2,484          | 2,486          |               |
| <b>PB trailing</b>        | <b>1,23</b>          | <b>Tỷ lệ bồi thường</b> | 33.17          | 24.38          | 36.95          | 34.22          |               |
|                           |                      | <b>Tỷ lệ kết hợp</b>    | 100.81         | 98.13          | 97.02          | 95.14          |               |
|                           |                      | <b>ROE (%)</b>          | 11.26          | 11.42          | 11.20          | 11.70          |               |
|                           |                      | <b>Biên lãi ròng</b>    | 6.67           | 5.16           | 6.27           | 6.00           |               |



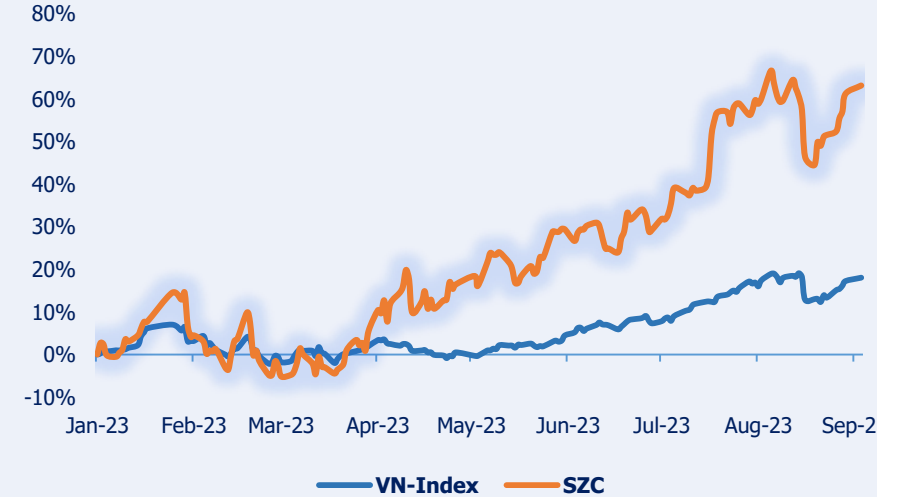
- 6 tháng 2023, BMI đạt 2.213 tỷ đồng doanh thu phí bảo hiểm thuần, tăng 12% YoY, tích cực hơn mức tăng 3,31% của toàn ngành bảo hiểm phi nhân thọ. LNTT đạt 187 tỷ đồng, tăng 9% YoY, hoàn thành 44,6% kế hoạch doanh thu và 49,9% kế hoạch lợi nhuận nhờ tỷ lệ bồi thường và tỷ lệ kết hợp có xu hướng giảm. Kết quả này tương đương EPS TTM của BMI đạt 2.760 đ/cp.
- HĐQT BMI đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2022 tỷ lệ 10%, thực hiện trong Q3 hoặc Q4.2023, tăng vốn điều lệ lên 1.205,86 tỷ đồng.
- BMI đang giao dịch ở mức PB 1,23x, thấp hơn mức 1,44x của trung bình ngành bảo hiểm phi nhân thọ.
- Ngày 14/08/2023 BMI thông báo công văn của BTC về việc chấp thuận nguyên tắc tăng vốn điều lệ cho BMI từ 1.096.239.850.000 đồng lên 1.205.863.830.000 đồng:



# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

## CTCP Sonadezi Châu Đức (HOSE – SZC)

|                           |                      |                          |                |                |                |                |               |
|---------------------------|----------------------|--------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|---------------|
| <b>Giá hiện tại</b>       | <b>37.500</b>        | <b>(tỷ đồng)</b>         | <b>Q3/2022</b> | <b>Q4/2022</b> | <b>Q1/2023</b> | <b>Q2/2023</b> | <b>KH2023</b> |
| <b>Giá mục tiêu PTKT</b>  | <b>41.000-43.000</b> | <b>Doanh thu</b>         | 123,29         | 195,66         | 63,16          | 288,17         | 914,51        |
| <b>Giá cao nhất tháng</b> | <b>39.1500</b>       | <b>% yoy</b>             | (24,27)        | 32,46          | (77,23)        | 9,74           | 6,48          |
| <b>Vốn hóa (tỷ đồng)</b>  | <b>4.506</b>         | <b>Lãi sau thuế</b>      | 23,32          | 37,57          | 11,75          | 95,97          | 210,26        |
| <b>EPS ttm (đ)</b>        | <b>1.393</b>         | <b>% YoY</b>             | (64,95)        | (44,84)        | (84,39)        | 56,89          | 6,53          |
| <b>BV (đ)</b>             | <b>13.552</b>        | <b>Tổng tài sản</b>      | 6.036          | 6.335          | 6.302          | 6.346          |               |
| <b>PE trailing</b>        | <b>26,96</b>         | <b>Vốn chủ sở hữu</b>    | 1.497          | 1.534          | 1.546          | 1.626          |               |
| <b>PB trailing</b>        | <b>2,77</b>          | <b>ROA (%)</b>           | 3,97           | 3,30           | 2,24           | 2,75           |               |
|                           |                      | <b>ROE (%)</b>           | 14,31          | 13,06          | 8,95           | 10,78          |               |
|                           |                      | <b>Biên lãi gộp (%)</b>  | 38,34          | 34,59          | 54,30          | 47,78          |               |
|                           |                      | <b>Biên lãi ròng (%)</b> | 18,91          | 19,20          | 18,61          | 33,30          |               |

**Diễn biến giá cổ phiếu so với đầu năm (%)**

- SZC sở hữu quỹ đất cho thuê lớn với tổng diện tích khoảng 2.135 ha (trong đó khoảng 600ha để phát triển KĐT)
- KQKD Q2/2023: Doanh thu thuần đạt 288,17 tỷ đồng (+9,74% YoY). Lợi nhuận sau thuế đạt 95,97 tỷ đồng (+56,89% YoY). Doanh thu vẫn tới chủ yếu từ việc cho thuê đất KCN, doanh thu từ KDC Hữu Phước đóng góp chưa đáng kể. Doanh thu phí đường bộ từ BOT 768 dù được phép thu phí trở lại từ 01/05/2023 nhưng vẫn chưa ghi nhận doanh thu trong quý.
- Lũy kế 6 tháng đầu năm 2023, SZC ghi nhận doanh thu thuần đạt 351,34 tỷ đồng (-34,93% YoY) và Lợi nhuận sau thuế đạt 107,72 tỷ (-21,07% YoY). Với kết quả này, SZC đã hoàn thành 38,41% kế hoạch doanh thu và 51,23% kế hoạch lợi nhuận năm 2023.
- Tổng diện tích đã ký hợp đồng nhưng chưa ghi nhận doanh thu của KCN Châu Đức tính tới cuối 2022 là 62ha, sẽ được ghi nhận dần từ 2023. Tăng tổng vốn đầu tư KĐT Châu Đức từ 1.237 tỷ đồng lên 9.804 tỷ đồng do chi phí GPMB và tiền sử dụng đất tăng
- SZC công bố nghị quyết HĐQT ngày 21/8/2023 về việc thông qua phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 2:1. Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán là gần 60 triệu đơn vị, tương đương 50% số cổ phiếu đang lưu hành. Giá chào bán là 20.000 đồng/cp. Thời gian triển khai dự kiến triển khai trong quý 4/2023, ngay sau khi được UBCKNN chấp thuận.



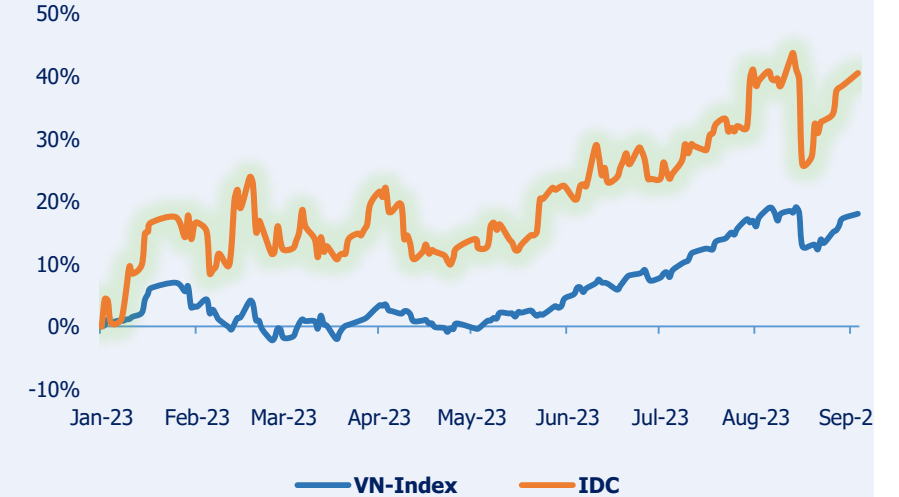
Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

## Tổng Công ty IDICO – CTCP (HNX – IDC)

|                           |                      |                          |                |                |                |                |               |
|---------------------------|----------------------|--------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|---------------|
| <b>Giá hiện tại</b>       | <b>47.500</b>        | <b>(tỷ đồng)</b>         | <b>Q3/2022</b> | <b>Q4/2022</b> | <b>Q1/2023</b> | <b>Q2/2023</b> | <b>KH2023</b> |
| <b>Giá mục tiêu PTKT</b>  | <b>54.000-56.000</b> | <b>Doanh thu</b>         | 2.052,83       | 1.207,98       | 1.146,68       | 2.407,56       | 8.276,83      |
| <b>Giá cao nhất tháng</b> | <b>50.700</b>        | <b>% yoy</b>             | 127,85         | (58,63)        | (31,48)        | (27,22)        | 0,42          |
| <b>Vốn hóa (tỷ đồng)</b>  | <b>15.675</b>        | <b>Lãi sau thuế</b>      | 422,32         | (336,59)       | 147,79         | 533,62         | 2.020,16      |
| <b>EPS ttm (đ)</b>        | <b>2.453</b>         | <b>% Yoy</b>             | 150,49         | #N/A N/A       | (42,12)        | (62,59)        | (22,19)       |
| <b>BV (đ)</b>             | <b>14.912</b>        | <b>Tổng tài sản</b>      | 16.215         | 17.013         | 17.428         | 16.917         |               |
| <b>PE trailing</b>        | <b>22,94</b>         | <b>Vốn chủ sở hữu</b>    | 6.352          | 6.128          | 6.277          | 6.203          |               |
| <b>PB trailing</b>        | <b>3,19</b>          | <b>ROA (%)</b>           | 13,03          | 10,68          | 9,86           | 4,63           |               |
|                           |                      | <b>ROE (%)</b>           | 45,83          | 39,96          | 35,90          | 14,89          |               |
|                           |                      | <b>Biên lãi gộp (%)</b>  | 39,18          | (4,83)         | 26,47          | 37,06          |               |
|                           |                      | <b>Biên lãi ròng (%)</b> | 20,57          | (74,59)        | 12,89          | 22,16          |               |

Diễn biến giá cổ phiếu so với đầu năm (%)



- IDC sở hữu danh mục 10 KCN nằm ở các vị trí thuận lợi với tổng diện tích khoảng 3.267ha ở miền Bắc và miền Nam. Hiện IDC còn 722,7 ha quỹ đất sẵn sàng cho thuê tại 5 dự án KCN như Phú Mỹ 2, Phú Mỹ 2 mở rộng, Hựu Thạnh, Cầu Nghìn, Quế Võ. Năm 2023, IDC dự kiến tiếp tục cho thuê khoảng 127,9ha (6T2023 đã cho thuê mới 76,8ha). Trong đó, KCN Hữu Thạnh và Phú Mỹ 2 là động lực tăng trưởng trong năm 2023.
- KQKD Q2/2023: Doanh thu thuần đạt 2.407,56 tỷ đồng (-27,2% yoy), Lợi nhuận sau thuế đạt 662,70 tỷ đồng (-54,83% yoy). Lũy kế 6T/2023, IDC ghi nhận doanh thu thuần đạt 3.554,24 tỷ đồng (-28,65% yoy). Lợi nhuận sau thuế đạt 837,91 tỷ đồng (-52,14% yoy). Với kết quả này, IDC đã hoàn thành 42,94% kế hoạch doanh thu và 26,24% kế hoạch lợi nhuận năm 2023.
- Cơ cấu doanh thu 6T2023: Mảng kinh doanh điện đã vượt mảng hạ tầng KCN trở thành nguồn đóng góp doanh thu lớn nhất với 1.339,63 tỷ đồng (37,7% tổng doanh thu). Doanh thu hạ tầng KCN 1.061,03 tỷ đồng (chiếm 29,85%), giảm mạnh 65% so với cùng kỳ do các hợp đồng cho thuê chưa đến thời điểm đáp ứng điều kiện ghi nhận doanh thu một lần theo quy định. Doanh thu kinh doanh bất động sản tăng hơn 10 lần so với cùng kỳ lên 575,94 tỷ đồng (chiếm 16,20%).
- Dự án Khu đô thị phường 6, Tân An (Idico Linco – IDC sở hữu 51%) dự kiến sẽ được chuyển nhượng cho Aeon để phát triển trung tâm thương mại. Việc chuyển nhượng hoàn tất sẽ có tác động tích cực đến dòng tiền của IDC.

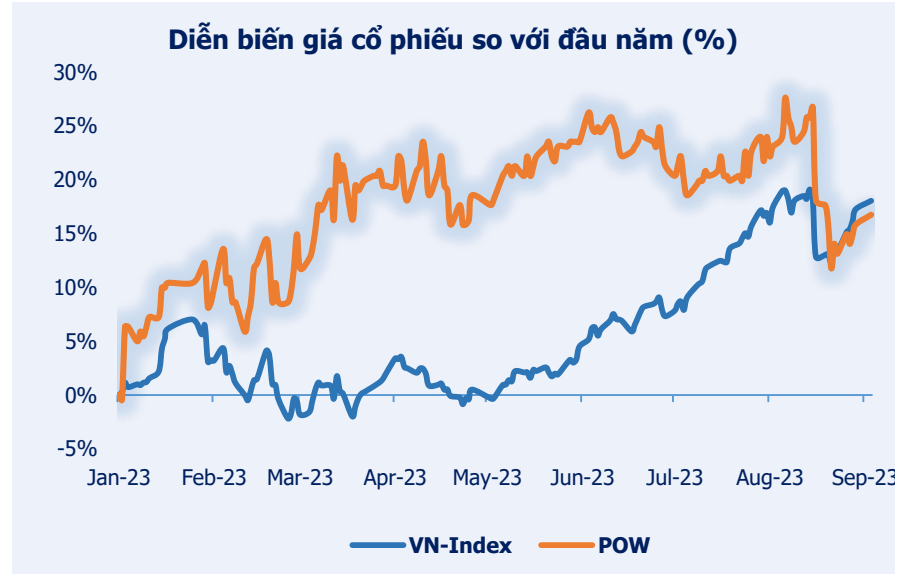


Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

## Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP (HOSE – POW)

|                           |                      | (tỷ đồng)                | Q3/2022  | Q4/2022  | Q1/2023  | Q2/2023  | KH2023    |
|---------------------------|----------------------|--------------------------|----------|----------|----------|----------|-----------|
| <b>Giá hiện tại</b>       | <b>12.800</b>        |                          |          |          |          |          |           |
| <b>Giá mục tiêu PTKT</b>  | <b>16.000-16.500</b> |                          |          |          |          |          |           |
| <b>Giá cao nhất tháng</b> | <b>14.200</b>        |                          |          |          |          |          |           |
| <b>Vốn hóa (tỷ đồng)</b>  | <b>29.976</b>        |                          |          |          |          |          |           |
| <b>EPS ttm (đ)</b>        | <b>674</b>           |                          |          |          |          |          |           |
| <b>BV (đ)</b>             | <b>13.252</b>        |                          |          |          |          |          |           |
| <b>PE trailing</b>        | <b>22,35</b>         |                          |          |          |          |          |           |
| <b>PB trailing</b>        | <b>0,97</b>          |                          |          |          |          |          |           |
|                           |                      | <b>Doanh thu</b>         | 6.041,68 | 7.669,21 | 7.424,37 | 8.430,92 | 30.332,00 |
|                           |                      | <b>% yoy</b>             | 13,09    | 113,09   | 5,14     | 12,95    | 7,43      |
|                           |                      | <b>Lãi sau thuế</b>      | 66,85    | 851,00   | 534,00   | 125,93   | 1.118,00  |
|                           |                      | <b>% Yoy</b>             | (86,17)  | #N/A N/A | (25,97)  | (70,13)  | (51,87)   |
|                           |                      | <b>Tổng tài sản</b>      | 56.503   | 56.843   | 58.005   | 61.896   |           |
|                           |                      | <b>Vốn chủ sở hữu</b>    | 32.403   | 33.281   | 33.809   | 33.831   |           |
|                           |                      | <b>ROA (%)</b>           | 2,08     | 3,75     | 3,32     | 2,64     |           |
|                           |                      | <b>ROE (%)</b>           | 3,90     | 6,97     | 6,22     | 5,20     |           |
|                           |                      | <b>Biên lãi gộp (%)</b>  | 11,63    | 13,93    | 9,14     | 5,57     |           |
|                           |                      | <b>Biên lãi ròng (%)</b> | 1,11     | 11,11    | 7,19     | 1,49     |           |



- Quý II/2023 Doanh thu 8.555 tỷ đồng (+13% YoY), lãi trước thuế 239 tỷ đồng (-60% YoY) giá nhiên liệu tăng cao và sản lượng thủy điện thấp. Lũy kế 6 tháng năm 2023, doanh thu đạt 15.855 tỷ đồng (+9% YoY) = 52,2% KH năm, lãi sau thuế 831,6 tỷ đồng (-40% YoY) = 74% KH năm. Tháng 7 sản lượng ước đạt 1,266 tỷ Kwh (103% KH), 2.312 tỷ đồng doanh thu (101% KH).
- Ngày 25/5, Fitch Ratings năm thứ 3 liên tiếp xếp hạng tín nhiệm POW là nhà phát hành nợ dài hạn bằng ngoại tệ (IDR) tại mức BB với "Triển vọng tích cực".
- Ngày 29/06/2023, EVN và PVN đã ký biên bản bàn giao hồ sơ Dự án Nhà máy điện Ô Môn III và Ô Môn IV.
- Tình hình triển khai Dự án NT3 và NT4 (công suất 1.620 MW, tổng mức đầu tư 1,4 tỷ USD): tiến độ tổng thể thực hiện gói thầu EPC đạt khoảng 28,4%. Ngày 29/8/2023, PV Power và VCB đã ký hợp đồng tín dụng trung dài hạn 4.000 tỷ đồng cho dự án, dự kiến phát điện thương mại NT3 tháng 11/2024 và NT4 tháng 5/2025. Tổ máy số 1 Nhà máy Vũng Áng 1 đã vận hành công suất tổ đa sau khi bảo dưỡng, sửa chữa từ 12/8/23.
- Ngày 25/8/2023, Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power) cùng Asong Invest và PVCB Capital đã tổ chức Lễ ký kết Biên bản ghi nhớ hợp tác đầu tư, hợp tác trong ngành công nghiệp xanh Việt Nam.

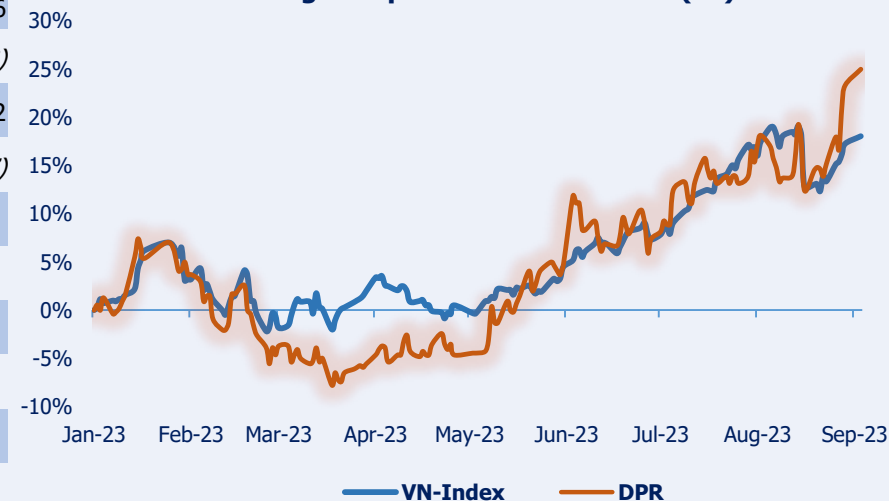


# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

## CTCP Cao su Đồng Phú (HOSE – DPR)

|                           |                      |                          |                |                |                |                |               |
|---------------------------|----------------------|--------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|---------------|
| <b>Giá hiện tại</b>       | <b>66.600</b>        | <b>(tỷ đồng)</b>         | <b>Q3/2022</b> | <b>Q4/2022</b> | <b>Q1/2023</b> | <b>Q2/2023</b> | <b>KH2023</b> |
| <b>Giá mục tiêu PTKT</b>  | <b>75.000-77.000</b> | <b>Doanh thu</b>         | 340,82         | 381,77         | 179,76         | 146,36         | 819,66        |
| <b>Giá cao nhất tháng</b> | <b>66.600</b>        | <b>% yoy</b>             | 13,25          | (24,41)        | (11,82)        | (50,64)        | (32,93)       |
| <b>Vốn hóa (tỷ đồng)</b>  | <b>2.893</b>         | <b>Lãi sau thuế</b>      | 85,05          | 60,91          | 55,05          | 28,88          | 220,02        |
| <b>EPS ttm (đ)</b>        | <b>5.343</b>         | <b>% Yoy</b>             | 23,79          | (79,15)        | 45,55          | (55,01)        | (21,07)       |
| <b>BV (đ)</b>             | <b>54.311</b>        | <b>Tổng tài sản</b>      | 4.256          | 4.165          | 4.193          | 4.242          |               |
| <b>PE trailing</b>        | <b>25,00</b>         | <b>Vốn chủ sở hữu</b>    | 3.072          | 2.991          | 3.061          | 3.019          |               |
| <b>PB trailing</b>        | <b>1,23</b>          | <b>ROA (%)</b>           | 11,97          | 6,05           | 6,57           | 5,58           |               |
|                           |                      | <b>ROE (%)</b>           | 21,89          | 11,02          | 11,54          | 10,00          |               |
|                           |                      | <b>Biên lãi gộp (%)</b>  | 35,71          | 26,08          | 38,14          | 21,25          |               |
|                           |                      | <b>Biên lãi ròng (%)</b> | 24,95          | 16,44          | 30,62          | 19,79          |               |

### Diễn biến giá cổ phiếu so với đầu năm (%)



- Quý II/2023: Doanh thu thuần đạt 146,362 tỷ đồng (- 50,49% YoY), LNST đạt 41,02 tỷ đồng (- 43,3% YoY). Nguyên nhân do sản lượng tiêu thụ thấp hơn chỉ đạt 1.123,02 tấn và giá bán bình quân thấp hơn 20,59% YoY. Lũy kế 06 tháng 2023 doanh thu thuần đạt 326,120 tỷ đồng (-34,7% YoY) = 39,8% KH năm, LNST đạt 102,851 tỷ đồng (-14,3% YoY) = 46,7% KH năm. KH2023 doanh thu 819,6 tỉ đồng, lãi sau thuế 220 tỉ đồng, cổ tức tối thiểu 15%. Lũy kế 06 tháng 2023 doanh thu đạt 326,120 tỷ đồng (-34,7% YoY) = 39,8% KH năm, LNST đạt 102,851 tỷ đồng (-14,3% YoY) = 46,7% KH năm.
- Ngày 15/8/23, HĐQT thông qua triển khai phương án phát hành cổ phiếu thưởng tỉ lệ 1:1. Ngày 11/9/2023, chốt danh sách nhận cổ tức đợt năm 2022 bằng tiền tỉ lệ 30%, dự kiến thanh toán 20/11/2023.
- Tiến độ triển khai 02 KCN Bắc Đồng Phú và Nam Đồng Phú: Bổ sung quy hoạch KCN của tỉnh Bình Phước đã được thực hiện. Chủ trương đầu tư 02 KCN Bắc Đồng Phú và Nam Đồng Phú phải được Thủ Tướng Chính Phủ phê duyệt. Hiện tại dự án mở rộng KCN Bắc Đồng Phú đã có báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong tháng 05/2023 với diện tích 317 ha, có khả năng triển khai thực hiện trong năm 2023. Dự án KCN Nam Đồng Phú dự kiến tăng vốn điều lệ trong năm 2023 "là điều kiện đủ để nộp hồ sơ xin chủ trương đầu tư".

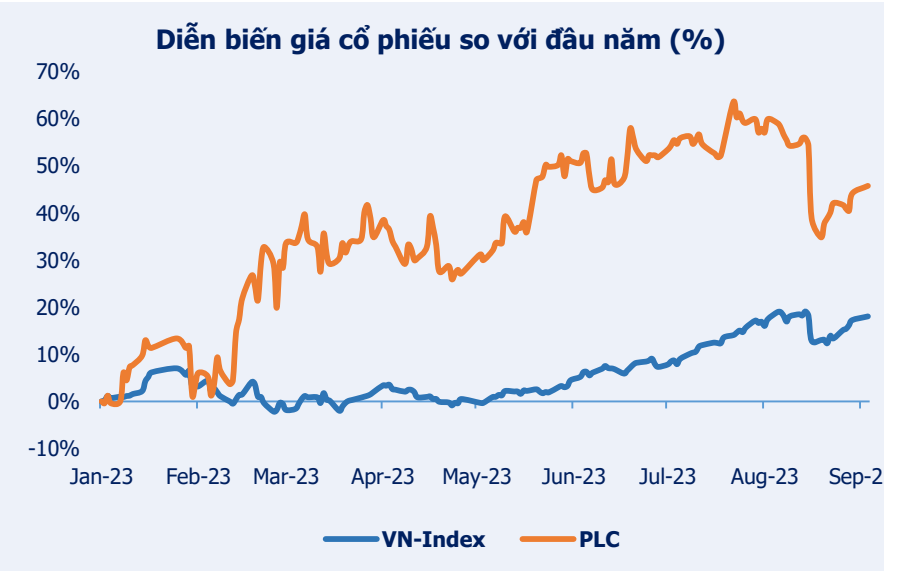


Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

## Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP (HNX – PLC)

|                           |                      |                          |                |                |                |                |               |
|---------------------------|----------------------|--------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|---------------|
| <b>Giá hiện tại</b>       | <b>35.600</b>        | <b>(tỷ đồng)</b>         | <b>Q3/2022</b> | <b>Q4/2022</b> | <b>Q1/2023</b> | <b>Q2/2023</b> | <b>KH2023</b> |
| <b>Giá mục tiêu PTKT</b>  | <b>37.000-39.000</b> | <b>Doanh thu</b>         | 1.787,20       | 2.606,90       | 1.968,41       | 1.881,34       | 8.903,53      |
| <b>Giá cao nhất tháng</b> | <b>40.500</b>        | <b>% yoy</b>             | 24,92          | 30,46          | (5,98)         | (10,98)        | 3,52          |
| <b>Vốn hóa (tỷ đồng)</b>  | <b>2.876</b>         | <b>Lãi sau thuế</b>      | 21,84          | 6,47           | 33,25          | 35,63          | 160,00        |
| <b>EPS ttm (đ)</b>        | <b>1.202</b>         | <b>% Yoy</b>             | 1,28           | (76,41)        | (18,15)        | (25,80)        | 20,09         |
| <b>BV (đ)</b>             | <b>15.771</b>        | <b>Tổng tài sản</b>      | 5.052          | 4.621          | 4.392          | 4.281          |               |
| <b>PE trailing</b>        | <b>28,26</b>         | <b>Vốn chủ sở hữu</b>    | 1.319          | 1.229          | 1.262          | 1.274          |               |
| <b>PB trailing</b>        | <b>2,26</b>          | <b>ROA (%)</b>           | 2,65           | 2,48           | 2,33           | 2,06           |               |
|                           |                      | <b>ROE (%)</b>           | 10,35          | 8,99           | 8,19           | 7,56           |               |
|                           |                      | <b>Biên lãi gộp (%)</b>  | 11,16          | 12,51          | 12,64          | 13,59          |               |
|                           |                      | <b>Biên lãi ròng (%)</b> | 1,22           | 0,25           | 1,69           | 1,89           |               |



- Màng nhựa đường là lợi thế chính của PLC, đóng góp ~50% doanh thu 2022 của PLC. Thị phần nhựa đường PLC chiếm 28-30% thị phần với hệ thống kho – phân phối rộng khắp cả nước.
- Hưởng lợi trực tiếp từ hoạt động đầu tư các tuyến cao tốc giai đoạn 2023-2025 của Chính phủ khi PLC là nhà cung cấp nguyên vật liệu cho nhiều dự án trọng điểm, đặc biệt các dự án thành phần Cao tốc Bắc Nam GĐ1 và GĐ2.
- KQKD Q2/2023: Doanh thu thuần đạt 1.881,34 tỷ đồng (-10,97% YoY), lãi sau thuế đạt 35,63 tỷ đồng (-25,80% YoY). Nguyên nhân do giá bán bình quân các sản phẩm thấp hơn cùng kỳ khiến biên lãi gộp bị thu hẹp. Lũy kế 06 tháng 2023, doanh thu thuần đạt 3.849,75 tỷ đồng (-8,49% YoY), lợi nhuận sau thuế đạt 68,88 tỷ đồng (-22,29% YoY), tương ứng 43,23% KH doanh thu và 43,05% KH lợi nhuận năm.
- Rủi ro: (1) Rủi ro tỷ giá và giá nguyên vật liệu đối với mảng mở nhờn, (2) Rủi ro cạnh tranh mảng hóa chất, và (3) Rủi ro chậm giải ngân đầu tư công đối với mảng nhựa đường





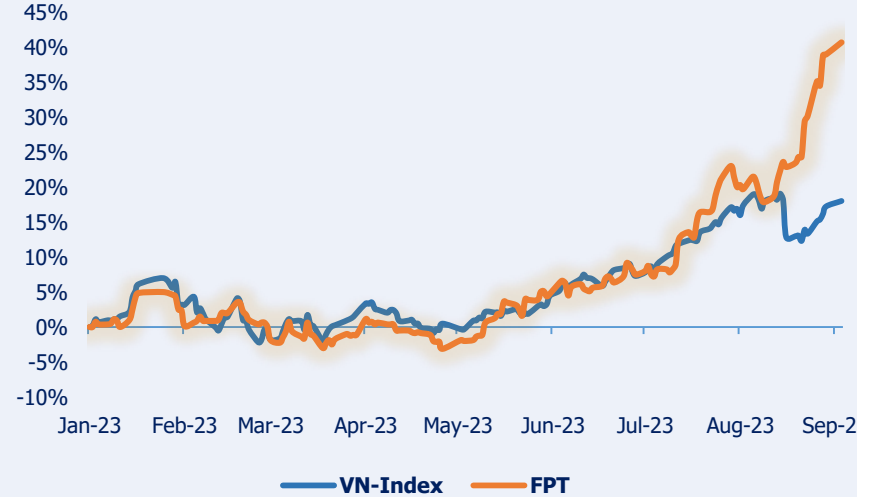
Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

## CTCP FPT (HOSE – FPT)

|                           |                       |                          |                |                |                |                |               |
|---------------------------|-----------------------|--------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|---------------|
| <b>Giá hiện tại</b>       | <b>96.700</b>         | <b>(tỷ đồng)</b>         | <b>Q3/2022</b> | <b>Q4/2022</b> | <b>Q1/2023</b> | <b>Q2/2023</b> | <b>KH2023</b> |
| <b>Giá mục tiêu PTKT</b>  | <b>100.000-110.00</b> | <b>Doanh thu</b>         | 11.148,56      | 13.042,43      | 11.681,38      | 12.484,36      | 52.289,00     |
| <b>Giá cao nhất tháng</b> | <b>98.200</b>         | <b>% yoy</b>             | 27,77          | 21,77          | 20,05          | 23,66          | 18,79         |
| <b>Vốn hóa (tỷ đồng)</b>  | <b>122.806</b>        | <b>Lãi sau thuế</b>      | 1.453,72       | 1.366,69       | 1.493,56       | 1.509,22       | 7.244,00      |
| <b>EPS ttm (đ)</b>        | <b>4.613</b>          | <b>% Yoy</b>             | 29,24          | 4,62           | 20,56          | 20,66          | 11,86         |
| <b>BV (đ)</b>             | <b>19.017</b>         | <b>Tổng tài sản</b>      | 55.127         | 51.650         | 50.741         | 60.524         |               |
| <b>PE trailing</b>        | <b>20,96</b>          | <b>Vốn chủ sở hữu</b>    | 24.056         | 25.356         | 27.061         | 28.595         |               |
| <b>PB trailing</b>        | <b>5,09</b>           | <b>ROA (%)</b>           | 10,16          | 10,08          | 10,47          | 9,97           |               |
|                           |                       | <b>ROE (%)</b>           | 28,47          | 27,24          | 26,64          | 26,64          |               |
|                           |                       | <b>Biên lãi gộp (%)</b>  | 39,10          | 38,45          | 39,10          | 37,12          |               |
|                           |                       | <b>Biên lãi ròng (%)</b> | 13,04          | 10,49          | 12,79          | 12,09          |               |

Diễn biến giá cổ phiếu so với đầu năm (%)



- Nằm trong số những công ty công nghệ, nhà cung cấp Internet hàng đầu Việt Nam. Các mảng hoạt động chủ đạo (xuất khẩu phần mềm, hệ thống thông tin, đường truyền Internet..) được hưởng lợi từ xu hướng chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ trên thế giới và Việt Nam.
- Tình hình tài chính vững mạnh, lượng tiền mặt gần 26.700 tỷ đồng, (chiếm 44% tổng tài sản và tương đương 83% tổng nợ phải trả), nợ vay được kiểm soát ở mức thấp (32% tổng vốn)
- Quý II/2023 Doanh thu thuần 12.485 tỷ đồng (+24% YoY), lãi sau thuế 1.509 tỷ đồng (+21% YoY), cao nhất từ trước tới nay. Lũy kế 6 tháng năm 2023, doanh thu đạt 24.166 tỷ đồng (+22% YoY) = 46% KH năm, lãi trước thuế 4.339 tỷ đồng (+19% YoY) =47,9% KH năm.
- Ước đạt 28.429 tỷ đồng doanh thu (+22,4% YoY) và 5.069 tỷ lãi trước thuế (+19,5%) trong 7 tháng, tương ứng 54% KH doanh thu và 56% KH lợi nhuận. Khối công nghệ đóng góp lớn nhất với 59% doanh thu và 47% lợi nhuận, trong đó mảng dịch vụ cho thị trường nước ngoài tăng 30,4% doanh thu chủ yếu đến từ thị trường Nhật Bản và APAC, giá trị hợp đồng ký mới đạt 16.695 tỷ đồng.
- Ngày 25/8/2023, GDKHQ tạm ứng cổ tức đợt 1/2023 bằng tiền tỷ lệ 10%, dự kiến thanh toán 12/9/2023. Kế hoạch cổ tức năm 2023 là 20%.

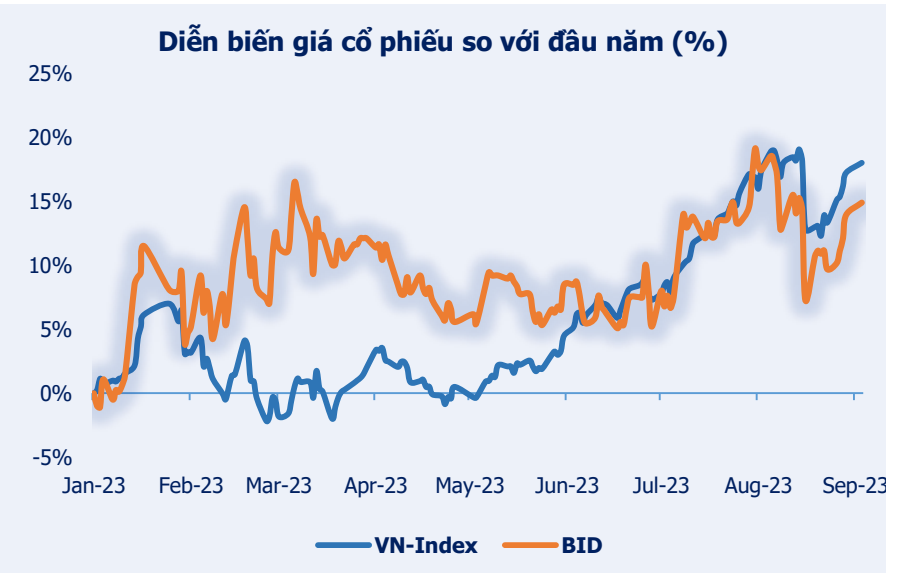


Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

## Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (HOSE – BID)

|                           |                      |                          |                |                |                |                |               |
|---------------------------|----------------------|--------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|---------------|
| <b>Giá hiện tại</b>       | <b>46.950</b>        | <b>(tỷ đồng)</b>         | <b>Q3/2022</b> | <b>Q4/2022</b> | <b>Q1/2023</b> | <b>Q2/2023</b> | <b>KH2023</b> |
| <b>Giá mục tiêu PTKT</b>  | <b>50.000-52.000</b> | <b>Doanh thu</b>         | 18.591,79      | 19.086,90      | 18.368,26      | 18.601,73      | -             |
| <b>Giá cao nhất tháng</b> | <b>49.500</b>        | <b>% yoy</b>             | 17,68          | 27,11          | 35,03          | 30,50          | -             |
| <b>Vốn hóa (tỷ đồng)</b>  | <b>237.498</b>       | <b>Lãi sau thuế</b>      | 5.277,96       | 4.151,53       | 5.468,48       | 5.426,13       | 21.168,28     |
| <b>EPS ttm (đ)</b>        | <b>4.018</b>         | <b>% Yoy</b>             | 157,71         | 89,98          | 53,13          | 5,20           | 14,71         |
| <b>BV (đ)</b>             | <b>21.626</b>        | <b>Tiền gửi KH</b>       | 1.414.224      | 1.473.605      | 1.497.395      | 1.545.569      |               |
| <b>PE trailing</b>        | <b>11,69</b>         | <b>Cho vay KH</b>        | 1.494.904      | 1.522.229      | 1.597.152      | 1.629.067      |               |
| <b>PB trailing</b>        | <b>2,17</b>          | <b>Nợ xấu (%)</b>        | 1,35           | 1,16           | 1,55           | 1,59           |               |
|                           |                      | <b>ROE (%)</b>           | 18,08          | 19,89          | 20,93          | 20,29          |               |
|                           |                      | <b>NIM</b>               | 2,92           | 3,07           | 3,02           | 2,83           |               |
|                           |                      | <b>Biên lãi ròng (%)</b> | 28,39          | 21,75          | 29,77          | 29,17          |               |



- Cuối Q2.2023, tổng tài sản đạt 2,12 triệu tỷ đồng, tăng nhẹ 0,2% YTD, dư nợ tín dụng 1,63 triệu tỷ đồng, tăng 7%, tiền gửi khách hàng 1,54 triệu tỷ đồng, tăng 4,9%, tỷ lệ CASA 16,6%, giảm so với mức 18,4% tại thời điểm cuối năm 2022. BID đã được NHNN cấp hạn mức tăng trưởng tín dụng 14% trong năm 2023, tăng so với mức 12% của năm 2022 theo định hướng tập trung cho vay ngành nghề ưu tiên của Chính phủ.
- 6 tháng đầu năm, BID đạt 13.862 tỷ đồng LNTT, tăng 26% YoY. Động lực tăng trưởng lợi nhuận của BID tiếp tục đến từ trích lập dự phòng giảm, dù tỷ lệ nợ xấu đã tăng lên 1,59% từ mức 1,16% thời điểm cuối năm 2022 và cao hơn mức mục tiêu 1,4% của cả năm 2023. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu giảm từ 217% cuối năm 2022 xuống còn 152,6%, xếp thứ 4 toàn ngành.
- BID hiện đang giao dịch ở mức PB 2,17x, cao hơn trung bình ngành nhưng vẫn ở mức hợp lý khi so sánh vị thế của BID trong top Ngân hàng Big4.
- Câu chuyện đầu tư: BID sẽ trả cổ tức 2021 bằng cổ phiếu tỷ lệ 12%, chào bán ra công chúng hoặc chào bán riêng lẻ tỷ lệ 9%. Việc Ngân hàng tăng vốn và hệ số CAR tăng sẽ tạo điều kiện cho BID tăng trưởng tín dụng.



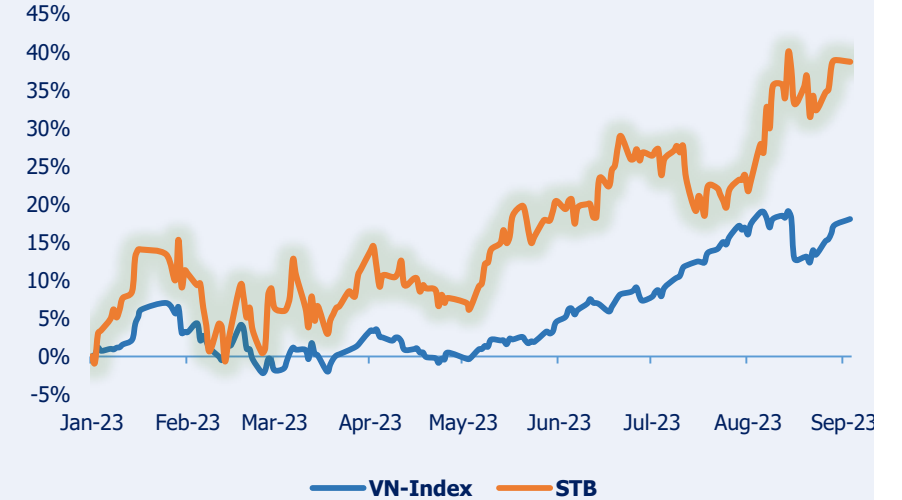
Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

## Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (HOSE – STB)

|                                     |                      |                          |                |                |                |                |               |
|-------------------------------------|----------------------|--------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|---------------|
| <b>Giá hiện tại (x1000 đ)</b>       | <b>32.650</b>        | <b>(tỷ đồng)</b>         | <b>Q3/2022</b> | <b>Q4/2022</b> | <b>Q1/2023</b> | <b>Q2/2023</b> | <b>KH2023</b> |
| <b>Giá mục tiêu PTKT (x1000 đ)</b>  | <b>34.000-36.000</b> | <b>Doanh thu</b>         | 7.892,36       | 8.896,74       | 7.671,15       | 7.696,85       | -             |
| <b>Giá cao nhất tháng (x1000 đ)</b> | <b>32.900</b>        | <b>% yoy</b>             | 40,28          | 60,23          | 50,56          | 45,65          | -             |
| <b>Vốn hóa (tỷ đồng)</b>            | <b>61.552</b>        | <b>Lãi sau thuế</b>      | 1.211,61       | 1.751,12       | 1.899,96       | 1.925,13       | 7.600,00      |
| <b>EPS ttm (đ)</b>                  | <b>3.601</b>         | <b>% Yoy</b>             | 89,39          | 104,13         | 49,12          | 139,48         | 50,77         |
| <b>BV (đ)</b>                       | <b>22.169</b>        | <b>Tiền gửi KH</b>       | 457.890        | 454.740        | 478.789        | 501.583        |               |
| <b>PE trailing</b>                  | <b>6,45</b>          | <b>Cho vay KH</b>        | 420.748        | 438.628        | 448.469        | 460.471        |               |
| <b>PB trailing</b>                  | <b>1,47</b>          | <b>Nợ xấu (%)</b>        | 0,90           | 0,98           | 1,19           | 1,79           |               |
|                                     |                      | <b>ROE (%)</b>           | 11,80          | 13,83          | 14,90          | 17,50          |               |
|                                     |                      | <b>NIM</b>               | 2,87           | 3,44           | 3,87           | 4,36           |               |
|                                     |                      | <b>Biên lãi ròng (%)</b> | 15,35          | 19,68          | 24,77          | 25,01          |               |

Diễn biến giá cổ phiếu so với đầu năm (%)



- 6 tháng 2023, STB đạt 4.755 tỷ đồng LNTT, tăng 63,5% YoY, hoàn thành 50,1% kế hoạch năm. Tổng tài sản đạt 622 nghìn tỷ đồng, tăng 5% YTD, tiền gửi khách hàng 501 nghìn tỷ đồng, tăng 10% YTD, quy mô tín dụng 460 nghìn tỷ đồng, tăng 5% YTD. Tỷ lệ nợ xấu 1,79%, tăng khá mạnh so với mức 0,98% thời điểm cuối năm 2022, tỷ lệ bao phủ nợ xấu 77%.
- Lợi nhuận trước trích lập chi phí ĐỀ án xử lý nợ xấu đạt gần 6.300 tỷ đồng, tạo điều kiện trích lập ròng hơn 1.500 tỷ dự phòng VAMC. Các chỉ số sinh lời được cải thiện, ROA và ROE lần lượt đạt 1,26% và 19,03%, tăng 0,35% và 5,2% YoY dù tỷ lệ CIR là 47,8%, cao hơn khá nhiều mức khoảng 33% của trung bình ngành.
- Câu chuyện đầu tư. Định hướng trình NHNN phương án xử lý 32% cổ phiếu đảm bảo do VAMC quản lý, đấu giá KCN Phong Phú để xử lý nợ. Chia cổ tức, bán cổ phần cho cổ đông chiến lược sau khi tái cơ cấu.

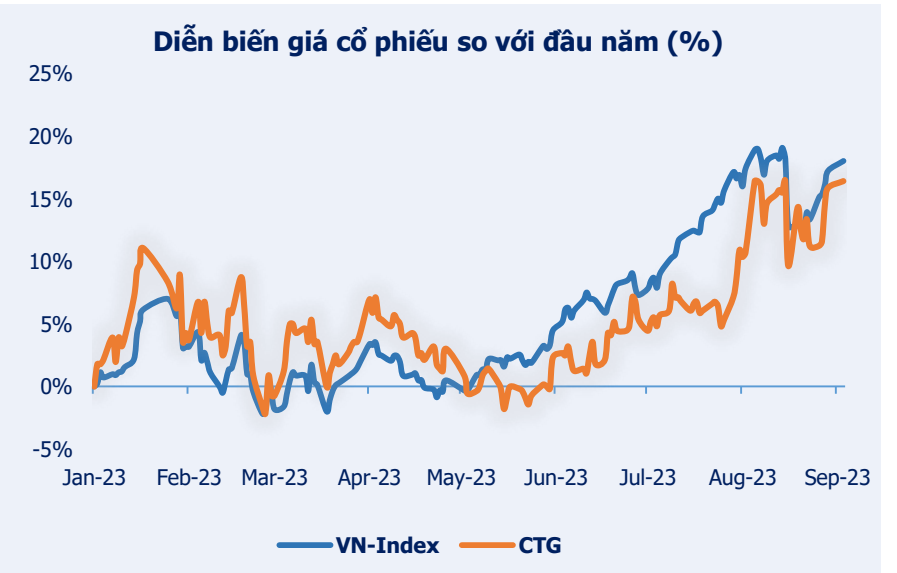


Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

## Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (HOSE – CTG)

|                                     |                      |                          |                |                |                |                |               |
|-------------------------------------|----------------------|--------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|---------------|
| <b>Giá hiện tại (x1000 đ)</b>       | <b>32.450</b>        | <b>(tỷ đồng)</b>         | <b>Q3/2022</b> | <b>Q4/2022</b> | <b>Q1/2023</b> | <b>Q2/2023</b> | <b>KH2023</b> |
| <b>Giá mục tiêu PTKT (x1000 đ)</b>  | <b>37.000-38.000</b> | <b>Doanh thu</b>         | 18.755,81      | 18.618,49      | 18.277,30      | 18.818,36      | -             |
| <b>Giá cao nhất tháng (x1000 đ)</b> | <b>32.900</b>        | <b>% yoy</b>             | 37,29          | 36,87          | 42,27          | 33,63          | -             |
| <b>Vốn hóa (tỷ đồng)</b>            | <b>155.947</b>       | <b>Lãi sau thuế</b>      | 3.338,33       | 4.127,43       | 4.806,38       | 5.203,31       | -             |
| <b>EPS ttm (đ)</b>                  | <b>3.636</b>         | <b>% Yoy</b>             | 35,72          | 41,48          | 3,05           | 12,01          | -             |
| <b>BV (đ)</b>                       | <b>24.399</b>        | <b>Tiền gửi KH</b>       | 1.189.723      | 1.249.181      | 1.272.350      | 1.310.048      | -             |
| <b>PE trailing</b>                  | <b>8,93</b>          | <b>Cho vay KH</b>        | 1.245.239      | 1.274.822      | 1.333.109      | 1.359.357      | -             |
| <b>PB trailing</b>                  | <b>1,33</b>          | <b>Nợ xấu (%)</b>        | 1,42           | 1,24           | 1,28           | 1,27           | -             |
|                                     |                      | <b>ROE (%)</b>           | 15,54          | 16,74          | 16,13          | 15,94          | -             |
|                                     |                      | <b>NIM</b>               | 2,99           | 3,03           | 3,02           | 3,01           | -             |
|                                     |                      | <b>Biên lãi ròng (%)</b> | 17,80          | 22,17          | 26,30          | 27,65          | -             |



- Cuối Q2.2023, tổng tài sản đạt 1,86 triệu tỷ đồng, tăng 2,9% YTD, dư nợ tín dụng 1,36 triệu tỷ đồng, tăng trưởng 6,6% YTD, tiền gửi khách hàng 1,31 triệu tỷ đồng, tăng 4,9% YTD, tỷ lệ CASA 18,7%. Tỷ lệ nợ xấu là 1,27%, có tăng so với mức 1,24% thời điểm đầu năm, tuy nhiên mức độ tăng thấp hơn đáng kể so với ngành. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu giảm từ 188% đầu năm xuống còn 169%, cao thứ 2 toàn ngành.
- Tỷ lệ nợ xấu tăng thấp giúp CTG duy trì được tỷ lệ chi phí thấp hơn đáng kể so với ngành (26,7% so với mức trên 33% của ngành) dù hệ số NIM thời điểm Q2.2023 cũng giảm nhẹ xuống 2,93%. LNTT 6 tháng của CTG đạt 12.530 tỷ đồng, tăng 8% YoY, EPS trượt 4 quý tính đến Q2.2023 đạt 3.664 đ/cp.
- CTG đang được giao dịch ở mức PB 1,33x, thấp hơn đáng kể so với trung bình ngành 1,65x.

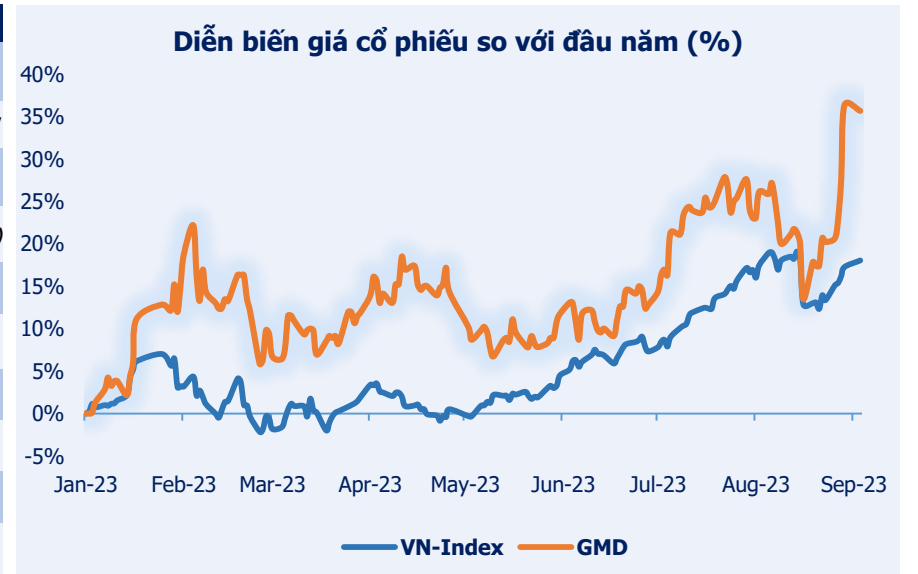


Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

## CTCP Gemadept (HOSE – GMD)

| Giá hiện tại (x1000 đ)       | 62.700        | (tỷ đồng)                | Q3/2022 | Q4/2022  | Q1/2023 | Q2/2023  | KH2023   |
|------------------------------|---------------|--------------------------|---------|----------|---------|----------|----------|
| Giá mục tiêu PTKT (x1000 đ)  | 65.000-67.000 | <b>Doanh thu</b>         | 991,94  | 1.065,89 | 901,97  | 912,15   | 3.920,00 |
| Giá cao nhất tháng (x1000 đ) | 62.800        | <b>% yoy</b>             | 36,12   | 0,97     | 2,51    | (6,72)   | 0,11     |
| Vốn hóa (tỷ đồng)            | 18.896        | <b>Lãi sau thuế</b>      | 243,88  | 187,64   | 202,17  | 1.650,40 | 908,80   |
| EPS ttm (đ)                  | 7.350         | <b>% Yoy</b>             | 92,86   | (4,78)   | (26,14) | 471,74   | (21,45)  |
| BV (đ)                       | 28.859        | <b>Tổng tài sản</b>      | 11.750  | 13.031   | 13.266  | 14.011   |          |
| PE trailing                  | 26,38         | <b>Vốn chủ sở hữu</b>    | 8.118   | 7.948    | 8.200   | 9.777    |          |
| PB trailing                  | 2,17          | <b>ROA (%)</b>           | 9,26    | 8,37     | 7,61    | 17,99    |          |
|                              |               | <b>ROE (%)</b>           | 14,17   | 13,81    | 12,37   | 28,49    |          |
|                              |               | <b>Biên lãi gộp (%)</b>  | 40,57   | 50,31    | 47,29   | 50,37    |          |
|                              |               | <b>Biên lãi ròng (%)</b> | 24,59   | 17,90    | 22,41   | 180,93   |          |



- Một trong các nhà khai thác cảng biển và logistics hàng đầu tại Việt Nam với 8 cảng biển (năng lực 3,45 triệu TEU, 2 triệu tấn hàng rời) trong đó Gemalink nằm trong Top 19 cảng trên thế giới có khả năng tiếp nhận tàu Megaship (250.000 Dwt).
- Q2/2023 Doanh thu thuần 912 tỷ đồng (-6,7% YoY), lãi sau thuế 1.711 tỷ đồng (+412% YoY) nhờ ghi nhận lãi bán vốn Cảng Nam Hải Đình Vũ . Lũy kế 6 tháng năm 2023, doanh thu đạt 1.814 tỷ đồng (-2,3% YoY) = 46,3% KH năm, lãi sau thuế 1.966 tỷ đồng (+201% YoY) =173% KH năm. GMD ước lãi trên 3.000 tỷ năm 2023 và sẽ cân nhắc xem có cổ tức đặc biệt hay không khi kết thúc năm tài chính.
- Ngày 24/5/2023 GMD đưa vào khai thác GĐ2 cảng Nam Đình Vũ có công suất tương đương cảng Nam Hải Đình Vũ (1,4tr TEU/năm), GĐ3 (600.000TEU/năm) dự kiến sẽ được đầu tư và vận hành từ 2025.
- Công ty dự kiến cố gắng thoái vốn tại dự án trồng cao su tại Campuchia (30.000ha) trong năm 2023, tiếp tục thoái vốn mảng bất động sản.

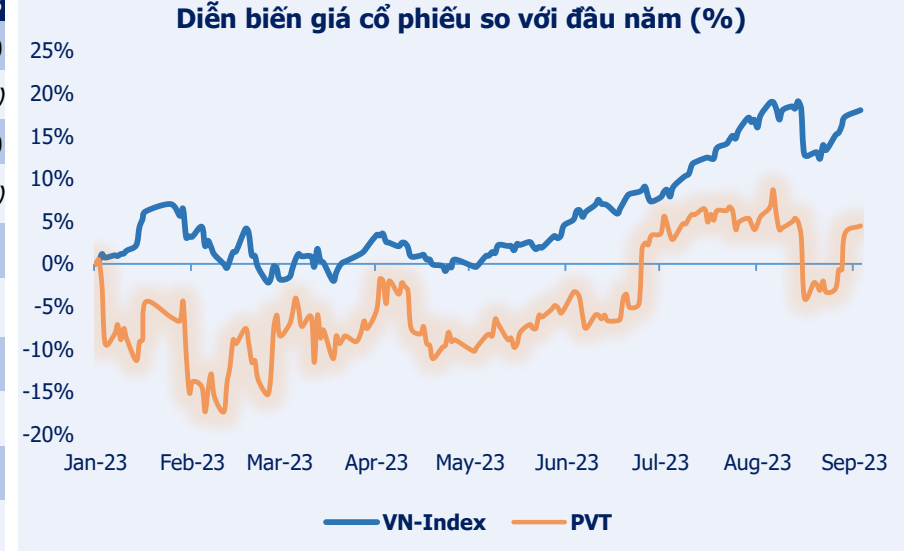


Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

## Tổng Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí (HOSE – PVT)

|                           |                      |                          |                |                |                |                |               |
|---------------------------|----------------------|--------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|---------------|
| <b>Giá hiện tại</b>       | <b>23.200</b>        | <b>(tỷ đồng)</b>         | <b>Q3/2022</b> | <b>Q4/2022</b> | <b>Q1/2023</b> | <b>Q2/2023</b> | <b>KH2023</b> |
| <b>Giá mục tiêu PTKT</b>  | <b>26.000-28.000</b> | <b>Doanh thu</b>         | 2.330,41       | 2.438,72       | 2.043,03       | 2.097,84       | 6.800,00      |
| <b>Giá cao nhất tháng</b> | <b>24.650</b>        | <b>% yoy</b>             | 38,74          | 12,39          | 1,05           | (7,04)         | (24,84)       |
| <b>Vốn hóa (tỷ đồng)</b>  | <b>7.509</b>         | <b>Lãi sau thuế</b>      | 270,80         | 226,92         | 181,87         | 297,17         | 538,00        |
| <b>EPS ttm (đ)</b>        | <b>3.055</b>         | <b>% Yoy</b>             | 187,16         | 17,27          | 19,24          | 43,49          | (51,73)       |
| <b>BV (đ)</b>             | <b>19.564</b>        | <b>Tổng tài sản</b>      | 14.250         | 14.252         | 14.176         | 15.142         |               |
| <b>PE trailing</b>        | <b>11,44</b>         | <b>Vốn chủ sở hữu</b>    | 7.635          | 8.014          | 8.250          | 8.325          |               |
| <b>PB trailing</b>        | <b>1,19</b>          | <b>ROA (%)</b>           | 6,05           | 6,41           | 6,57           | 6,77           |               |
|                           |                      | <b>ROE (%)</b>           | 15,40          | 15,31          | 15,37          | 15,91          |               |
|                           |                      | <b>Biên lãi gộp (%)</b>  | 17,80          | 20,87          | 15,98          | 22,82          |               |
|                           |                      | <b>Biên lãi ròng (%)</b> | 11,62          | 9,31           | 8,90           | 14,17          |               |



- PVTTrans là công ty vận tải dầu khí hàng đầu chuyên chở dầu thô, khí, hóa chất, than cho các đơn vị trong và ngoài tập đoàn PVN, sở hữu đội tàu hàng lỏng lớn nhất Việt Nam (41 tàu tổng trọng tải 1,1tr DWT).
- Q2/2023 Doanh thu thuần 2.097,8 tỷ đồng (-7% YoY), lãi sau thuế 375,6 tỷ đồng (+45,7% YoY). Lũy kế 6 tháng năm 2023, doanh thu đạt 4.135 tỷ đồng (-3,3% YoY) = 60,8% KH năm, lãi sau thuế 612 tỷ đồng (+35,4% YoY) =113% KH năm.
- Trong 7 tháng đầu năm 2023, PVT đã đầu tư thêm 3 tàu dầu/hóa chất (91.721 DWT), thuê thêm 2 tàu dầu/hóa chất (20.000DWT) đưa tổng số tàu hiện có lên 46 chiếc (1,2 triệu DWT). Dự kiến PVT sẽ tiếp tục nhận bàn giao 1 tàu VLGC chở khí hóa lỏng cỡ lớn nhất thế giới (83.000CBM) để nâng cao năng lực vận tải khí LPG. Trong đợt review tháng 8/2023, PVT đã được thêm vào chỉ số MSCI Frontier Market Index.
- 15/9/2023 là ngày đăng ký cuối cùng nhận cổ tức năm 2022 bằng tiền tỷ lệ 3%. Thời gian thực hiện thanh toán dự kiến 5/10/2023.
- Catalyst: việc mở rộng đội tàu giúp gia tăng doanh thu và lợi nhuận, có thể ghi nhận lợi nhuận bất thường trong năm từ việc thanh lý tàu chở dầu thô Athena, nhu cầu vận tải dầu khí hồi phục.

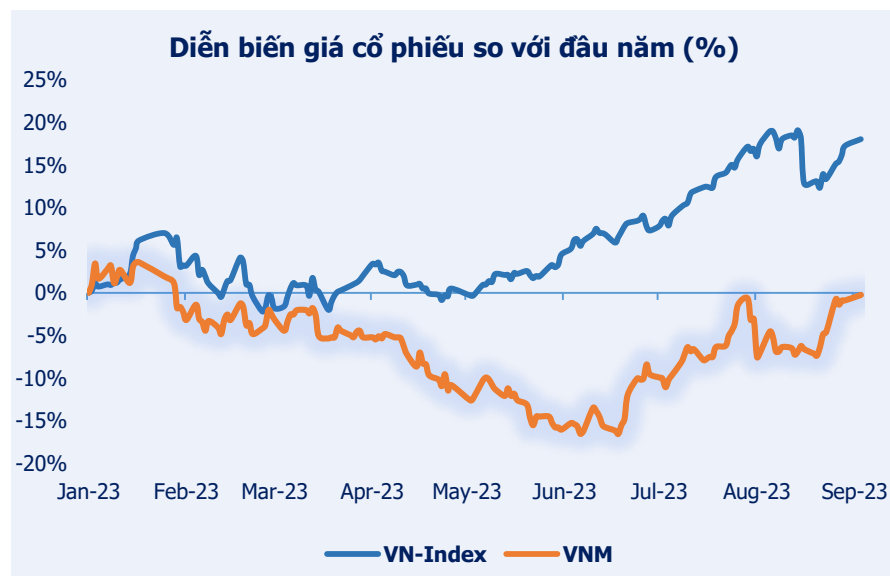


Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

## CTCP Sữa Việt Nam (HOSE – VNM)

|                           |                      |                          |                |                |                |                |               |
|---------------------------|----------------------|--------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|---------------|
| <b>Giá hiện tại</b>       | <b>77.800</b>        | <b>(tỷ đồng)</b>         | <b>Q3/2022</b> | <b>Q4/2022</b> | <b>Q1/2023</b> | <b>Q2/2023</b> | <b>KH2023</b> |
| <b>Giá mục tiêu PTKT</b>  | <b>88.000-89.000</b> | <b>Doanh thu</b>         | 16.079,49      | 15.068,65      | 13.918,39      | 15.194,82      | 63.380,00     |
| <b>Giá cao nhất tháng</b> | <b>78.900</b>        | <b>% yoy</b>             | (0,71)         | (4,74)         | 0,29           | 1,77           | 5,71          |
| <b>Vốn hóa (tỷ đồng)</b>  | <b>162.599</b>       | <b>Lãi sau thuế</b>      | 2.298,40       | 1.869,13       | 1.856,73       | 2.198,81       | 8.622,00      |
| <b>EPS ttm (đ)</b>        | <b>3.512</b>         | <b>% Yoy</b>             | (21,44)        | (14,89)        | (18,04)        | 5,56           | 0,52          |
| <b>BV (đ)</b>             | <b>16.014</b>        | <b>Tổng tài sản</b>      | 51.200         | 48.483         | 49.265         | 50.969         |               |
| <b>PE trailing</b>        | <b>20,06</b>         | <b>Vốn chủ sở hữu</b>    | 33.844         | 32.817         | 34.510         | 36.660         |               |
| <b>PB trailing</b>        | <b>4,78</b>          | <b>ROA (%)</b>           | 17,13          | 16,73          | 15,86          | 15,69          |               |
|                           |                      | <b>ROE (%)</b>           | 25,37          | 24,13          | 22,68          | 21,72          |               |
|                           |                      | <b>Biên lãi gộp (%)</b>  | 39,49          | 38,79          | 38,78          | 40,48          |               |
|                           |                      | <b>Biên lãi ròng (%)</b> | 14,29          | 12,40          | 13,34          | 14,47          |               |



- Doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam và sản xuất sữa và các sản phẩm từ sữa với 15 trang trại, tổng đàn 36.000 con bò sữa, 16 nhà máy tại Việt Nam, Lào, Campuchia, Mỹ.
- Doanh thu Quý II/2023 đạt 15.213 tỷ đồng (+1,7% YoY) trong đó doanh thu nội địa đạt 12.789 tỷ đồng (+2,5% YoY), thị trường nước ngoài doanh thu đạt 2.406 tỷ đồng. Biên lãi gộp Quý II/2023 đạt 40,5%, tăng 1,7% so với quý I/2023 và tương đương với cùng kỳ quý II/2022. Lợi nhuận sau thuế đạt 2.229 tỷ đồng (+6% YoY), biên lãi ròng 14,7% (+1% QoQ và +0,6% YoY). Lũy kế 6 tháng, doanh thu 29.113 tỷ đồng (+1,05%) = 46% KH năm, lợi nhuận sau thuế 4.135 tỷ đồng (-5,7%) = 48% KH năm.
- Giá sữa bột gầy giảm gần 40% từ vùng đỉnh vào đầu tháng 4 năm 2022 kỳ vọng tiếp tục cải thiện biên lợi nhuận của VNM từ QIII/2023.
- Ngày 03/08/2023 là ngày GDKHQ nhận cổ tức còn lại 9,5% năm 2022 và tạm ứng cổ tức 15% đợt 1/2023 bằng tiền.
- Công ty Đầu tư SCIC (SIC) đăng ký bán toàn bộ 965.000 cổ phiếu VNM từ ngày 8/9 đến 7/10/2023.

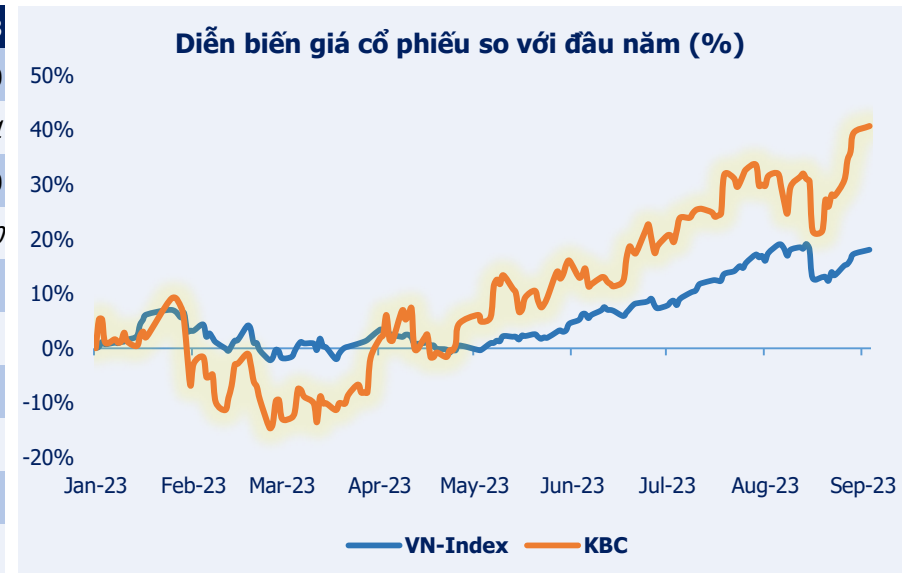


Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

## Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc (HOSE – KBC)

|                           |                      |                          |                |                |                |                |               |
|---------------------------|----------------------|--------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|---------------|
| <b>Giá hiện tại</b>       | <b>34.450</b>        | <b>(tỷ đồng)</b>         | <b>Q3/2022</b> | <b>Q4/2022</b> | <b>Q1/2023</b> | <b>Q2/2023</b> | <b>KH2023</b> |
| <b>Giá mục tiêu PTKT</b>  | <b>35.000-37.000</b> | <b>Doanh thu</b>         | 203,23         | (331,19)       | 2.223,06       | 2.051,21       | 9.000,00      |
| <b>Giá cao nhất tháng</b> | <b>34.700</b>        | <b>% yoy</b>             | (37,44)        | #N/A N/A       | 221,42         | 491,28         | 840,11        |
| <b>Vốn hóa (tỷ đồng)</b>  | <b>26.444</b>        | <b>Lãi sau thuế</b>      | 1.918,67       | (507,33)       | 940,74         | 980,02         | 4.000,00      |
| <b>EPS ttm (đ)</b>        | <b>4.342</b>         | <b>% Yoy</b>             | #N/A N/A       | #N/A N/A       | 95,74          | #N/A N/A       | 150,50        |
| <b>BV (đ)</b>             | <b>23.536</b>        | <b>Tổng tài sản</b>      | 33.375         | 34.907         | 35.093         | 33.765         |               |
| <b>PE trailing</b>        | <b>8,13</b>          | <b>Vốn chủ sở hữu</b>    | 18.643         | 17.846         | 18.902         | 20.044         |               |
| <b>PB trailing</b>        | <b>1,46</b>          | <b>ROA (%)</b>           | 8,04           | 4,63           | 5,95           | 10,28          |               |
|                           |                      | <b>ROE (%)</b>           | 17,54          | 10,10          | 12,53          | 20,56          |               |
|                           |                      | <b>Biên lãi gộp (%)</b>  | 47,88          | #N/A N/A       | 69,78          | 70,77          |               |
|                           |                      | <b>Biên lãi ròng (%)</b> | 944,07         | #N/A N/A       | 42,32          | 42,10          |               |



- KBC sở hữu 6.386,54ha đất KCN, 1.262,8ha đất khu đô thị và 78,9ha đất dự án khác trong đó, có 04 KCN (1.013 ha) đạt tỷ lệ lấp đầy 100% và 01 KCN có diện tích 426 ha đã lấp đầy 95,89%.
- Q2/2023: Doanh thu thuần 2.051,21 tỷ đồng (gấp 5,2 lần so với cùng kỳ), biên lợi nhuận 72,75%, lãi sau thuế 746,80 tỷ đồng (cùng kỳ 2022 lỗ 323,02 tỷ đồng). Lũy kế 6T2023, KBC ghi nhận doanh thu 4.274,27 tỷ đồng (gấp gần 4 lần cùng kỳ) và lợi nhuận sau thuế 1.803,16 tỷ đồng (gấp 9 lần cùng kỳ), hoàn thành 47,49% KH doanh thu và 45,08% KH lợi nhuận năm 2023.
- Ngày 19/07, Bắc Giang đã duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 KCN Quang Châu mở rộng (diện tích 90,59ha – vốn đầu tư 996 tỷ đồng) của KBC. Theo KBC, Tập đoàn Ingrasys (Singapore) và Tập đoàn Foxconn của Đài Loan đã đặt cọc và ký biên bản ghi nhớ thuê phần lớn diện tích đất tại đây.
- Tại 30/6/2023, KBC đã thanh toán toàn bộ nợ vay trái phiếu, nợ ngắn hạn giảm 3.047 tỷ đồng so với đầu năm về 904 tỷ đồng, bất động sản đầu tư (nhà xưởng hạ tầng KCN) tăng thêm 907 tỷ đồng, xây dựng cơ bản dở dang giảm 655 tỷ do đã thoái vốn tại dự án Viễn Đông Meridian Tower (Đà Nẵng).
- KBC đã chuyển đổi khoản nợ phải thu 1.188 tỷ của công ty con CTCP Khu công nghiệp Sài Gòn – Hải Phòng (SHP) thành 11,88 triệu cổ phần mệnh giá 100.000 đồng/cp qua đó tăng sở hữu từ 86,54% lên 89,26%. SHP là chủ đầu tư dự án Khu công nghiệp và Khu đô thị Tràng Duệ tại Hải Phòng trong đó, KCN Tràng Duệ 1&2 với tổng quy mô 402ha đã lấp đầy 100% vào năm 2019. Hiện KBC sẽ tiếp tục hoàn thiện phê duyệt và chấp thuận chủ trương đầu tư cho dự án Khu công nghiệp Tràng Duệ 3 (687ha), dự kiến vào Quý 3/2023.



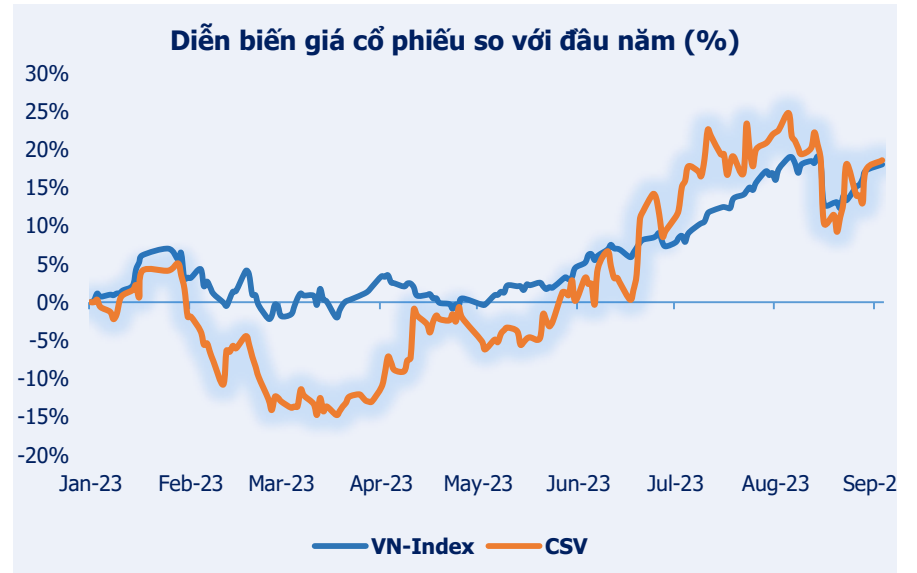


Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

## CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam (HOSE – CSV)

|                           |                      |                          |                |                |                |                |               |
|---------------------------|----------------------|--------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|---------------|
| <b>Giá hiện tại</b>       | <b>36,950</b>        | <b>(tỷ đồng)</b>         | <b>Q3/2022</b> | <b>Q4/2022</b> | <b>Q1/2023</b> | <b>Q2/2023</b> | <b>KH2023</b> |
| <b>Giá mục tiêu PTKT</b>  | <b>38.000-40.000</b> | <b>Doanh thu</b>         | 574,49         | 485,58         | 391,62         | 357,79         | 1.956,71      |
| <b>Giá cao nhất tháng</b> | <b>39.600</b>        | <b>% yoy</b>             | 61,34          | (6,91)         | (18,84)        | (36,30)        | (7,01)        |
| <b>Vốn hóa (tỷ đồng)</b>  | <b>1.633</b>         | <b>Lãi sau thuế</b>      | 101,43         | 44,33          | 62,71          | 50,04          | 216,30        |
| <b>EPS ttm (đ)</b>        | <b>5.604</b>         | <b>% Yoy</b>             | 159,38         | (41,35)        | (33,61)        | (56,20)        | (46,80)       |
| <b>BV (đ)</b>             | <b>31.569</b>        | <b>Tổng tài sản</b>      | 1.756          | 1.718          | 1.694          | 1.682          |               |
| <b>PE trailing</b>        | <b>6,60</b>          | <b>Vốn chủ sở hữu</b>    | 1.422          | 1.429          | 1.461          | 1.461          |               |
| <b>PB trailing</b>        | <b>1,17</b>          | <b>ROA (%)</b>           | 24,95          | 22,33          | 19,88          | 15,22          |               |
|                           |                      | <b>ROE (%)</b>           | 31,96          | 27,77          | 23,96          | 18,62          |               |
|                           |                      | <b>Biên lãi gộp (%)</b>  | 31,86          | 22,88          | 30,78          | 25,88          |               |
|                           |                      | <b>Biên lãi ròng (%)</b> | 17,66          | 9,13           | 16,01          | 13,99          |               |



### • ĐẠT MỤC TIÊU GIÁ

- Ngày 28/08/2023 CSV sẽ chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức đợt 3/2022, bằng tiền với tỷ lệ 15%, dự kiến thanh toán 13/9/2023.
- KQKD Q2/2023: Doanh thu thuần đạt 357,79 tỷ đồng (-36,3% YoY), LNST đạt 57,08 tỷ đồng (-55,6% YoY) do sản lượng và giá bán bình quân trong kỳ đều sụt giảm. Lũy kế 06 tháng 2023, doanh thu thuần đạt 749,40 tỷ đồng (-28,2% YoY) = 38,3% KH, LNTT đạt 159,8 tỷ đồng (-46,9% YoY) = 59% KH, EPS 06 tháng đạt 2.324.
- Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Thạch sẽ đầu tư trước dây chuyền sản xuất Xút-Clo công suất 20.000 tấn NaOH/năm, tiếp theo sẽ di dời cuốn chiếu các dây chuyền sản xuất khác tại KCN Biên Hòa 1 về KCN Nhơn Thạch 6.

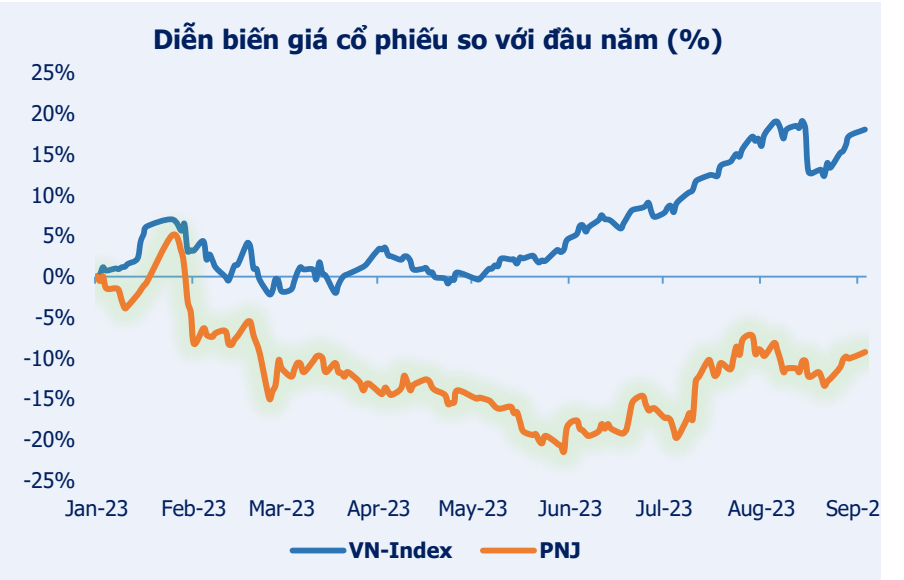


Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

## CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (HOSE – PNJ)

|                           |                       |                          |                |                |                |                |               |
|---------------------------|-----------------------|--------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|---------------|
| <b>Giá hiện tại</b>       | <b>80.500</b>         | <b>(tỷ đồng)</b>         | <b>Q3/2022</b> | <b>Q4/2022</b> | <b>Q1/2023</b> | <b>Q2/2023</b> | <b>KH2023</b> |
| <b>Giá mục tiêu PTKT</b>  | <b>95.000-100.000</b> | <b>Doanh thu</b>         | 7.363,98       | 8.301,98       | 9.795,69       | 6.663,32       | 35.597,95     |
| <b>Giá cao nhất tháng</b> | <b>83.400</b>         | <b>% yoy</b>             | 739,71         | 18,04          | (3,42)         | (17,41)        | 5,08          |
| <b>Vốn hóa (tỷ đồng)</b>  | <b>26.404</b>         | <b>Lãi sau thuế</b>      | 252,27         | 470,31         | 748,59         | 337,59         | 1.937,20      |
| <b>EPS ttm (đ)</b>        | <b>5.395</b>          | <b>% Yoy</b>             | #N/A           | N/A            | 3,75           | 3,82           | (8,02)        |
| <b>BV (đ)</b>             | <b>28.031</b>         | <b>Tổng tài sản</b>      | 12.463         | 13.337         | 12.831         | 13.493         |               |
| <b>PE trailing</b>        | <b>14,92</b>          | <b>Vốn chủ sở hữu</b>    | 8.318          | 8.444          | 9.193          | 9.194          |               |
| <b>PB trailing</b>        | <b>2,87</b>           | <b>ROA (%)</b>           | 16,58          | 15,12          | 15,17          | 14,76          |               |
|                           |                       | <b>ROE (%)</b>           | 25,85          | 25,05          | 21,37          | 21,00          |               |
|                           |                       | <b>Biên lãi gộp (%)</b>  | 16,95          | 17,70          | 19,40          | 18,15          |               |
|                           |                       | <b>Biên lãi ròng (%)</b> | 3,43           | 5,67           | 7,64           | 5,07           |               |



- Công ty hàng đầu về sản xuất và kinh doanh trang sức tại Việt Nam.
- Quý II/2023 Doanh thu thuần 6.663 tỷ đồng (-17,4% YoY), lãi sau thuế 335 tỷ đồng (-8,8% YoY) do doanh thu kênh bán sỉ giảm 45% so cùng kỳ. Lũy kế 6 tháng năm 2023, doanh thu đạt 16.459 tỷ đồng (-9,6% YoY) = 46,2% KH năm, lãi sau thuế 1.083 tỷ đồng (-0,5% YoY) = 55,9% KH năm.. Trong 6 tháng 2023, mở mới thêm 21 cửa hàng và đóng cửa 4 cửa hàng PNJ Gold, ra mắt thương hiệu mới PNJ Hello Kitty hợp tác với Sanrio (Nhật). Trong 7 tháng PNJ đã mở mới 26 cửa hàng và đóng cửa 5 cửa hàng, tổng cộng có 384 cửa hàng độc lập đến cuối tháng 7/2023, bao gồm 371 cửa hàng PNJ, 3 CH CAO Fine Jewellery, 5 CH Style by PNJ, 2 CH PNJ Watch và 3 CH PNJ Art.
- Ước đạt 2.364 tỷ đồng doanh thu và 85 tỷ lãi sau thuế tháng 7. Lũy kế 7 tháng đạt 18.823 tỷ đồng doanh thu (-9,2% YoY), 1.171 tỷ đồng lãi sau thuế (+0,3% YoY), tương ứng 52,9% KH doanh thu và 60,4% KH lợi nhuận. Biên lãi gộp 7 tháng đạt 18,7%, cao hơn mức 17,4% cùng kỳ 2022
- Sprucegrove Investment Management Ltd (Canada) đã mua 650.300 cổ phiếu PNJ ngày 22/06/2023, nâng sở hữu từ 4,86% (15,93 triệu cp) lên 5,06% (16,58 triệu cp), qua đó trở thành cổ đông lớn của PNJ. Nhóm cổ đông DC đã mua thêm 1.172.200 cổ phiếu nâng tỷ lệ từ 8,78% lên 9,14% ngày 1/8/23.

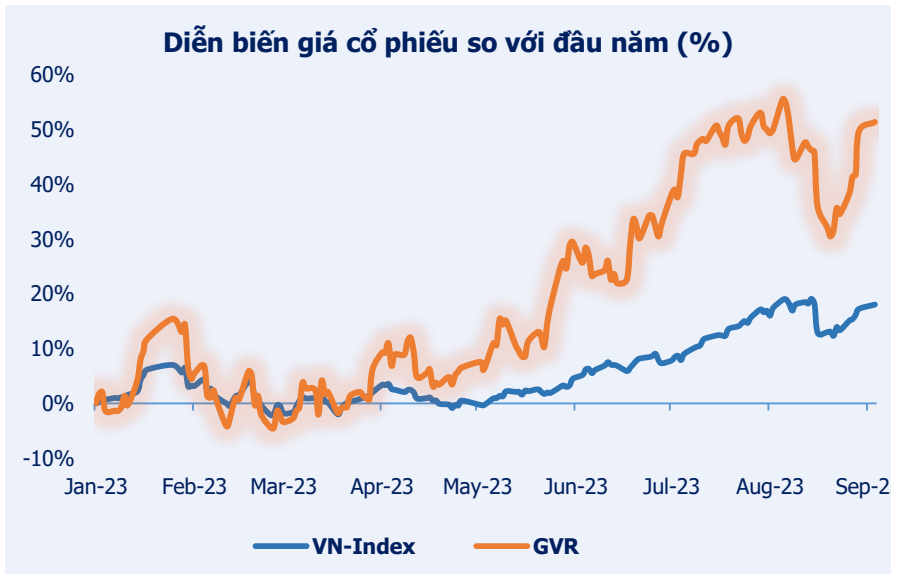


Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

## Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (HOSE – GVR)

|                           |                      |                          |                |                |                |                |               |
|---------------------------|----------------------|--------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|---------------|
| <b>Giá hiện tại</b>       | <b>21.850</b>        | <b>(tỷ đồng)</b>         | <b>Q3/2022</b> | <b>Q4/2022</b> | <b>Q1/2023</b> | <b>Q2/2023</b> | <b>KH2023</b> |
| <b>Giá mục tiêu PTKT</b>  | <b>22.000-24.000</b> | <b>Doanh thu</b>         | 5.847,18       | 9.012,78       | 4.135,17       | 4.272,64       | 27.527,00     |
| <b>Giá cao nhất tháng</b> | <b>22.850</b>        | <b>% yoy</b>             | (4,94)         | (3,91)         | (15,50)        | (25,24)        | 8,74          |
| <b>Vốn hóa (tỷ đồng)</b>  | <b>87.400</b>        | <b>Lãi sau thuế</b>      | 835,10         | 931,51         | 549,81         | 558,18         | 4.264,00      |
| <b>EPS ttm (đ)</b>        | <b>718</b>           | <b>% YoY</b>             | (32,68)        | (30,48)        | (47,89)        | (45,12)        | (11,13)       |
| <b>BV (đ)</b>             | <b>12.413</b>        | <b>Tổng tài sản</b>      | 79.587         | 78.377         | 77.043         | 76.664         |               |
| <b>PE trailing</b>        | <b>31,50</b>         | <b>Vốn chủ sở hữu</b>    | 54.846         | 53.466         | 54.291         | 54.175         |               |
| <b>PB trailing</b>        | <b>1,76</b>          | <b>ROA (%)</b>           | 5,34           | 4,88           | 4,26           | 3,69           |               |
|                           |                      | <b>ROE (%)</b>           | 8,53           | 7,92           | 6,71           | 5,80           |               |
|                           |                      | <b>Biên lãi gộp (%)</b>  | 27,03          | 19,95          | 24,32          | 21,78          |               |
|                           |                      | <b>Biên lãi ròng (%)</b> | 14,28          | 10,21          | 13,30          | 13,42          |               |



- KQKD Q2/2023: Doanh thu thuần đạt 4.273 tỷ đồng (-23,1% YoY), Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 970 tỷ đồng (-35% YoY) và LNST đạt 717 tỷ đồng (-40,2% YoY). Lũy kế 06 tháng 2023, doanh thu thuần đạt 8.408 tỷ đồng (-19,6% YoY) = 30,5% KH năm, LNST đạt 1.473 tỷ đồng (-40,9% YoY) = 34,5% KH năm. Nguyên nhân chênh lệch lợi nhuận do giá bán mủ cao su giảm, trong khi giá cả nhiều mặt hàng đầu vào tăng mạnh; bên cạnh đó các đơn vị có đầu tư dự án tại Lào trích lập dự phòng suy giảm giá trị đầu tư do sự suy giảm giá trị của đồng Kip Lào.
- Dự án KCN Nam Tân Uyên mở rộng GD2 (344 ha) đã được TT phê duyệt chủ trương đầu tư và UBND tỉnh Bình Dương đã có quyết định cho thuê đất để thực hiện dự án; Các dự án đã được trình Thủ tướng Chính phủ gồm: Dự án đầu tư KCN 317 ha do CTCP KCN Bắc Đồng Phú làm chủ đầu tư; Dự án KCN Rạch Bắp mở rộng 360 ha (Bình Dương); Dự án KCN Hiệp Thạnh giai đoạn 1 ở tỉnh Tây Ninh quy mô 495,17 ha; Dự án KCN Minh Hưng III mở rộng (577,53 ha).
- Ngày 28/7/2023, Công ty C.R.C.K (GVR nắm 100% vốn) khánh thành nhà máy chế biến mủ cao su 6.000 tấn/năm tại Campuchia, diện tích khai thác 4.107 ha, vốn đầu tư 77,4 tỷ đồng.
- Triển vọng: 1/Nhu cầu cao su tự nhiên từ Trung Quốc phục hồi sau giai đoạn phòng chống Covid; 2/Mở rộng diện tích các KCN thông qua chuyển đổi đất trồng cây cao su và phát triển mới nhằm đón đầu xu hướng chuyển dịch đầu tư từ các quốc gia sang Việt Nam. Hiện tại GVR đang khai thác 3.932ha diện tích các KCN tại Tp. HCM, Bình Dương, Đồng Nai, Bình Phước...và mục tiêu tới năm 2025 sẽ phát triển thêm 19.513ha, nâng tổng diện tích các KCN lên 23.444ha (1.734ha đang triển khai các thủ tục đầu tư). 3/Nghị định 10 bổ sung Luật Đất đai sẽ giúp đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án KCN của GVR.



Biến cơ hội thành giá trị

# TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

**Website:** [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

*Chịu trách nhiệm nội dung:*

**Phó phòng phụ trách: Ngô Thế Hiển**  
[Hien.nth@shs.com.vn](mailto:Hien.nth@shs.com.vn)

**Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường**  
[Cuong.hnv2@shs.com.vn](mailto:Cuong.hnv2@shs.com.vn)

**Trưởng nhóm: Phan Tấn Nhật**  
[Nhat.pt@shs.com.vn](mailto:Nhat.pt@shs.com.vn)

**Trưởng nhóm: Đoàn Thị Ánh Nguyệt**  
[Nguyet.dta@shs.com.vn](mailto:Nguyet.dta@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành**  
[Thanh.nk@shs.com.vn](mailto:Thanh.nk@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Trần Hồng Mây**  
[May.th@shs.com.vn](mailto:May.th@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên**  
[Kien.bm@shs.com.vn](mailto:Kien.bm@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi Bloomberg, FiinGroup và Fialda*

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:  
**Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

## **Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Q. Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

## **Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 3, Cao Ốc Sài Gòn Metropolitan  
Số 235 Đồng Khởi, P. Bến Nghé, Q1,  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

## **Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)